

HOẠT ĐỘNG CỦA PHÁP TRONG LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở VIỆT NAM



Bản báo cáo này do ông Bruno Paing,
Tùy viên Hợp tác (Khoa học và Công nghệ, Học bổng)
thuộc Trung tâm Văn hóa và Hợp tác thực hiện,
với sự giúp đỡ của cô Annie Nguyễn Ngọc Thanh,
người được học bổng Gió Đông, và người đọc lại là TS Eric Castelli,
Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế MICA
và cô Solange Delaporte, phụ trách Hợp tác tại Trung tâm Văn hóa
và Hợp tác

Thiết kế và in


tntdesignvn@yahoo.com



LỜI NÓI ĐẦU

Lĩnh vực nghiên cứu khoa học là một trong những ưu tiên trong kế hoạch hành động đối tác Pháp - Việt. Nước Việt Nam nắm bắt vận hội và nhận thức lợi ích của việc tạo ra cho mình một khả năng khoa học và công nghệ để củng cố chính sách công khai về phát triển. Tháng 6 năm 2003, Hội nghị Thượng đỉnh G8 ở Evian đã nhắc lại sự cần thiết phải ủng hộ sự hợp tác khoa học quốc tế nhằm đem khoa học và công nghệ phục vụ cho sự phát triển bền vững trong các nước đang vươn lên.

Thách thức của sự phát triển bền vững làm cho tiến bộ kinh tế và xã hội tương hợp với sự duy trì những cân bằng lớn trên hành tinh. Việc làm chủ được những vận hội lớn của thế giới không thể thực hiện được nếu không thu được những tri thức mới. Vậy nên việc giảm bớt nghèo đói, an ninh lương thực và sức khoẻ, sự thích ứng với các phương thức tiêu thụ và sản xuất, việc áp dụng khoa học xã hội trong các chính sách phát triển, sự gia tăng nghiên cứu về công nghệ và năng lượng, sự bảo tồn tính đa dạng sinh học là những đề tài nghiên cứu gắn liền với sự phát triển bền vững.

Nước Việt Nam đã tạo ra những công cụ cần thiết cho việc xây dựng một nền nghiên cứu khoa học có hiệu năng: chọn các phòng thí nghiệm trọng điểm, xây dựng Quỹ Quốc gia về nghiên cứu, xác định các đề tài nghiên cứu khoa học ưu tiên.

Nước Pháp mong muốn đổi mới sự hỗ trợ cho việc nghiên cứu ở Việt Nam bằng cách huy động các tiềm lực của các cơ sở nghiên cứu của Pháp để họ phát triển với các đối tác Việt Nam những kiến thức khoa học, kinh tế và xã hội mà khu vực yêu cầu. Nghiên cứu khoa học ở Pháp mang một hình ảnh tích cực và chất lượng của nó được thừa nhận ở Việt Nam, nhiều hoạt động đã hoặc đang được tiến hành về phát triển bền vững và giúp đỡ cho việc nghiên cứu khoa học ở Việt Nam.

Việc nghiên cứu trong những bộ môn khác nhau của khoa học về sự sống, kinh tế, con người và xã hội, công nghệ góp phần cho việc thực hiện một sự phát triển bền vững. Với mong muốn bảo đảm tính hiệu quả, chính sách hợp tác khoa học của Pháp ở Việt Nam khuyến khích các nhà nghiên cứu làm việc trong sự liên ngành và ngay từ lúc đang nghiên cứu đã liên kết với các đối tác trong xã hội dân sự có khả năng sử dụng các kết quả ấy.

Một mục tiêu khác của chính sách hợp tác khoa học là đáp ứng các nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực, nước Việt Nam thực sự mong muốn nhờ sự giúp đỡ của nước Pháp để hiện đại hoá công cuộc nghiên cứu khoa học. Việc giúp đỡ đào tạo các nhà nghiên cứu Việt Nam đã được tiến hành trong dự án FSP ESPOIR trong ấy mô hình các Trường học Khoa học ở Đồ Sơn được xem là một ví dụ trong việc hỗ trợ các cố gắng nhằm đổi mới phương pháp khoa học và sư phạm. Dự án FSP “Hỗ trợ nghiên cứu những thách thức của sự chuyển giao kinh tế và xã hội” đã được các bên Pháp và Việt Nam chấp nhận và nằm trong chính sách đối tác Pháp - Việt về đào tạo những nhà nghiên cứu trẻ tuổi của Việt Nam và chia sẻ kinh nghiệm của nước Pháp.

Nước Pháp mong muốn có một vị trí của ưu tiên trong việc khuyến khích và tăng cường các khả năng của Việt Nam trong lĩnh vực các công nghệ mũi nhọn và giúp đỡ các cơ quan quốc gia về nghiên cứu để thực hiện những mục tiêu nói trên.

Tu cordialement
Antoine Pouillieute

Antoine POUILLIEUTE
Đại sứ Pháp tại Việt Nam

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
MỤC LỤC	4
I - GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU TẠI VIỆT NAM	6
A. Yêu cầu chính trị của nghiên cứu và công nghệ	6
B. Các phương tiện	7
C. Các cơ quan nghiên cứu và các lĩnh vực khoa học được nghiên cứu	8
II - CHIẾN LƯỢC HỢP TÁC CỦA PHÁP Ở VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU	10
A. Chính sách Pháp - Việt về hợp tác văn hóa và khoa học	10
B. Giúp đỡ đào tạo nguồn nhân lực khoa học	11
C. Hỗ trợ phát triển các phòng thí nghiệm trọng điểm	12
D. Các lĩnh vực ưu tiên hoạt động của nước Pháp để phát triển nghiên cứu	13
III - CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU CỦA PHÁP Ở VIỆT NAM	14
A. Trung tâm Hợp tác Quốc tế về Nghiên cứu Phát triển Nông nghiệp (CIRAD)	14
B. Viện Nghiên cứu Phát triển (IRD)	16
C. Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp (EFEO)	18
D. Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia (CNRS)	20
E. Ủy hội Năng lượng Nguyên tử (CEA)	22
F. Ủy ban Hợp tác Khoa học và Kỹ thuật với Việt Nam (CCSTVN)	25
G. Các cơ quan thuộc lĩnh vực y tế: Viện Pasteur và ANRS	26
H. Các cơ quan thuộc lĩnh vực tin học: CCSTVN, MICA và IFI	30
IV - THỐNG KÊ CÁC HOẠT ĐỘNG	35
A. Các hoạt động của CIRAD	35
B. Các hoạt động của IRD	39
C. Các hoạt động của CNRS	41
D. Các hoạt động của CEA	45
E. Các hoạt động của EFEO	46
F. Các hoạt động trong lĩnh vực Y tế	48
G. Các hoạt động trong lĩnh vực Khoa học Xã hội	51
H. Các hoạt động trong lĩnh vực Môi trường, Nông nghiệp và Công nghệ Sinh học	53
I. Các hoạt động trong lĩnh vực Tin học	55
J. Các hoạt động đã hoàn thành	57
PHỤ LỤC I: CÁC VIỆN TRỰC THUỘC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM (ASSV)	59
Viện Triết học	59
Viện Xã hội học	60



Viện Khảo cổ học	61
Viện Dân tộc học	62
Viện Sử học	63
Viện Kinh tế Việt Nam	64
Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới	65
Viện Nhà nước và Pháp luật	66
Viện Nghiên cứu Con người	67
Viện Văn học	68
Viện Ngôn ngữ học	69
Viện Nghiên cứu Văn hóa	70
Viện Nghiên cứu Hán - Nôm	71
Viện Nghiên cứu Đông Nam Á	72
Viện Tâm lý học	73
Viện Nghiên cứu Tôn giáo	74
Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ	75
Viện Nghiên cứu Trung Quốc	76
Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á	77
Viện Nghiên cứu Châu Âu	78
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ	79
Viện Nghiên cứu Môi trường và Phát triển Bền vững	80
Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới	81
Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	82
Viện Thông tin Khoa học Xã hội	83

PHỤ LỤC II: CÁC VIỆN TRỰC THUỘC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (ASTV) 84

Viện Địa chất	84
Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	85
Viện Địa lý	86
Viện Công nghệ Thông tin	87
Viện Kỹ thuật Nhiệt đới	88
Viện Hóa học	89
Viện Khoa học Vật liệu	90
Viện Toán học	91
Viện Cơ học ứng dụng	92
Viện Cơ học	93
Viện Công nghệ Sinh học	94
Viện Công nghệ Hóa học	95
Viện Sinh học Nhiệt đới	96
Viện Hóa học các Hợp chất Thiên nhiên	97
Viện Công nghệ Môi trường	98
Viện Vật lý và Điện tử	99
Viện Hải dương học	100
Viện Vật lý Địa cầu	101

TỪ VỰNG 102

I. GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU TẠI VIỆT NAM

A. YÊU CẦU CHÍNH TRỊ CỦA NGHIÊN CỨU VÀ CÔNG NGHỆ

PHẢI CHĂNG CÓ MỘT CHÍNH SÁCH QUỐC GIA THÚC ĐẨY VIỆC NGHIÊN CỨU?

Luật đầu tiên về Khoa học và Công nghệ (số 21/2000-QH10) đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 9/6/2000 và được ban hành theo pháp lệnh số 08L/CTN của Chủ tịch nước ngày 22/6/2000 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2001. Luật xác lập những điều quy định chung về nghiên cứu khoa học và công nghệ ở Việt Nam, nhiệm vụ của các cơ quan nghiên cứu và các trường đại học cũng như các biện pháp để phát triển khả năng cung cấp kinh phí và hợp tác quốc tế.

Vì vậy Chính phủ Việt Nam phải thành lập một “**Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia**” để cấp kinh phí cho những đề tài được tuyển chọn theo đăng ký. Luật cũng dự kiến cả khả năng lập ra những quỹ phát triển theo sáng kiến của các Bộ hay cơ quan ngang bộ, các Ủy ban nhân dân và ngay cả các cá nhân.

Hiện nay Bộ Khoa học và Công nghệ (MOST) đang cố gắng xây dựng **Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia** (NAFOSTED) với số tiền là 200 tỷ VND (vào khoảng 12,5 M€). Chính phủ Việt Nam đang nghiên cứu các cơ chế của quỹ này.

Ngoài ra MOST cũng đã xác định 17 phòng thí nghiệm trọng điểm sẽ nhận được kinh phí từ 3 đến 4 triệu USD trong 3 năm. Nếu như MOST có thẩm quyền khoa học để chỉ định các phòng thí nghiệm ấy và xác định các hướng ưu tiên của nghiên cứu khoa học của Việt Nam thì ngân sách cấp cho các phòng thí nghiệm trọng điểm sẽ được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) quản lý.

CÁC BỘ HAY TỔ CHỨC BẢO TRỢ VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Bộ Khoa học và Công nghệ điều phối tất cả các hoạt động khoa học trong nước. Bộ này có 1800 người phân bố trong 30 Vụ, Cục, Viện. Nếu như MOST có thẩm quyền được khẳng định đối với các quyết định về định hướng khoa học, Bộ này chỉ nhận được 10% ngân sách mà Chính phủ Việt Nam dành cho nghiên cứu khoa học. Như vậy nhiều Cục, Vụ, Viện thuộc MOST phải tạo ra khả năng tự tìm ra kinh phí bằng cách thực hiện các đề án nghiên cứu hay xuất bản hoặc có khi được cấp kinh phí trực tiếp từ một Bộ khác. MOST có mặt ở nước ngoài thông qua 4 tùy viên khoa học Việt Nam trong các Đại sứ quán Việt Nam ở Pháp, Ấn Độ, Trung Quốc và Nga. Đang nghiên cứu khả năng có đại diện ở Đức, Nhật và Mỹ.

Viện nghiên cứu chiến lược và chính sách khoa học và công nghệ (NISTPASS) thuộc MOST giữ vai trò kiến nghị các định hướng chính sách khoa học và chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

CƠ QUAN KHAI THÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ

Hoạt động khai thác kết quả nghiên cứu hình như hiện nay được thực hiện bởi các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ nhưng còn cần phải phát triển thêm vì hiện nay số doanh nghiệp tư nhân còn ít (50.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2003, trong ấy 2/3 ở miền Nam Việt Nam) còn các doanh nghiệp lớn của Nhà nước cấp kinh phí trực tiếp cho các phòng thí nghiệm của mình và khai thác các kết quả nghiên cứu.



Trung tâm Thông tin tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia (CNIDST) thuộc MOST đảm bảo việc điều phối hệ thống quốc gia về thông tin và tư liệu khoa học của Việt Nam. Trung tâm này phối hợp 350 đơn vị thông tin thuộc các Bộ, Ủy ban Nhà nước, doanh nghiệp, trường đại học, bệnh viện và viện nghiên cứu của Việt Nam.

Hiện nay chưa có cơ quan đánh giá theo đúng nghĩa của nó ở Việt Nam. Tuy nhiên sau việc thành lập một Quỹ Quốc gia về nghiên cứu phải có một cơ cấu đánh giá để có thể đánh giá được những đề án được cấp kinh phí, mục đích của Quỹ nghiên cứu này là tăng cường “tính hiệu quả” và “năng suất” của hoạt động nghiên cứu bằng cách gắn liền việc cấp kinh phí cho các đề án với kết quả việc đánh giá khoa học.

B. CÁC PHƯƠNG TIỆN

NGÂN SÁCH HÀNG NĂM

Tổng ngân sách đầu tư cho khoa học và công nghệ ở Việt Nam năm 2002 là 3000 tỷ VND (150 triệu €), tức là 2% chi tiêu của Chính phủ và 0,45% PNB. 30% của ngân sách ấy được quản lý bởi MPI, 17% bởi các tỉnh, 10% bởi MOST, phần còn lại phân phối giữa các Bộ khác nhau (Giáo dục, Môi trường, Công nghiệp, Bưu chính Viễn thông,...) và cơ quan ngang Bộ (VAST, VASS, các Trường Đại học Quốc gia...).

Cần phải kể thêm vào ngân sách ấy các khoản kinh phí trực tiếp cấp cho các Trung tâm nghiên cứu bởi các Ủy ban nhân dân Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là những nơi có khả năng cấp kinh phí rất lớn, không phụ thuộc vào ngân sách của Chính phủ.

Sự phân bổ theo lĩnh vực của ngân sách nghiên cứu như sau (số liệu năm 2000):

Khoa học kỹ thuật	31%
Khoa học Y- Dược	20%
Khoa học Xã hội và Nhân văn	18%
Khoa học Nông nghiệp	16%
Khoa học Tự nhiên	15%

Phần dành cho khu vực tư nhân còn rất ít, khu vực tư nhân còn ở bước ban đầu.

Ngân sách năm 2000 là 1508 tỷ VND (75 M€) và năm 2002 là 3000 tỷ VND, như vậy có tăng trưởng rõ rệt trong cố gắng của Nhà nước Việt Nam để thúc đẩy nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, ngân sách đã tăng 100% trong 2 năm.

NHÂN LỰC NGHIÊN CỨU

Cộng đồng Khoa học theo nghĩa rộng gồm có 3,47 triệu người với 2 triệu kỹ thuật viên và 1,47 triệu người có trình độ Đại học. Tuy nhiên cộng đồng nhà nghiên cứu thì hẹp hơn, có khoảng 25000 (trình độ sau đại học) trong đó chỉ có khoảng 13.500 nhà nghiên cứu trình độ Tiến sĩ. Các nhà nghiên cứu ấy phân bố trong 1101 cơ quan nghiên cứu, khoa học và kỹ thuật, trong ấy chỉ có 41 là của tư nhân. Cần phải lưu ý rằng số người làm nghiên cứu tương đối nhiều tuổi, tuổi bình quân là 52. Việc đào tạo nhân lực trong lĩnh vực khoa học và công nghệ là một ưu tiên trong sự phát triển nghiên cứu ở Việt Nam.

Sự phân bố của nhân lực nghiên cứu theo lĩnh vực như sau:

Khoa học kỹ thuật	34%
Khoa học Y- Dược	18%
Khoa học Xã hội và Nhân văn	13%
Khoa học Nông nghiệp	24%
Khoa học Tự nhiên	11%

Ngoài ra còn phải kể đến vai trò đặc biệt của các nhà nghiên cứu gốc Việt sinh sống trong các nước phương Tây (đặc biệt là ở Pháp) trong việc hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu của Việt Nam và cho việc truyền bá các kết quả nghiên cứu nhờ ảnh hưởng của họ trong cộng đồng khoa học quốc tế, trong nhiều trường hợp họ chính là những người đi tiên phong trong công cuộc hợp tác quốc tế về khoa học với Việt Nam.

C. CÁC CƠ QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CÁC LĨNH VỰC KHOA HỌC ĐƯỢC NGHIÊN CỨU

CÁC LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU CHÍNH VÀ CÁC ƯU TIÊN KHOA HỌC QUỐC GIA

Các chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm được Bộ Khoa học và Công nghệ (MOST) xác định cho giai đoạn 2001-2005 như sau:

- Công nghệ thông tin và viễn thông (ưu tiên cho sự phát triển phần mềm).
- Phát triển các vật liệu mới (công nghệ nano ...)
- Tự động hóa
- Công nghệ sinh học (đặc biệt là những ứng dụng trong các lĩnh vực y tế và nông nghiệp)
- Công nghệ chế tạo máy
- Áp dụng công nghệ tiên tiến để sản xuất hàng hóa xuất khẩu.
- Công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông nghiệp
- Môi trường và phòng chống thiên tai
- Công nghệ biển (nghiên cứu đáy biển)
- Y học và sức khoẻ cộng đồng

Về các ngành khoa học xã hội, có 8 chương trình thí điểm xác định các đề tài nghiên cứu ưu tiên cho thấy yêu cầu khuyến khích sự phát triển các nghiên cứu đổi mới trong lĩnh vực khoa học xã hội ở Việt Nam:

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Công nghiệp hóa và hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa
- Xây dựng một Nhà nước xã hội chủ nghĩa pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.
- Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa.
- Nghiên cứu phục vụ Quốc phòng.
- Nghiên cứu phục vụ an ninh.
- Đặc điểm và xu thế lớn trên thế giới và trong khu vực trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI.

Ngoài ra, MOST đã xác định 17 phòng thí nghiệm trọng điểm sẽ được nhận kinh phí 4 triệu € trong 3 năm:

1	Hàn và xử lý bề mặt	Viện nghiên cứu cơ học - Bộ Công nghiệp
2	Công nghệ tế bào thực vật	Viện di truyền nông nghiệp, MARD
3	Vật liệu polyme và compôdit	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
4	An toàn thông tin	Trung tâm Khoa học và Công nghệ quân sự
5	Công nghệ mạng và đa phương tiện	Viện Công nghệ Thông tin - CNST
6	Di truyền học và công nghệ sinh học	Viện Công nghệ Sinh học - CNST
7	Công nghệ enzym và protein	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên VNUH
8	Công nghệ tế bào động vật	Viện Chăn nuôi - MARD
9	Khoa học vật liệu và điện tử	Viện Khoa học vật liệu - CNST
10	Điều khiển số	Trường ĐH Bách khoa HCMV-VNUHCMV
11	Công nghệ lọc dầu và hóa dầu	Viện Công nghệ Hóa học - Bộ Công nghiệp
12	Chuẩn trọng lượng và đo lường	Trung tâm Đo lường - STAMEQ
13	Động lực học sóng và biển	Viện Khoa học Thủy lợi - MARD
14	Điện cao thế	Viện Năng lượng, Tổng Công ty Điện lực VN
15	Tế bào thực vật miền Nam	Viện Sinh học Nhiệt đới - CNST
16	Vật liệu polyme và compôdit	Trường Đại học Bách khoa HCMV-VNUHCMV
17	Ấu tàu thí nghiệm (Công nghiệp Hàng Hải)	Viện KH-KT đóng tàu (Tổng Công ty Công nghiệp Hàng Hải)



CƠ QUAN NGHIÊN CỨU VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (CNSTN) có nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức các hoạt động nghiên cứu, đào tạo các nhà nghiên cứu và phát triển trang bị các phòng thí nghiệm cũng như giữ vai trò khuyến khích phát triển sự hợp tác quốc tế. Trung tâm có 2360 người, trong ấy có 205 Giáo sư và 676 Tiến sĩ. Việc tổ chức 18 Viện nghiên cứu cho thấy sự mất cân đối rất lớn giữa miền Bắc và các vùng miền Nam và miền Trung Việt Nam. Bắt đầu từ ngày 16/02/2004, Nghị định số 27/2004/NĐCP đã đổi tên CNSNT thành **Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (ASTV)** đứng đầu là một Chủ tịch, Giáo sư Đặng Vũ Minh, được đào tạo trong ngành hoá học và sử dụng thành thạo tiếng Pháp, và hai Phó chủ tịch, các Giáo sư Nguyễn Khoa Sơn và Phạm Văn Quy.

Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (CNSSH) là cơ quan chủ yếu trong lĩnh vực khoa học xã hội. Trung tâm này đầu tiên được thành lập vào năm 1953. CNSSH gồm có 24 Viện và Bảo tàng Dân tộc học Hà Nội. Trung tâm có 1335 người trong ấy có 760 nhà nghiên cứu, trong số ấy có 134 Giáo sư và Phó Giáo sư. Nếu như nghiên cứu khoa học nhằm vào việc đáp ứng nhu cầu của công nghiệp để hiện đại hoá đất nước thì CNSSH có nhiệm vụ cung cấp cho Chính phủ những sự phân tích cần thiết để có quyết định về chính sách đối nội và đối ngoại. Ngày 15/01/2004 CNSSH trở thành **Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (VASS)**, Chủ tịch là Giáo sư Đỗ Hoài Nam, được đào tạo trong ngành kinh tế học và Phó Chủ tịch là Giáo sư Hồ Ngọc Hải, tiến sĩ tâm lý học.

QUAN HỆ GIỮA CƠ QUAN NGHIÊN CỨU VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC (VỀ MẶT TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU)

Cuối năm 2000, trong các Trường Đại học thuộc khu vực giáo dục có 153 đơn vị nghiên cứu khoa học Q sản xuất do các bộ kỹ thuật thành lập, trong ấy có 17 viện nghiên cứu khoa học để phát triển công nghệ (RSDT) và 136 trung tâm RSDT. Mặc dù có sự khác biệt giữa các khoa (chuyên về giảng dạy và quản lý sinh viên) và Viện/Trung tâm (hướng về nghiên cứu khoa học), cán bộ giảng dạy cũng làm việc trong các viện hay trung tâm nghiên cứu của trường đại học và tham gia vào giảng dạy và nghiên cứu.

Chính phủ Việt Nam mong muốn trường đại học không chỉ là một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ mà còn là một trung tâm nghiên cứu khoa học để phát triển công nghệ. Các trường đại học được khuyến khích phát triển hoạt động nghiên cứu có chất lượng và hướng tới môi trường công nghiệp để có thể tự trang trải kinh phí. Tuy nhiên nếu như nhóm các nhà nghiên cứu của các trường đại học duy trì quan hệ với những người của các viện nghiên cứu của VAST thì các đề án nghiên cứu chung còn rất hiếm.

II. CHIẾN LƯỢC HỢP TÁC CỦA PHÁP Ở VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU

A. CHÍNH SÁCH PHÁP-VIỆT VỀ HỢP TÁC VĂN HÓA VÀ KHOA HỌC

Tổng cục hợp tác quốc tế cho phát triển của Bộ Ngoại giao Pháp xác định các ưu tiên của nước Pháp về hoạt động văn hóa đối ngoại và giúp đỡ cho phát triển. Trong một khuôn khổ chung, các ưu tiên là phát triển sự hiện diện của nước Pháp trong lĩnh vực nghe nhìn và các công nghệ mới, khuyến khích việc tìm hiểu hoạt động nghiên cứu và giáo dục Đại học của Pháp, truyền bá đạo đức Pháp trong dịch vụ công và củng cố Nhà nước pháp quyền, phổ biến ngôn ngữ Pháp cùng với sự đa dạng văn hóa. Các Bộ phận Hợp tác và Hoạt động Văn hóa của các Đại sứ quán chịu trách nhiệm thực hiện các ưu tiên ấy nhờ các chương trình hợp tác do Bộ Ngoại giao cấp kinh phí.

Trong Khu vực Đoàn kết Ưu tiên trong ấy có Việt Nam, sự giúp đỡ cho phát triển và chính sách hợp tác cố gắng đáp ứng ba ưu tiên lớn là phát triển bền vững, giáo dục cơ sở và dạy nghề và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Sự phát triển bền vững nhằm mục đích phát triển một nền kinh tế đa dạng phục vụ các nhu cầu cơ bản của dân chúng, với sự tạo lập những khả năng mới về cấp kinh phí, sản xuất và quản lý. Sự phát triển bền vững cũng thể hiện bằng sự tăng cường các khả năng thể chế ở mức độ khu vực, quốc gia và địa phương, ưu tiên cho các sự hội nhập khu vực, củng cố Nhà nước pháp quyền, thiết lập và củng cố các chính quyền địa phương phân cấp và phân quyền. Cũng cần phải giúp đỡ tạo ra một sự quản lý hợp lý lãnh thổ và các tài nguyên thiên nhiên, tính đến sự cân bằng cần phải giữ giữa các không gian đô thị và không gian nông thôn, giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội về môi trường. Giáo dục cơ bản và đào tạo nghề nghiệp đòi hỏi ưu tiên những ý tưởng độc đáo, những thử nghiệm được tính toán cẩn thận, việc đào tạo những người làm công tác đào tạo để phát triển giáo dục trung học và đại học trong các nước thuộc Khu vực Đoàn kết Ưu tiên.

Sự hợp tác khoa học giữa nước Pháp và Việt Nam được thể hiện trong lĩnh vực nghiên cứu bằng việc ủng hộ phát triển bền vững. Trong lĩnh vực nghiên cứu, Tổng Vụ hợp tác Quốc tế và Phát triển có ba nhiệm vụ ưu tiên: ủng hộ và tạo điều kiện dễ dàng cho việc quốc tế hoá hoạt động nghiên cứu của nước Pháp; giúp đỡ tích cực cho việc thông tin của các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, các cơ quan chính quyền và các doanh nghiệp về các nước đối tác, đặc biệt là về các hệ thống khoa học của các nước ấy, tham gia vào việc soạn thảo các chính sách nghiên cứu về và cho sự phát triển, với những chương trình nhằm tăng cường sự hiểu biết về các nước đang phát triển và khuyến khích sự xuất hiện những cộng đồng khoa học ở các nước khối Nam.

Bộ Ngoại giao cung cấp những dịch vụ giới thiệu tiến bộ khoa học mới, thông tin, tổ chức các cuộc tiếp xúc và ủng hộ sự có mặt của nước Pháp trong các cuộc hội thảo quốc tế và ủng hộ việc du nhập các cơ cấu nghiên cứu của nước Pháp ở nước ngoài. Đặc biệt ở Việt Nam, Đại sứ quán ủng hộ sự hiện diện thường xuyên và các hoạt động của 18 nhà nghiên cứu của CIRAD, 7 nhà nghiên cứu của IRD, 2 nhà nghiên cứu của EFEO (Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp) và một nhà nghiên cứu do CNRS tài trợ để làm việc trong Trung tâm nghiên cứu Quốc tế MICA (Đa phương tiện, Thông tin, Viễn thông, ứng dụng) nằm trong IPH (Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội). Vai trò tổ chức chung những cuộc trao đổi khoa học quốc tế được bảo đảm đặc biệt bởi một mạng lưới các tham tán và tùy viên khoa học và công nghệ. Cần phải tạo ra những công cụ hợp tác để củng cố và mở rộng quan hệ đối tác về nghiên cứu giữa các nhóm Pháp và Việt.

Sự hợp tác khoa học cũng được thể hiện qua sự hỗ trợ việc đổi mới và quan hệ đối tác công nghệ.



Trong các nước thuộc Khu vực Đoàn kết ưu tiên, hoạt động của các chương trình hợp tác nhằm hỗ trợ cho những cố gắng của các tổ chức nghiên cứu nghiên cứu phục vụ cho phát triển và tăng cường năng lực của các nhóm nghiên cứu của Việt Nam. Hoạt động ấy có mục đích giúp đỡ các nhà nghiên cứu và các cơ quan nghiên cứu của Việt Nam hoà nhập tốt hơn vào cộng đồng khoa học quốc tế nhờ việc sử dụng các hệ thống thông tin và truyền thông và các công nghệ mới nhất.

Hoạt động hợp tác của Pháp là để phát triển một tư duy lý thuyết về những sự tiến hóa và biến đổi của xã hội các nước đang phát triển với mục đích đối đầu với thách thức của sự phát triển. Bộ Ngoại

giao cấp kinh phí cho những chương trình nghiên cứu về các chủ đề phát triển và tác động của phong trào toàn cầu hóa. Về mặt này, Bộ Ngoại giao đặc biệt chú trọng lĩnh vực khoa học nhân văn và xã hội. Thật vậy, những trung tâm nghiên cứu của nước Pháp về khoa học nhân văn và xã hội ở Việt Nam cũng như trong các nước thuộc Khu vực Đoàn kết ưu tiên là một công cụ sản xuất và hợp tác tuyệt vời. Việc hợp tác khoa học nhằm tăng cường cơ sở khoa học của những trung tâm ấy và củng cố vai trò của chúng trong lĩnh vực đào tạo. Cần phải thêm rằng hoạt động hợp tác khoa học nằm trong nỗ lực phát huy tư tưởng và văn hóa Pháp nhờ việc tổ chức các diễn đàn, triển lãm khoa học, hội họp đồng đào công chúng, quan hệ đối tác với các bảo tàng khoa học.

B. GIÚP ĐỠ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC KHOA HỌC

MỘT CHƯƠNG TRÌNH LINH HOẠT NHIỀU THAM VỌNG

Nước Pháp cương quyết cam kết hỗ trợ việc phát triển các nguồn nhân lực khoa học đáp ứng yêu cầu cần thiết phải trẻ hoá đội ngũ các nhà nghiên cứu ở Việt Nam (vào năm 2000 tuổi bình quân của các nhà nghiên cứu ở Việt Nam là 52 tuổi).

Bằng một chương trình học bổng đầy tham vọng trong ấy Bộ phận Hợp tác và Hoạt động Văn hoá thuộc Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam dành hơn 30% kinh phí hàng năm (1,67 triệu € năm 2003 và 475 học bổng), sự giúp đỡ được nhấn mạnh vào việc đào tạo những nhà khoa học Việt Nam ưu tú với ưu tiên dành cho đào tạo cao học (DEA, DESS, Thạc sỹ) và Tiến sĩ (mỗi năm có 50 học bổng mới hỗ trợ cho sinh viên Việt Nam học bậc Tiến sĩ luân phiên giữa Pháp và Việt Nam). Nước Pháp rất coi trọng việc thực hiện luân phiên nghiên cứu làm luận văn tiến sĩ để cho sinh viên giữ được mối liên hệ với phòng thí nghiệm ở nước mình, hoàn thành một phần công trình nghiên cứu ở Việt Nam và bản thân họ lại đào tạo những nhà nghiên cứu Việt Nam khác sau khi đã hoàn thành luận án Tiến sĩ. Thật vậy, việc thiếu các giảng viên đại học không có bằng Tiến sĩ và các phòng thí

nghiệm nghiên cứu Việt Nam là một trở ngại cho sự phát triển các nguồn nhân lực khoa học ở Việt Nam. Nếu như có một số phòng thí nghiệm của các viện nghiên cứu và các trường đại học ngày nay có trang thiết bị hiện đại nhờ hoạt động hợp tác song phương và đa phương (Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, v.v..) nhưng cũng nhờ việc đầu tư của Việt Nam ngày càng gia tăng, cần thiết phải đầu tư cho việc đào tạo nhân lực với hiệu quả tối ưu của các thiết bị phòng thí nghiệm, nhờ vậy có thể nhân lên nhiều lần những hoạt động đào tạo ở Việt Nam bằng sự phát triển một đội ngũ những người thầy ưu tú có trình độ quốc tế.

SỰ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Ở VIỆT NAM

Mở đầu các hoạt động nghiên cứu, Đại sứ quán cùng hỗ trợ việc đào tạo kỹ sư qua PFIEV (chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao ở Việt Nam) được sự tài trợ của hai dự án của Quỹ Đoàn kết ưu tiên (FSP) với số tiền tổng cộng là 4 triệu €. Các kỹ sư được đào tạo ở Việt Nam, nhờ một phương pháp sư phạm mô phỏng theo chương trình đào tạo kỹ sư ở Pháp và với sự giúp đỡ của các trường đào tạo kỹ sư tốt nhất ở Pháp (Ecole Centrale Paris,

II. CHIẾN LƯỢC HỢP TÁC CỦA PHÁP Ở VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU

Trường Quốc gia cầu đường, ENSMA ở Poitiers, Trường Đại học Bách Khoa quốc gia ở Grenoble, INSA ở Lyon, nhóm các Trường Đại học về Viễn thông và đặc biệt là Trường Đại học Quốc gia Viễn thông ở Bretagne, Trường Đại học Bách Khoa Quốc gia Bretagne), trường Trung học Louis Le Grand cho hệ dự bị, chủ yếu đáp ứng nhu cầu của nền công nghiệp Việt Nam, nhưng một số trong những người ấy cũng có thể phục vụ cho sự phát triển nghiên cứu khoa học ứng dụng cũng như cơ bản, trong các doanh nghiệp và các trường đại học Việt Nam.

Về nghiên cứu khoa học, các trường đào tạo người làm nghiên cứu bằng nghiên cứu, gọi là “Trường Đồi Sơn” đã được phát triển trong khuôn khổ dự án FSP ESPOIR. Những trường ấy dựa trên nguyên lý của Ecole des Houches nhằm đào tạo 50 đến 60 nhà nghiên cứu trong thời gian 10 ngày ở Đồi Sơn trên một đề tài cho trước, đề tài này mỗi năm lại đổi mới một lần. Các chuyên gia Pháp lần lượt đến chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực chất lượng nước và xử lý nước, ăn mòn, quang phổ, an toàn của đê và đập nước, xử lý chất thải rắn, hóa học các hợp chất có hoạt tính sinh học hay quang điện tử và viễn thông quang học.

HỖ TRỢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Ở NƯỚC NGOÀI

Việt Nam cũng chăm lo rất tích cực việc phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học bằng

cách dành một phần ngày càng tăng trong ngân sách để đào tạo sinh viên ở nước ngoài. Bộ Giáo dục và Đào tạo (MEF) Việt Nam từ năm 2000 đã phát triển một chương trình học bổng khá quan trọng để sinh viên Việt Nam có thể học chương trình sau đại học và chương trình Tiến sĩ ở nước ngoài. Đại sứ quán Pháp hỗ trợ chương trình này từ khi bắt đầu thành lập bằng cách cùng cấp kinh phí cho tất cả những người được học bổng của Chính phủ Việt Nam đã chọn đi học ở Pháp. Ngoài học bổng của MEF, các sinh viên này còn được Đại sứ quán Pháp cấp cho một học bổng bảo hiểm xã hội làm cho họ có quy chế người nhận học bổng của Chính phủ Pháp (BGF) và như vậy trong thời gian học tập ở Pháp họ được hưởng bảo hiểm xã hội và miễn phí thị thực, phí ghi danh vào các trường Đại học. Hơn nữa Đại sứ quán còn giúp kinh phí học tiếng Pháp trong một năm trước khi lên đường sang Pháp.

Một hiệp định đã được ký giữa MEF và Cnous để quản lý học bổng và để các sinh viên Việt Nam nhận được sự giúp đỡ của tổ chức quốc gia về tiếp đón, quản lý và theo dõi các sinh viên ngoại quốc ở Pháp.

Những sự sắp xếp ấy nhằm phối hợp các cố gắng quan trọng của Chính phủ Việt Nam về mặt đào tạo sinh viên ở nước ngoài và góp phần vào việc phát triển nhanh chóng nguồn nhân lực khoa học của Việt Nam.

C. HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM

Song song với việc phát triển nguồn nhân lực, Việt Nam cũng có một chính sách rõ ràng về phát triển trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm. Bằng cách chọn các đề tài ưu tiên và xác định các phòng thí nghiệm trọng điểm được cấp kinh phí thích đáng để hiện đại hoá thiết bị, Việt Nam đã có sự lựa chọn thích đáng để tập trung phương tiện nhằm tạo nên các trung tâm mẫu mực trong mỗi lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên.

Nước Pháp nỗ lực để cùng tham gia và hỗ trợ chính sách phát triển của trung tâm nghiên cứu mẫu mực bằng cách mang sự hiểu biết về khoa học và kỹ thuật để giúp xác định kế hoạch trang bị cho các phòng thí nghiệm trọng điểm và tiếp nhận sang học tại Pháp những nhà nghiên cứu trẻ hay có kinh nghiệm hơn của những phòng thí nghiệm trọng điểm ấy.



Như vậy nhiều dự án hợp tác đã có những bước phát triển đáng kể. Trong lĩnh vực công nghệ sinh học và đa dạng sinh học động vật với sự triển khai trong năm 2004 của đề án FSP Biodiva (xác định đặc trưng và khai thác sự đa dạng động vật nuôi trong nhà và hoang dã của Việt Nam) được sự giúp đỡ về chuyên môn của các nhà nghiên cứu của CIRAD, cũng như trong lĩnh vực hóa học và xúc tác nhờ xây dựng một phòng thí nghiệm trọng điểm “Công nghệ lọc dầu và hóa dầu” của Viện Công nghệ hóa học ở Hà Nội với sự giúp đỡ của CNRS và IRC (Viện nghiên cứu xúc tác) ở Lyon.

Ở thành phố Hồ Chí Minh có một sự hợp tác rất tích cực giữa nhóm Minatec (CEA/Leti) ở

Grenoble, Trường Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (VNUHCMV) và Công viên khoa học SHTP (Công viên Công nghệ cao Sài Gòn) trong lĩnh vực công nghệ nano để xây dựng một phòng thí nghiệm thí điểm - Công nghệ nano, một lĩnh vực nghiên cứu với vốn đầu tư khổng lồ trên toàn thế giới cả về mặt khoa học cũng như công nghiệp (1000 tỷ USD từ nay đến năm 2015), là một cơ hội quan trọng bậc nhất cho sự phát triển các công nghệ mới ở Việt Nam. Nhóm Minatec ở Grenoble được sự giúp đỡ rất quan trọng của nước Pháp với triển vọng từ thành một nhóm thí điểm của Châu Âu trong lĩnh vực công nghệ nano, là một đối tác hàng đầu để phát triển công nghệ nano ở Việt Nam.

D. CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN CỦA HOẠT ĐỘNG CỦA NƯỚC PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN VIỆC NGHIÊN CỨU

Song song với việc phát triển sự hợp tác Pháp-Việt để xây dựng các phòng thí nghiệm thí điểm trong lĩnh vực công nghệ sinh học, hóa học hay công nghệ nano, Đại sứ quán Pháp cũng tham gia vào việc phát triển khoa học và kỹ thuật thông tin và viễn thông (STIC). Bằng sự giúp đỡ mạnh mẽ cho hoạt động của trung tâm nghiên cứu quốc tế MICA (Đa phương tiện, Thông tin, Viễn thông, ứng dụng) đặt tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại sứ quán mong muốn khuyến khích sự phát triển các phòng thí nghiệm có trình độ quốc tế trong các trường đại học ở Việt Nam. Cùng theo chiều hướng ấy, Bộ Ngoại giao Pháp và Đại sứ quán mong muốn khuyến khích sự xuất hiện của những trung tâm nghiên cứu có khuynh hướng vùng, nằm trong các nước Đông Nam Á, bằng sự phát triển chương trình STIC/ Châu Á mà mục đích là khuyến khích các dự án nghiên cứu chung trong lĩnh vực STIC của nhiều phòng thí nghiệm được hỗ trợ thông qua sự hợp tác của nước Pháp ở Châu Á. Đối với Việt Nam, MICA phải toả sáng trong vùng và trên thế giới để tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi các nhà nghiên cứu và tạo ra các cơ hội mới cho nghiên cứu ở Việt Nam. Cần có sự kết nối các khả năng nghiên cứu của Việt Nam,

đặc biệt là việc thắt chặt các mối liên kết giữa MICA và IOIT (Viện Công nghệ Thông tin) của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Dự án FSP Espoir kết thúc vào năm 2004 đã cho phép phát triển các khả năng khoa học của Việt Nam, đặc biệt là qua việc tổ chức các Trường đào tạo nghiên cứu bằng nghiên cứu, gọi là “Trường học Đờ Sơn” và bằng sự hỗ trợ nhiều chương trình nghiên cứu chung. Thành công của dự án cho phép dự kiến tăng cường sự hỗ trợ cho nghiên cứu để phát triển sự hợp tác khoa học trong những lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam.

Cuối cùng nước Pháp coi trọng việc hỗ trợ lâu dài cho sự phát triển nghiên cứu khoa học xã hội, bằng cách khởi động vào năm 2004 dự án FSP “Hỗ trợ nghiên cứu những thách thức của sự chuyển giao kinh tế và xã hội ở Việt Nam” nhằm cấp kinh phí cho đề án nghiên cứu Pháp-Việt theo ba hướng đề tài: sự tăng trưởng của khu vực tư nhân và kinh tế phi chính thức, động lực hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam, sự bền vững và những biến đổi hiện đại của các cấu trúc xã hội và các đặc trưng bản sắc.

III. CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU CỦA PHÁP Ở VIỆT NAM

A. TRUNG TÂM HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP (CIRAD)



KHUNG CẢNH

CIRAD là một tổ chức khoa học công nghệ của Pháp chuyên về nông nghiệp các vùng nhiệt đới và á nhiệt đới. Tổ chức này có mặt trong 55 nước. ở Việt Nam có 18 nhà nghiên cứu của CIRAD từ Pháp sang, trong ấy có 3 người tình nguyện quốc tế (có 47 nhà nghiên cứu trong vùng) làm việc trong những cơ quan nghiên cứu quốc gia hoạt động trong khuôn khổ xây dựng các nhóm chuyên môn đối tác (PCP) và một sự bố trí lực lượng trong vùng bao gồm SNRA, trường Đại học và cơ quan nghiên cứu của Pháp, nước ngoài và quốc tế đúng theo hợp đồng về mục tiêu giữa Chính phủ Pháp và CIRAD. Tổ chức CIRAD đáp ứng những thách thức toàn cầu đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam và Đông Nam Á nói chung: phát triển bền vững và môi trường, quản lý và bảo tồn sự đa dạng động vật và thực vật, tăng cường một cách hợp lý các hệ thống chăn nuôi, các mối liên quan giữa nông nghiệp và thị trường để cung cấp thực phẩm cho các đô thị, phát triển các dòng nông nghiệp chất lượng cao.

Một Hiệp định khung đã được ký vào tháng 5/2000 giữa CIRAD và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) xác định cơ cấu của sự đối tác khoa học và kỹ thuật của CIRAD với Việt Nam trong các nghiên cứu nông nghiệp áp dụng cho phát triển: đào tạo nhà nghiên cứu bằng nghiên cứu, đào tạo cấp bằng, mạng lưới xuất sắc và nhóm thẩm quyền đối tác, cung cấp chuyên gia và đào tạo chuyên gia quốc gia, mở rộng vào không gian nghiên cứu Châu Âu, mở rộng vào không gian nghiên cứu khu vực - Giám đốc khu vực của CIRAD cho Đông Nam Á đại lục có trụ sở ở Hà Nội hỗ trợ cho các chương trình và các bộ phận của CIRAD để xác định yêu cầu của các bên đối tác và xây dựng chiến lược hợp tác của CIRAD.

MỤC TIÊU

Bằng những hoạt động ở Việt Nam và trong khu vực, CIRAD thực hiện các quyết định chiến lược và địa chính trị của mình để hỗ trợ chính sách hợp tác khoa học và công nghệ của Pháp về mặt nghiên cứu nông nghiệp cho sự phát triển:

- * Bằng sự phát triển bền vững và bảo vệ môi trường với những cách tiếp cận nông nghiệp sinh thái cho người nghèo nhất, những chương trình nghiên cứu về sự đa dạng sinh học và việc duy trì một nền nông nghiệp ven đô nhu một không gian chất lượng cao (thực phẩm và xã hội)
- * Khuyến khích sự phát triển các hoạt động kinh tế khai thác mà không phá hoại sự đa dạng động vật và thực vật (cá ba sa, các loài đặc hữu, cam quýt).
- * Bằng cách nghiên cứu các hệ thống tăng cường chăn nuôi nhằm đáp ứng yêu cầu của một nền nông nghiệp gia đình chống lại sự rời bỏ nông thôn và yêu cầu của sự gia tăng dân số và thiếu đất đai.
- * Bằng cách nghiên cứu các mối liên hệ giữa nông nghiệp và thị trường cũng như sự chuyển biến của tập tục của người tiêu dùng để hướng dẫn cho sản xuất và thị trường theo những nhu cầu và thách thức mới nhằm cung cấp cho các đô thị sản phẩm tươi và chất lượng cao.
- * Bằng cách phát triển các dòng nông nghiệp chất lượng cao và đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường về bảo đảm chất lượng (lúa gạo, cà phê, rau, quả) và khả năng theo dõi các sản phẩm (cá).
- * Bằng cách khuyến khích sự chuyển giao công nghệ và sự phát triển các phương pháp và kỹ năng, thông qua các mạng lưới khu vực và các Nhóm thẩm quyền đối tác.



Nguồn nhân lực và đối tác

Lĩnh vực	Đề tài	Ngành chuyên môn	Đối tác	Nhà nghiên cứu CIRAD/ bộ môn CIRAD
Nhóm PRISE nghiên cứu về tăng cường các hệ thống chăn nuôi	Gia tăng hợp lý các sản phẩm sữa, lợn và thủy canh - Khai thác tính đa dạng động vật - Đào tạo	Chăn nuôi gia súc, Di truyền học; Bệnh học sinh thải; Chất lượng sản phẩm Tái sinh sản; Dinh dưỡng Bệnh học; Chất lượng/ Khả năng theo dõi Sinh thái học	NIAH, NIVR, VASI, ĐH Cần Thơ, ĐH Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Hà Nội, Agfish, Ledun	JC Maillard - Emvt M Bolard - Emvt P. Salgado - Emvt Y Villagi - Emvt V Porphyre - Emvt P Cacot - Emvt M Pedrono - Emvt AL Huilery - VI
Nhóm SAM Hệ thống sinh thái nông nghiệp vùng núi	Quản lý sinh thái nông nghiệp đất Quản lý đổi mới. Đào tạo	Giao thẳng dưới thảm thực vật kết hợp trồng trọt/ chăn nuôi. Mô hình hoá các cơ sở kinh doanh	VASI, các Đại học IRD, GRET, IRRI, ICRAF	A Chabanne - Ca F Affholder - Ca C Martin - VI G Da - VI
SUSPER - Phát triển bền vững nông nghiệp ven đô	Liên hệ giữa các thành phố vệ tinh- nông nghiệp. Đào tạo	Nông học - Chăn nuôi gia súc - Kinh tế	AVRDC, RIFAV, VASI, NIN, VAF, ACIAR	Ly Boun-Tieng/ Flhor - Làm vườn
Diệt trừ bệnh Huanglongbing và nghề trồng cây ăn quả	Sản xuất quả và bệnh của cam quýt. Đào tạo	Nông học, Di truyền học Sinh học tế bào Côn trùng học	SOFRI Aciair, INPP, AGI, VASI, INRA	P. Cao Van/Flhor F. Gatineau/Flhot - Nghề trồng cây ăn quả
Gạo chất lượng cao và đất đai	Tiêu chuẩn môi trường nâng cao chất lượng hạt và quản lý chất lượng	Nông học Sinh lý học môi trường Di truyền học	CLRRI VASI	F. Gay - Ca
PCPMALICA Quan hệ nông nghiệp - thị trường và cung cấp thực phẩm cho đô thị	Quản lý và phối hợp cung cấp thực phẩm cho đô thị. Đào tạo	Kinh tế các ngành nông nghiệp, phân tích về thể chế, xã hội học	RIFAV, VASI, IOS, ICARD PCP MALICA Đại học nông nghiệp Hà Nội	P. Moustier/Flhor M Figui - Amis

Các nhà nghiên cứu làm việc tại Châu Á



CIRAD

Giám đốc khu vực: Dr. Gilles Mandret

Vụ khu vực Đông Nam Á

19 Hàn Thuyên - Tầng 4

Hà Nội - Việt Nam

ĐT: (84 - 4) 9720625

Fax: (84 - 4) 9720624

EQmail: Ciradvn@hn.vnn.vn hay: Cirad@fpt.vn

Địa chỉ web: www.cirad.fr

B. VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN (IRD)

Viện Nghiên cứu Phát triển có nhiệm vụ phát triển các dự án khoa học tập trung vào mối quan hệ giữa người và môi trường trong miền gian chí tuyến với triển vọng phát triển bền vững trong những vùng này. Đây là một cơ quan Nhà nước về khoa học và công nghệ, đặt dưới sự lãnh đạo của các Bộ trưởng phụ trách nghiên cứu và hợp tác. Từ hơn 50 năm nay, IRD tiến hành các nghiên cứu về môi trường gian chí tuyến, những kết quả nghiên cứu đã được quốc tế tham khảo. IRD thực hiện các công trình nghiên cứu ở Châu Phi, Châu Á, Mỹ La Tinh, trong Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Ngoài trụ sở ở Paris, IRD còn có 34 trung tâm và cơ quan đại diện trên khắp thế giới, trong ấy có 23 cơ sở trong các nước thuộc miền gian chí tuyến, 5 cơ sở ở chính quốc (Paris, Bondy, Montpellier, Brest và Orléans) và 5 trong các tỉnh hải ngoại của Pháp (Guyane, Nouvelle-Calédonie, Polynésie thuộc Pháp, Martinique và La Réunion).

CÁC LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU



Các lĩnh vực nghiên cứu của IRD được tổ chức xung quanh các đề tài sau: vỏ trái đất, tiến hóa và hiểm nguy thiên nhiên; môi trường đại lục, ven bờ và biển; các khí hậu, sự thay đổi và tác động; nước nguồn nước và sự quản lý bền vững; sự đa dạng nông nghiệp và vi trùng; sinh thái học thủy sinh và đánh cá; động học đô thị; Con người trong môi trường; chính sách phát triển và toàn cầu hóa; tương tác xã hội và sức khỏe; các bệnh dịch địa phương lớn.

Từ năm 1990 IRD đã gia tăng các cuộc tiếp xúc về nhiều lĩnh vực với Việt Nam. Những chương trình đề cập đến từ năm 1993 tập trung vào các

thay đổi liên tiếp trong chính sách mở cửa kinh tế mà đất nước đã tiến hành từ năm 1986 (đổi mới). Những chương trình này thiên về đề tài sau: giai đoạn quá độ và những hậu quả kinh tế, xã hội đối với sức khỏe và việc quản lý các tài nguyên và môi trường.

CÁC DỰ ÁN NGHIÊN CỨU



Các dự án nghiên cứu triển khai hiện nay ở Việt Nam liên quan đến nhiều đơn vị nghiên cứu thuộc ba cơ quan khoa học. Các chương trình đã được phát triển:

- * trong lĩnh vực khoa học xã hội: nguồn nhân lực, tác động xã hội của chính sách phát triển, sự di dân ra đô thị;
- * trong lĩnh vực quản lý môi trường: cơ sở dữ kiện địa lý cho một sự quản lý tốt hơn đất đai và môi trường (sự thoái hoá đất đai vùng cao do thâm canh cây trồng và do các cuộc di dân có tổ chức), quản lý nông thôn trong bối cảnh xoá bỏ hợp tác hoá nông nghiệp và sự tăng nhanh dân số;
- * trong lĩnh vực y tế: sự suy dinh dưỡng (nhập vào Chương trình Quốc gia về hành động cho dinh dưỡng);
- * các chính sách về y tế trong thời kỳ chuyển đổi.

Một số dự án được sự tham gia của các nhà nghiên cứu IRD làm việc tại Việt Nam trong thời gian dài hay ngắn bên cạnh các Viện nghiên cứu đối tác của Việt Nam. Một số dự án khác được tiến hành bằng sự cộng tác với các đối tác Việt Nam dưới hình thức các chuyến biệt phái của các nhà nghiên cứu IRD có trách nhiệm. IRD có bốn nhà nghiên cứu thường trú.



NHỮNG DỰ ÁN NGHIÊN CỨU DO ĐÓ CÁC NHÀ NGHIÊN CỨU IRD ĐƯỢC CỬ ĐẾN LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM

- * UR 106 - Dinh dưỡng - Cung cấp thực phẩm - Xã hội: các chiến lược đấu tranh chống thiếu chất dinh dưỡng vi lượng, đặc biệt là thiếu sắt: Cung cấp thức ăn phụ cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; chiến lược thông tin về dinh dưỡng và về sự tiến triển của tình trạng ăn uống và dinh dưỡng.
- * UR 049 - Xói mòn và thay đổi cách sử dụng đất: Xói mòn và thay đổi nhanh chóng trong việc sử dụng đất ở vùng đồi ở miền Bắc Việt Nam.
- * UR 091 - Sức khỏe sinh sản; khả năng sinh sản và phát triển: Động thái lây nhiễm HIV trong vùng đồng bằng sông Hồng.
- * UR 044 - Con người trong môi trường - chính sách mở cửa, động thái dân số và những sự phân hóa xã hội trong một không gian chật chội: đồng bằng sông Hồng vào thời kỳ Đổi mới.
- * UR 022 - Đa dạng sinh học nông nghiệp và vi trùng - Sức khỏe - Vật chủ trung gian truyền bệnh sốt rét: kháng thuốc trừ sâu trong các vật chủ trung gian truyền bệnh sốt rét và bản đồ phân bố muỗi anophen ở Đông Nam Á.

DỰ ÁN NGHIÊN CỨU TIẾN HÀNH VỚI CÁC NHÀ NGHIÊN CỨU IRD BIỆT PHÁI

- * UR013 - Tính cơ động và tái kết hợp đô thị: tính cơ động nội đô ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.
- * UR 105 - Tri thức và sự phát triển: Lao động, việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam.
- * UR 104 - Sự biến dạng của thạch quyển đại lục trong những vùng hội tụ và chuyển dịch vật chất: dự án RUBIS về sự cắt trượt vỏ địa tam kỳ của sông Hồng và vai trò sinh kim loại trong việc hình thành các mỏ rubi (hồng ngọc) ở miền Bắc Việt Nam.
- * UMR REGARDS: chuyển tiếp quốc gia, quản lý đô thị, quản lý nước uống được (Maroc và Việt Nam)
- * UR 003 Lao động và toàn cầu hóa

Một số dự án nghiên cứu khác liên quan đến những UR của IRD đang trong quá trình thảo luận hay chuẩn bị.



NHỮNG ĐỐI TÁC CHỦ YẾU PHÍA VIỆT NAM

Những đối tác Việt Nam chủ yếu của IRD là NIN (MOH), NISF (MARD), Trung tâm Dân số, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (MOE), VASI (MARD), CNST, Viện Địa chất, IG (CNST), Viện nghiên cứu kinh tế (IER), Trường Đại học Xây dựng Hà Nội và Trung tâm quốc gia về nước, NIMPE. Ngoài các đối tác Việt Nam, các chương trình còn được tiến hành bằng sự hợp tác với các đối tác quốc tế (các trường Đại học và phòng thí nghiệm thuộc các nước khối Bắc), các tổ chức quốc tế (UBICEF, OMS, IRRI, IWMI...), các tổ chức phi Chính phủ và các Viện nghiên cứu Pháp và Châu Âu.



Viện nghiên cứu phát triển Cơ quan đại diện IRD

*19 Hàn Thuyên
Hà Nội - Việt Nam*

Người đại diện: M. J. Berger

Tel: (84 - 4) 9720629

Fax: (84 - 4) 9120630

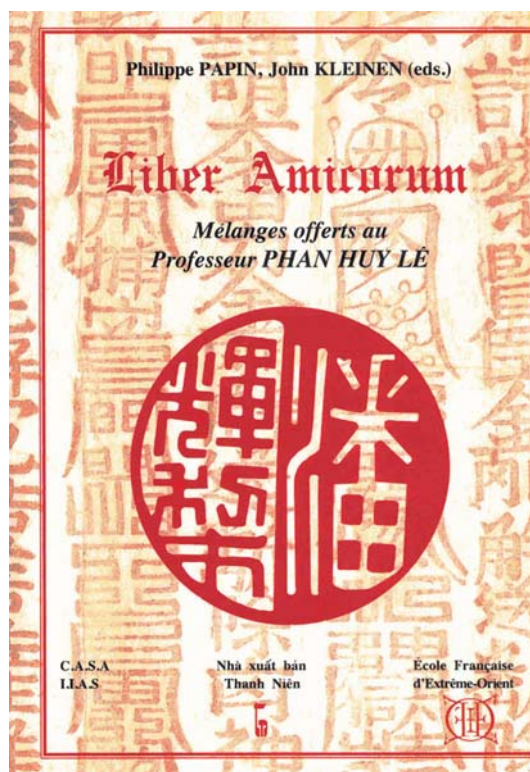
E - mail: j.berger@fpt.vn

hoặc: repird@fpt.vn

Địa chỉ web: www.ird.fr

C. TRƯỜNG VIỄN ĐÔNG BÁC CỔ (EFEO)

Trường Viễn đông Bác Cổ được thành lập ở Hà Nội ngày 20/01/1900, tiếp nối công việc của Phái bộ khảo cổ thường trực Đông Dương thành lập hai năm trước. Hoạt động lâu năm tại Việt Nam, cơ quan chuyên nghiên cứu về Châu Á này có nhiệm vụ thu thập, phân loại và phân tích các yếu tố của các nền văn hoá đại lục Á Châu. Là một cơ quan bác học được thành lập dưới sự bảo trợ của Viện Hàn lâm văn học, Trường Viễn đông Bác Cổ có tham vọng mở rộng sự hiểu biết trên toàn Châu Á ngoài phạm vi của các nhà đông phương học Tây phương cho đến lúc này chỉ giới hạn những tìm tòi của mình vào việc nghiên cứu các văn bản cổ điển nhất, tách rời khỏi những thực tại cụ thể. Từ nay cần phải thâm nhập vào đời sống thường nhật của dân chúng, làm việc trong sự hợp tác với những người nắm vững kiến thức tại chỗ, tạo ra và áp dụng các phương pháp thực địa phục vụ cho một ý tưởng uyên bác nào đấy.



Theo thời gian, Trường đã biến đổi thành một số cơ quan khác như Viện Bảo tàng xây năm 1926 nguyên dùng để chứa các bộ sưu tập của Trường có một thời gian mang tên Viện Bảo tàng Finot, theo tên của Giám đốc đầu tiên của Trường, sau

này trở thành Viện Bảo tàng lịch sử. Cũng vậy, thư viện rộng rãi của Trường ngày nay đã trở thành Viện Thông tin của Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Năm 1957 Trường bắt buộc phải rời khỏi Hà Nội. Tuy nhiên việc di chuyển Trường sang Paris không làm vơi mà ngược lại toàn bộ các tòa nhà, Viện Bảo tàng và bộ sưu tập của Trường đã được chuyển giao trong trật tự hoàn hảo nhất cho nhà cầm quyền của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Trường đã để lại cho Chính phủ Việt Nam non trẻ đa số các vốn tư liệu và thư viện. Điều ấy cắt nghĩa tại sao các bộ sưu tập trước kia được EFEO thu thập được bảo quản cẩn thận và được bổ sung thêm bằng nhiều công trình mới cho đến ngày nay vẫn góp phần vào việc duy trì nhiệt tình nghiên cứu về Việt Nam.

Năm 1993 Trường trở lại Việt Nam dưới hình thức một trung tâm nghiên cứu nhỏ và từ đây nhiệm vụ của Trường là tiến hành hoạt động nghiên cứu, hợp tác và xuất bản trong các lĩnh vực lịch sử, dân tộc học, khảo cổ học và nghiên cứu văn khắc. Trường có nhiều phòng họp và một thư viện có thể tiếp nhận các nhà nghiên cứu. Từ nhiều năm nay, cơ sở của Trường ở Hà Nội ngày càng trở thành một trung tâm nghiên cứu và gặp gỡ cho những nhà nghiên cứu nước ngoài làm việc ở Việt Nam hay về Việt Nam. Cho đến ngày hôm nay đây là Viện nước ngoài duy nhất thuộc loại này có cơ sở ở Việt Nam. Trường đã đặt quan hệ hợp tác với ba tổ chức lớn của Việt Nam. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, trường Đại học Tổng hợp, Hội Sử học và Cục Lưu trữ quốc gia. Một trong những mục tiêu trước mắt là mở rộng mạng lưới đối tác và củng cố các mối quan hệ hữu hảo địa phương.

Là trung tâm tập hợp các nhà nghiên cứu người Pháp làm việc về Việt Nam, là nơi trao đổi với các đồng nghiệp Việt Nam, Trường đã chứng tỏ sự ích lợi của một sự thâm nhập bền vững, bảo hiệu một sự phát triển thuận lợi trong thế kỷ tới. Những chương trình song phương nghiên cứu các tấm bia ở miền Bắc Việt Nam, về tổ chức làng xã cũng như những cuộc hội thảo là những cơ hội để trao đổi quan điểm và phương pháp từ đây đã ra đời các ấn phẩm song ngữ.

Những hoạt động nghiên cứu của các thành viên được chia đều giữa những nghiên cứu chuyên đề



(lịch sử Hà Nội đối với Philippe Papin, lịch sử các cuộc di cư đối với Andrew Hardy, lịch sử các cuộc dịch chuyển của cư dân miền núi của Philippe le Failler) và sự hợp tác trong những chương trình đa ngành rộng rãi hơn (nghiên cứu về làng xã, lịch sử các cuộc tiếp xúc giữa các chủng tộc). Những chương trình này có mục đích kết hợp các Viện nghiên cứu Việt Nam với các hoạt động của EFEO và gắn bó các nhà nghiên cứu Pháp và các nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực và quốc tịch khác nhau trong khuôn khổ những chương trình bốn năm. Chương trình 4 năm 2000-2003 chuyên về “Những bước tiến của vương quốc Đại Việt, 1400-1850 - những sự tiếp xúc và cơ cấu biến đổi xã hội và không gian” và đang trong quá trình hoàn thành. Chương trình bốn năm 2004-2007 sẽ mang tên “Hiện tượng di trú ở Việt Nam trong bối cảnh khu vực: lịch sử và nhân loại học của sườn phía Đông của bán đảo Đông Nam Á, từ thế kỷ XV đến thế kỷ XX”.

Việc tiếp đón và đào tạo các nhà nghiên cứu của Pháp được Trung tâm Hà Nội đảm bảo, đồng thời họ được giới thiệu để tiếp xúc với các cơ quan đối tác của Việt Nam mà Trường đã tạo

được mối liên hệ. Ngoài ra việc phát huy khả năng và đào tạo các nhà nghiên cứu Pháp và Việt Nam được tiến hành trên cơ sở một sự cộng tác chặt chẽ, bảo đảm mang lại kết quả chắc chắn. Từ sự tin cậy được xác lập từ mười năm nay ra đời một cơ sở đối tác vững chắc làm tăng cường và đổi mới kinh nghiệm của nước Pháp trong lĩnh vực nghiên cứu về Việt Nam.

Các công trình nghiên cứu được trình bày trong các cuộc Hội nghị Khoa học và Hội thảo chuyên đề, đặc biệt là trong các ấn phẩm. Hoạt động xuất bản của Trung tâm Hà Nội rất quan trọng. Trong các tác phẩm đã ấn hành, mỗi năm chúng bốn ấn phẩm, có thể phân biệt bốn loại lớn: kết quả những chương trình lớn về hợp tác, ấn hành những văn bản gốc được dịch ra và chú giải, ấn hành những bản chuyên khảo bằng Việt văn cũng như Pháp văn về các lĩnh vực tiêu biểu nhất của Trường; ấn hành các công cụ thu mục học và địa lý. Ngoài ra còn phải kể đến việc làm các CD ROM về các tập lớn của Bộ biên niên sử Việt Nam đang được thực hiện, giống như việc phát hành toàn bộ kỷ yếu những người bạn của cố đô Huế đã được thực hiện mấy năm trước đây.



Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp

5A phố Hạ Hồi - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 8220623

Fax: (84-4) 8220625

E-mail: efeo.vn@efeo.org.vn

D. TRUNG TÂM QUỐC GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (CNRS)

Hoạt động của CNRS được phát triển thông qua Hiệp định hợp tác được ký vào năm 1983 với Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia Việt Nam, ngày nay đã trở thành ASTV (Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam). ASTV bao quát một phạm vi hoạt động rộng lớn từ khoa học hạt nhân đến vật lý địa cầu. Trong lĩnh vực các khoa học về con người và xã hội, một Hiệp định khung đã được ký kết giữa Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (CNSSH) Việt Nam nay trở thành Viện Khoa học xã hội Việt Nam (ASSV) với Bộ phận khoa học nhân văn của CNRS vào tháng 7/1989, sau nâng cấp thành Vụ của CNRS vào năm 2001.

Trong khuôn khổ của bản thoả thuận trao đổi liên quan đến Hiệp định CNRS - ASTV, khoảng hai mươi dự án đã được thông qua mỗi năm, trong ấy có hai mươi chuyển trao đổi và gần một trăm tháng tiếp nhận các nhà nghiên cứu Việt Nam sang Pháp. Những sự hợp tác khoa học giữa CNRS và ASTV khá phong phú và đã được thể hiện rõ trong ngày “Hợp tác với Việt Nam” tổ chức tại Paris vào tháng 9/1995 với sự tham dự của những nhà nghiên cứu của CNRS tại Việt Nam. Nhiều lời khuyến cáo đã được nêu lên trong ngày ấy, nhấn mạnh chủ yếu về tầm quan trọng của việc đào tạo bằng nghiên cứu do CNRS khởi xướng ở Việt Nam và sự cần thiết phải duy trì và phát triển nỗ lực ấy. Tiếp theo ngày ấy, Hội đồng chính sách quốc tế của CNRS trong một phiên họp vào tháng 2/1995 đã thảo luận về Việt Nam và nhấn mạnh đến giai đoạn “xây dựng tiềm lực” cho một số phòng thí nghiệm mạnh có tính chất hỗn hợp.

CNRS quyết định hướng chính sách của mình vào việc tập trung hành động vào một số dự án có tính cơ sở. Với mục đích ấy, CNRS hợp tác với IRD (trước đây là ORSTOM) và với sự giúp đỡ của Đại sứ quán Pháp ở Hà Nội vào tháng 9/1997 đã cùng với hai đối tác chính của Việt Nam là ASTV và ASSV tổ chức một cuộc hội thảo mở rộng cho hai cộng đồng khoa học về đề tài “Hợp tác khoa học vì sự phát triển bền vững”. Được tổ chức thành 7 tiểu ban theo những đề tài đã được xác định với sự thoả thuận của các đối tác Việt Nam, cuộc hội thảo có mục đích tạo một đà phát triển mới cho sự hợp tác khoa học giữa hai nước. Các tiểu ban đã đề ra nhiều

dự án nhưng chỉ một số giới hạn dự án đã được lựa chọn căn cứ vào các ưu tiên và sự tồn tại của các nhóm Việt Nam và Pháp có quan tâm. Tất cả các dự án ấy được bảo vệ dưới dạng các PICS (chương trình quốc tế về hợp tác khoa học) hoặc các bản thoả thuận trao đổi. Các PICS là những chương trình hợp tác có tầm cỡ, được bảo vệ bởi các Vụ Khoa học và Bộ Ngoại giao Pháp. Chúng liên quan đến những đề tài có ý nghĩa to lớn đối với Việt Nam và tương ứng với trình độ ưu việt của các phòng thí nghiệm của Pháp. Những chương trình này thường xuất phát từ các bản thoả thuận trao đổi mà mục đích là để khuyến khích những sự hợp tác mới và đầy hứa hẹn. Tất cả các dự án này đều được kèm theo bởi một chính sách nhất quán về đào tạo bằng nghiên cứu và cho nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ Trường Pháp - Việt Đồ Sơn (gần Hải Phòng, cách Hà Nội 120 km) phỏng theo các tiêu chuẩn và phương pháp đã được thực hiện ở Trường Vật lý Les Houches. Trường học là một khung cảnh đào tạo thường xuyên để nghiên cứu và bằng nghiên cứu giảng dạy ở trình độ cao trong lĩnh vực những khoa học chính xác và công nghệ. Chính từ sự trao đổi giữa các nhà nghiên cứu và giảng dạy Pháp với các đối tác Việt Nam đã ra đời các dự án nghiên cứu đa ngành mà cả hai nước cùng quan tâm. Các đề tài được lựa chọn bởi một uỷ ban điều hành hỗn hợp Pháp - Việt căn cứ vào tính thời sự khoa học và tầm quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam. Chính vì vậy mà đề tài được lựa chọn cho Trường học đầu tiên vào tháng 3/1999 là vấn đề Nước với sự tham gia của các chuyên gia công nghiệp. Trường học thứ hai vào tháng 11/1999 dành cho đề tài “Bảo vệ chống ăn mòn”. Trường học thứ ba vào tháng 3/2000 có đề tài “Quang phổ ứng dụng”. Trường học thứ tư vào tháng 4/2001 có đề tài “Cơ học các môi trường xốp, bảo vệ đề điều và đập nước”, trường học thứ năm vào tháng 9/2002 có chủ đề “Quản lý và xử lý chất thải rắn” và trường học thứ sáu vào tháng 10/2003 có đề tài “Các hợp chất thiên nhiên có hoạt tính sinh học”.

Hai trường học đầu tiên đã sản sinh ra hai đề án nghiên cứu được tài trợ bởi quỹ FSP của Bộ Ngoại giao và Đại sứ quán Pháp ở Hà Nội trong khuôn khổ quỹ FSP ESPOIR.



Cuối cùng chúng ta cần nhắc đến những hoạt động đáng kể được thực hiện để đáp ứng các nhu cầu khoa học, công nghệ và kinh tế. Chúng ta hãy kể đến việc thành lập Trung tâm dịch vụ phân tích và thử nghiệm ở thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện cùng với UBND thành phố Hồ Chí Minh, nay kết nghĩa với Trung tâm phân tích Solaize; việc giúp đỡ thành lập các phòng thí nghiệm ăn mòn thuộc ASTV với sự tham gia của Trường Đại học Paris 6; việc thành lập phòng thí nghiệm các hợp chất thiên nhiên với sự giúp đỡ của phòng thí nghiệm hoá học các hợp chất thiên nhiên ở Gif-sur-Yvette và Phòng thí nghiệm Quang phổ của Ecole Centrale de Paris. Cũng vậy, dự án xây dựng Phòng thí nghiệm Hoá dầu thuộc ICI ở Hà Nội với sự giúp đỡ của Phòng thí nghiệm xúc tác ở Lyon đang trong quá trình thực hiện.

Tất cả những hoạt động có tầm cỡ ấy nhằm mục đích giúp Việt Nam phát triển khả năng khoa học và công nghệ để phát triển đất nước. Tháng 10/2003 cuộc Hội thảo kỷ niệm 20 năm hợp tác giữa CNRS và ASTV với sự tham dự của các quan chức hai cơ quan và những người chủ chốt trong việc hợp tác đã cho phép đánh giá kết quả hợp tác và đề xuất các hoạt động ưu tiên cho tương lai.

Chương trình hợp tác khoa học mà CNRS dự định sẽ tiếp tục và phát triển với Việt Nam là một chương trình đầy tham vọng. Chương trình ấy được thực hiện với sự cộng tác chặt chẽ và sự giúp đỡ tài chính thường xuyên của Đại sứ quán và Bộ Ngoại giao Pháp.



Đại diện CNRS ở Việt Nam

Giáo sư Nguyễn Quý Đạo

Điện thoại: 33(0)141131105

Fax: 33(0)141131502

*E-mail: ngdao@spms.ecp.fr
ngdao@fpt.vn*

E. ỦY HỘI NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ (CEA)

Ủy hội Năng lượng Nguyên tử là một cơ quan nghiên cứu, phát triển và đổi mới trong lĩnh vực năng lượng, quốc phòng, công nghệ thông tin cũng như y tế. Từ khi được thành lập vào năm 1945, CEA đã tiến hành các chương trình nghiên cứu về điện hạt nhân, rắn de hạt nhân, công nghệ micro và nano, vật lý thiên văn, hiện hình y học, độc chất học, hay công nghệ sinh học. Nền văn hóa giao thoa kỹ sư - nhà nghiên cứu và việc sử dụng các công cụ có hiệu năng tạo điều kiện cho một nền nghiên cứu cơ bản ở trình độ cao. CEA được thừa nhận là một chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn của mình và tạo một động lực đổi mới nhờ việc thâm nhập vào mạng lưới công nghiệp, kinh tế và các mạng đại học.

Ở Việt Nam, hoạt động của CEA tập trung vào các chương trình nghiên cứu hạt nhân nhằm phát triển các công nghệ có tác dụng làm đổi mới công nghiệp nhiều nhất trong ba lĩnh vực: công nghệ thông tin, vật liệu và công nghệ phục vụ y học.

NHỮNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN: TẤM GƯƠNG CỦA LETI-MINATEC VÀ CÁC CÔNG NGHỆ NANO

Nước Việt Nam về nhiều mặt có những sự hấp dẫn đặc biệt trong việc tiến hành hoạt động phát triển quốc tế của LETI-MINATEC. Trình độ nghiên cứu của Việt Nam trong lĩnh vực các NTIC có thể xem như còn phôi thai về mặt thiết bị, nhưng nếu xét về mặt trình độ chuyên môn thì phát triển hơn. Nhiều nhà nghiên cứu đã được đào tạo ở châu Âu và đặc biệt ở Pháp, châu Á hay Mỹ và các nhà nghiên cứu ấy duy trì được mối liên hệ không gián đoạn với các phòng thí nghiệm để sử dụng được các phương tiện công nghệ của những nước ấy. Ta hãy kể ví dụ về một mũi nhọn AFM gồm một ống nano cacbon được thực hiện một phần trong một phòng thí nghiệm châu Á (Đài Loan) và nghiên cứu đặc trưng trong một phòng thí nghiệm của ASTV. Việc kết hợp làm việc trong nước và ngoài nước như vậy đã cho phép các nhà nghiên cứu Việt Nam hoàn toàn nắm bắt được hiện trạng của trình độ nghiên cứu trên thế giới và làm việc trên những đề tài thích đáng trong những phòng thí nghiệm tốt nhất.

Về lĩnh vực các NTIC, một sự hợp tác đặc biệt và dài hạn đã được thiết lập với Trường Đại học Bách khoa quốc gia Grenoble (INPG) trường này đã xây dựng phòng thí nghiệm MICA tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

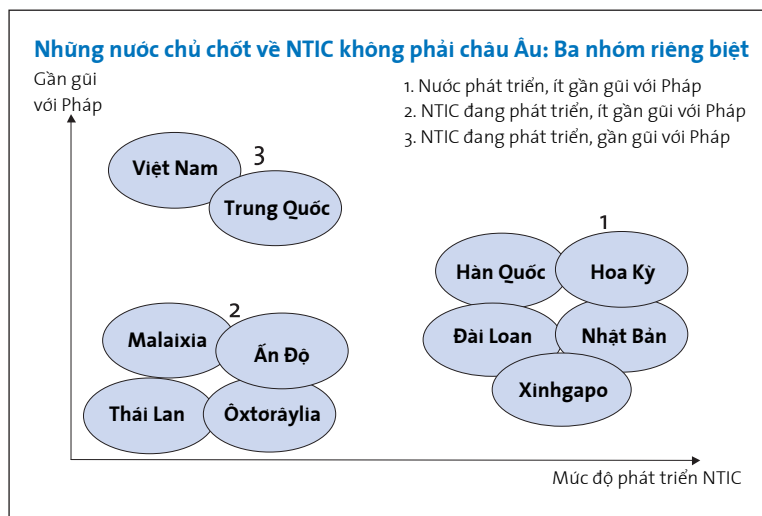
Nền công nghiệp Việt Nam còn rất truyền thống và hướng về nông nghiệp. Những mối quan tâm loại NTIC chưa phải là ưu tiên hàng đầu, nhưng chính phủ Việt Nam đã sớm quan tâm đến công nghệ nano là ngành công nghệ sẽ dẫn đến cuộc cách mạng công nghệ trong thế kỷ 21. Trong lĩnh vực then chốt này, sự hợp tác do Việt Nam tiến hành còn rất hạn chế.

Như vậy có một cơ hội có một không hai đối với nước Pháp để giúp đỡ Việt Nam thiết lập các cơ cấu nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực này. Cũng như thường thấy trong lĩnh vực công nghệ cao, những cơ cấu nghiên cứu này liên hệ chặt chẽ với sự phát triển công nghiệp.

Chúng ta có thể nghĩ rằng tấm gương của Đài Loan, Hàn quốc hay Xingapo trong tương lai sẽ được Việt Nam noi theo và Việt Nam có thể trở thành một con rồng về công nghệ nano trong 10 đến 20 năm tới.

Mối quan tâm chiến lược của LETI-MINATEC trong việc thiết lập các liên hệ lâu dài với các cơ quan nghiên cứu của Việt Nam có nguồn gốc từ:

- * Nhu cầu mở rộng cơ sở đối tác với các phòng thí nghiệm quốc tế.
- * Khả năng lôi kéo các nhà nghiên cứu, sinh viên làm luận án tiến sĩ hay sau tiến sĩ mong muốn ưu tiên đem các kiến thức của mình về Việt Nam chứ không phải về một nước cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam.
- * Khả năng thiết lập sự tiếp xúc ưu tiên với các khách hàng tiềm năng tương lai, cho LETI-MINATEC hay một cách rộng hơn trong một khuôn khổ quốc gia.



Hình bên cho thấy vị trí của Việt Nam là độc nhất và nước Việt Nam được ghi nhận vào chính sách phát triển quốc tế của LETI-MINATEC như thế nào.

ƯU TIÊN VỀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ ĐỐI TÁC

Đối với toàn bộ các hoạt động, ưu tiên là khuyến khích sự chuyển dịch về phía thế giới công nghiệp. Vì vậy CEA tham gia vào nhiều quan hệ đối tác với các xí nghiệp Pháp, châu Âu và quốc tế. Trong việc phát triển các công nghệ mới ở Việt Nam, CEA hợp tác với VAEC, IPH, VNUH, HUT, PFIEV, MICA, INPG, MOST.

Việc xây dựng một chính sách khai thác kết quả của nghiên cứu chưa phải là một mối quan tâm của Việt Nam, nhưng kinh nghiệm của LETI qua quá trình tạo ra các bước khởi đầu chuyển giao công nghệ cho công nghiệp có thể có ích cho các nhà chức trách có thẩm quyền ở Việt Nam, cho phép họ được thông tin về dự án của mình ngay giai đoạn ban đầu.

NGHIÊN CỨU HẠT NHÂN VỀ VẬT LIỆU

CEA đã phát triển một trình độ chuyên môn cao được mọi người công nhận trong lĩnh vực vật liệu và các phương pháp đối mới qua hai cách tiếp cận.

- Giải quyết các nhu cầu ngắn hạn cho công nghiệp, với mục tiêu cải thiện các quá trình chế tạo và tạo hình các vật liệu, sự lựa chọn cấu trúc cũng như đặc tính của chúng. Việc nghiên cứu nhằm tạo ra các phương pháp mới để lắp ráp một cách bền vững, ví dụ như hàn bằng laser hay thực hiện các cấu trúc nhẹ hơn cho lĩnh vực giao thông vận tải.

- Xác định các nghiên cứu từ gốc có tiềm năng lớn như các vật liệu nano dựa trên sự phát triển tiệm cận nhiều bậc theo cách mô phỏng.

ĐÀO TẠO: VÍ DỤ VỀ SỰ HỢP TÁC VỚI VAEC VÀ CHƯƠNG TRÌNH ÁP DỤNG NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ VÀO MỤC ĐÍCH HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM

CEA phát triển hợp tác với Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam (VAEC) từ năm 1994 trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển những áp dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hoà bình. Bản hiệp định hợp tác đã được ký kết ở Paris ngày 13/12/1996 và được gia hạn vào tháng 3/2002.

Ngày nay vấn đề năng lượng trở thành một thách thức chủ yếu đối với Việt Nam. Ngân hàng thế giới ước tính muốn duy trì tốc độ phát triển 6 đến 8% mỗi năm trong năm năm tới thì sản xuất năng lượng phải tăng 10 đến 14% mỗi năm. Từ nay đến năm 2020 Chính phủ Việt Nam ước tính phải đầu tư 19,1 tỷ đôla trong lĩnh vực năng lượng. Các nhà chức trách Việt Nam mong muốn phát triển điện hạt nhân, họ đã khởi thảo một chương trình nhằm từ nay đến năm 2020 xây dựng một nhà máy điện hạt nhân có thể có công suất 1200 - 4000 MW. Năng lượng nguyên tử sẽ cho phép bảo đảm độc lập năng lượng cho đất nước hiện phải nhập một lượng lớn điện năng từ nước Lào. Một ủy ban liên bộ về năng lượng nguyên tử đã được thành lập ngày 5 tháng 3 năm 2002 và một dự án khả thi đang được soạn thảo và sẽ đem ra Quốc hội xem xét vào năm 2004.

III. CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU CỦA PHÁP Ở VIỆT NAM

Việc đào tạo được tiến hành tốt, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học của kỹ sư với những hoạt động dài hạn thực hiện giữa Pháp và Việt Nam. CEA tổ chức các đợt thực tập đào tạo ở Việt Nam cho kỹ sư Việt Nam, mở cửa để họ có thể được đào tạo về công nghệ hạt nhân ở Pháp nhằm học được kỹ năng cần thiết để phát triển chương trình ứng dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hòa bình ở Việt Nam. CEA cung cấp cho VAEC những công cụ tính toán cần thiết để phân tích một dự án lò phản ứng hạt nhân động lực, trong lĩnh vực cơ học kết cấu, thủy nhiệt học, vật lý neutron, để vận hành cũng như để bảo đảm an toàn cho lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt (do Hoa Kỳ cung cấp

năm 1963). CEA cũng giúp đỡ VAEC trong việc đánh giá kỹ thuật - kinh tế để Việt Nam lựa chọn loại lò phản ứng hạt nhân và các loại chu trình nhiên liệu. CEA giúp đỡ VAEC trong việc vận hành một cách an toàn lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt, trong chương trình cung cấp thông tin về năng lượng hạt nhân cho công chúng và phân tích du luận công chúng.

Mục đích cuối cùng của sự hợp tác giữa CEA và VAEC là để phát triển những khả năng cần thiết nhằm quyết định và tiến hành chương trình trang bị điện hạt nhân cho đất nước Việt Nam.



M. Denis Acker

Phó vụ trưởng hợp tác quốc tế của CEA

CEA, Trung tâm Sarclay, DEN/DSNI, Bât. 121
91191 GIF SUR YVETTE

Tel: (33)(0)169085479

Email: denis.acker@cea.fr

M. Marc Ponchet

Chuyên viên Vụ hợp tác quốc tế của CEA

CEA/DRI, 31 rue de la Fédération
75752 Paris cedex 15

Tel: (33)(0)169084011

Email: Marc.ponchet@cea.fr

Dr. Jean Charles Guibert

Giám đốc tiếp thị chiến lược

MINATEC - CEA - LETI
CEA Grenoble, 17 rue des Martyrs
F-38054 Grenoble Cedex 9

Tel: (33)(0)438783581

Email: jcguibert@cea.fr



F. ỦY BAN HỢP TÁC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VỚI VIỆT NAM (CCSTVN)

TỔ CHỨC

Ủy ban Hợp tác Khoa học và Kỹ thuật với Việt Nam (CCSTVN) là một hiệp hội thành lập theo Luật 1901, ra đời năm 1976 với mục đích phát triển sự hợp tác khoa học giữa Việt Nam và nước Pháp trong giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học, đào tạo kỹ thuật, học tập và nghiên cứu để phát triển. Hoạt động hoàn toàn theo phương thức tự nguyện, CCSTVN tập hợp các nhà khoa học, nhà giáo, kỹ sư và kỹ thuật viên thuộc nhiều ngành chuyên môn. Hiệp hội này có một mạng lưới cộng tác viên và tổ chức thành từng nhóm làm việc theo lĩnh vực. Thường nhóm làm việc trong khuôn khổ cơ quan Nhà nước hay tổ chức phi Chính phủ, nhưng trong một số lĩnh vực CCSTVN chịu trách nhiệm toàn bộ các nhiệm vụ của chương trình.

TÁC ĐỘNG

Ngay từ năm 1976 Ủy ban đã đóng một vai trò quan trọng trong việc khởi đầu cho sự hợp tác chính thức lúc ấy chỉ có phương tiện rất ít ỏi. Ủy ban đã tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành một số hoạt động quy mô khiêm tốn nhưng nhằm đúng mục đích, giữa các đối tác được xác định rõ ràng, trên những chương trình nhiều năm, đảm bảo việc đào tạo ở nhiều trình độ cho việc nghiên cứu và làm chủ kỹ thuật.

CCSTVN đã góp phần tổ chức những hội đồng hỗn hợp và những cuộc thăm viếng chính thức ở nhiều cấp bậc. Ủy ban hợp tác thường xuyên với Bộ Ngoại giao (MAE) đặc biệt là đã hỗ trợ tổ chức cuộc hội thảo năm 1989 ở Hà Nội về đề tài “12 năm hợp tác, tổng kết và triển vọng”. Ủy ban cũng khởi xướng một cuộc sang Việt Nam cùng với Bộ Ngoại giao và Bộ Nghiên cứu và Công nghệ năm 1994 để tìm hiểu tình hình “Giáo dục Đại học và Nghiên cứu ở Việt Nam”. Ủy ban cũng đã hợp tác soạn thảo ra nhiều hiệp định liên trường bậc đại học; giữa CNRS và Viện Khoa học Việt Nam (sau trở thành CNST) cũng như với CNSH. Ủy ban cũng đã khởi xướng và tham gia nhiều hoạt động tiến hành bởi các trường lớn, Viện Pasteur, ORSTOM, INRA, v.v... Ủy ban cũng tham gia vào việc nghiên cứu việc đào tạo ở các trình độ khác nhau, đồng thời bảo đảm nhiều khóa đào tạo. CCSTVN cũng tham gia vào việc khởi động trở lại sự hợp tác được

CNRS đề xướng trong một cuộc hội thảo quan trọng ở Hà Nội năm 1997 trong y đã quyết định tổ chức những khóa học gọi là “Trường học Đờ Sơn” theo gương các trường học Les Houches của Pháp.

ĐỐI TÁC

Từ năm 1997 nhiều hoạt động hợp tác đã được tiến hành tốt và một số lớn cán bộ Việt Nam đã được đào tạo ở Pháp và Việt Nam. Một số sử dụng thành thạo tiếng Pháp hiện nay đã giữ những cương vị trọng yếu, nhờ vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ hợp tác và việc theo dõi một cách có hiệu quả các công trình khoa học, kỹ thuật và đào tạo.

CCSTVN luôn hoạt động phối hợp với các Bộ, các Đại sứ quán và các cơ quan chịu trách nhiệm về hợp tác. Ủy ban này cố gắng duy trì các mục tiêu hợp tác cho phát triển đồng thời thích ứng với những sự tiến triển kinh tế và chính trị. Nhờ quá trình hợp tác lâu dài, sự hiểu biết về đất nước và con người, Ủy ban có thể giúp đỡ tổ chức những sự hợp tác chính thức và tạo mối liên hệ giữa các cơ sở và các nhân vật chủ chốt của sự hợp tác, cũng như mối liên hệ giữa các quyết định và sự thực hiện trên thực địa.

CCSTVN không tham gia vào tất cả các lĩnh vực nhưng sẵn sàng góp sức vào mọi sáng kiến mới vì lợi ích của sự hợp tác.

CCSTVN

Chủ tịch: Bà Annick Suzor - WEINER
Tổng thư ký: Ông Alain TEISSONNIERE

103 rue Olivier de Serres
75015 PARIS
E-mail: at.ccstvn@wanadoo.fr

G. CÁC CƠ QUAN TRONG CÁC LĨNH VỰC Y TẾ: ANRS VÀ VIỆN PASTEUR

➤ CƠ QUAN QUỐC GIA NGHIÊN CỨU VỀ SIDA VÀ VIÊM GAN B (ANRS)



Phát hiện vi rút HIV bằng kỹ thuật PCR thời gian thực tại

ANRS chi 20% ngân sách cho các chương trình nghiên cứu trong các nước đang phát triển. Cơ quan này hoạt động ở Châu Phi, Đông Nam Á và Mỹ La tinh trong những lĩnh vực khác nhau và sự phối hợp được thực hiện thông qua việc thành lập các cơ sở nghiên cứu. Mục đích của những nghiên cứu ấy là để thu được những kết quả thích đáng đem lại lợi ích cho bệnh nhân bị nhiễm HIV và cho chính đất nước ấy, nhằm cải tiến sự phòng bệnh và chăm sóc bệnh nhân. Sự hợp tác khoa học phát triển trong nhiều năm nay giữa Đông Nam Á và nước Pháp đã được thể hiện qua việc thành lập cơ sở nghiên cứu chính thức ANRS vào tháng 01/2000 và việc ký kết một bản thoả thuận đối tác với các Bộ Y tế Campuchia và Việt Nam.

Ở Việt Nam, cơ sở nghiên cứu hiện nay ở miền Bắc điều phối viên là Barré Sinoussi, giám đốc đơn vị sinh học của Viện Pasteur ở Paris và ở miền Nam là Trương Xuân Liên, Phó giám đốc Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh. Viện này đã dành một số phòng cho ANRS và cơ quan này đã trang bị máy móc. Một trợ lý kỹ thuật do Bộ Ngoại giao trả lương bảo đảm việc phối hợp các chương trình nghiên cứu lâm sàng từ tháng 9/2002.

Những hoạt động nghiên cứu hiện được tiến hành trong 3 lĩnh vực

- * Nghiên cứu lâm sàng với hai dự án:
 - Thử nghiệm điều trị (ANRS 1210): đánh giá hiệu quả của phác đồ 3 loại thuốc chống retrôvirút trên khoảng một trăm bệnh nhân bị nhiễm HIV.
 - Nghiên cứu nhằm cải tiến sự chuẩn đoán và chăm sóc bệnh nhân viêm phổi nhiễm trùng do nhiễm HIV (ANRS 1260)
- * Nghiên cứu sinh lý bệnh học với hai dự án:
 - Một trạm quan sát sự phản retrôvirút (ANRS 1257)
 - Một nghiên cứu tìm ra các nhân tố bảo vệ tự nhiên chống nhiễm HIV (ANRS 1230 - 1268).
- * Nghiên cứu về khoa học xã hội với một số đề tài về hành vi tình dục, biểu hiện xã hội của bệnh và quản lý nguy cơ Sida (ANRS 1251).

Ngoài ra cơ sở nghiên cứu ANRS tiếp tục phát triển các cơ sở hạ tầng cần thiết cho các bác sĩ lâm sàng và nhà sinh học đang thực hiện cũng như việc đào tạo các bác sĩ lâm sàng và nhà sinh học tham gia vào các hoạt động nghiên cứu. Trong năm 2003 đã có năm suất đào tạo: hai bác sĩ chăm sóc bệnh nhân nhiễm HIV đến thực tập tại các bệnh viện ở Pháp, hai bác sĩ về miễn dịch - vi rút học (trong lĩnh vực di truyền và kỹ thuật xen kẻ theo dõi miễn dịch), một nhà dịch tễ học nghiên cứu lâm sàng và thống kê sinh học.



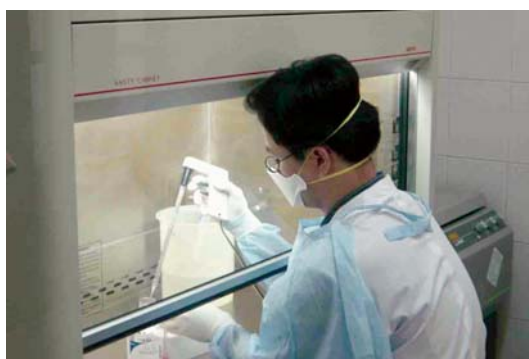
Xác định bệnh phổi ở các bệnh nhân nhiễm khuẩn tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch



Vào tháng 2/2003 tại Trung tâm Y tế dự phòng, các nhà vi khuẩn học của CHU Bordeaux đã giúp đỡ thực hiện kỹ thuật PCR thời gian thực tế cho phép đo đặc độ nhiễm virút. Những khoá đào tạo kỹ thuật xen kẽ để đo các cầu lymphô CD4 có thể sẽ được tổ chức vào cuối năm sau khi người hướng dẫn nghiên cứu sinh học của ANRS hiện đang làm việc tại Campuchia sẽ đến Việt Nam.

Những đối tác của ANRS

Cơ sở ANRS tại Việt Nam được tổ chức quanh Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh ở đây từ lâu đã có những phòng thí nghiệm tốt trong tất cả các lĩnh vực bệnh học nhiễm khuẩn: vi rút học, miễn dịch học, ký sinh trùng, vi khuẩn học. Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh gồm toàn nhà nghiên cứu Việt Nam được đặt dưới sự chỉ đạo của Bộ Y tế Việt Nam. Một phòng thí nghiệm thú hai về vi rút học sẽ giữ vai trò chỉ đạo ở cơ sở này, đây là phòng thí nghiệm của Trung tâm Y học dự phòng do một nhóm cán bộ Việt Nam thuộc sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh điều khiển đã là đối tác từ nhiều năm nay của phòng thí nghiệm vi rút học của Trường Đại học Bordeaux 2. Những cơ quan khác có liên



Nuôi cấy tế bào ở Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh



Kỹ thuật PCR ở Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh cho phép phát hiện sự nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh

quan là Bệnh viện Y học nhiệt đới, Trung tâm cai nghiện Bình Triệu và Bệnh viện bệnh phổi Phạm Ngọc Thạch. Tổng cộng có khoảng bốn mươi cán bộ Việt Nam tham gia vào các dự án ANRS ở Việt Nam.

Về mặt thể chế, các dự án đều được phê chuẩn bởi các cơ quan y tế Việt Nam cấp quốc gia (Bộ Y tế) hay địa phương (Sở Y tế thành phố, Ủy ban phòng chống SIDA). Ngoài ra ANRS cũng có quan hệ với các đối tác khác tham gia vào cuộc đấu tranh chống HIV/SIDA, đây là những tổ chức quốc tế hay của Chính phủ như OMS, ONUSIDA, Hội Chữ thập đỏ, CDC, NIH..., những tổ chức phi Chính phủ và các hội những người sống chung với HIV.

Với sự khởi động vào năm 2003 của chương trình ESTHER “Cùng nhau vì một tình đoàn kết điều trị bệnh viện theo mạng”, cơ sở ANRS Việt Nam đóng một vai trò nổi trội trong đối tác bệnh viện Việt - Pháp này, vì các cơ quan tham gia ở thành phố Hồ Chí Minh cũng chính là những cơ quan đã có sự tham gia của ANRS.

► VIỆN PASTEUR

Ở Việt Nam có ba cơ quan thành viên của mạng lưới quốc tế các Viện Pasteur và các Viện cộng tác: Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Nha Trang và Viện vệ sinh dịch tễ Hà Nội. Ba viện này nằm dưới sự lãnh đạo của các nhà chức trách Việt Nam. Từ nhiều năm nay đã có sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan trên với Viện Pasteur Paris, dựa trên việc đào tạo nhiều nhà khoa học Việt Nam và việc thực hiện những chương trình nghiên cứu áp dụng cho các ưu tiên của sức khỏe cộng đồng.

Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh

* Được thành lập năm 1891, Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh hiện nay tham gia hai lĩnh vực hoạt động lớn:

1. Sức khỏe cộng đồng

- Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm
- Nghiên cứu các nhân tố gây nguy cơ và các biện pháp phòng ngừa bệnh dịch (ỉa chảy, HIV/SIDA, thương hàn, bệnh do leptospira, viêm tuỷ xám, bệnh sốt xuất huyết, viêm gan vi rút, viêm não Nhật Bản, bệnh sởi, cúm, dịch hạch, viêm màng não).
- Phòng thí nghiệm phân tích Y học
- Phòng chữa bệnh
- Sản xuất Vắc xin (BCG, Vắc xin phòng bệnh dại)

2. Nghiên cứu Y học

Nghiên cứu các bệnh nhiễm trùng

* Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh tham gia vào cơ sở Châu á của ANRS về:

- Nghiên cứu sinh lý bệnh học
- Nghiên cứu về điều tra lâm sàng
- Chuẩn bị để tạo ra những thử nghiệm điều trị.

Trong khuôn khổ những dự án này, Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh đóng góp khả năng chuyên môn về miễn dịch học, virus học và phương pháp luận lâm sàng (chuẩn bị để xây dựng một cơ sở phương pháp luận lâm sàng).

* Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh tham gia một chương trình nghiên cứu dịch tễ học về sự khống chế bệnh viêm gan C (Dự án hợp tác với Nhật Bản).

* Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh đã phát triển khả năng chuyên môn và hoạt động nghiên cứu áp dụng cho sức khỏe cộng đồng vào những lĩnh vực.

- Vệ sinh thực phẩm và môi trường
- Bệnh do acbôvirus, đặc biệt là bệnh sốt xuất huyết là một vấn đề lớn đối với sức khỏe cộng đồng ở nước này.
- Sự trúng nọc độc (dự án hợp tác với Campuchia, Maroc và Angiêri)
- Nghiên cứu kháng thuốc kháng sinh của các vi khuẩn
- Thanh toán bệnh bại liệt trẻ em và kiểm soát các virus bệnh đường ruột

Viện Vệ sinh dịch tễ Hà Nội

Thành lập năm 1926, Viện Vệ sinh Dịch tễ Hà Nội (INHE) là một Viện nghiên cứu khoa học chuyên về lĩnh vực vi sinh vật y học (virus học, vi khuẩn học), miễn dịch học và dịch tễ học (nhiễm trùng đường ruột hay hô hấp). Mục tiêu chính là kiểm soát và loại trừ các bệnh nhiễm trùng phổ biến hay mới phát sinh. INHE hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các lĩnh vực vắc xin và kỹ thuật chuẩn đoán các bệnh có nguy cơ cao thành bệnh dịch.

INHE tham gia vào việc đào tạo và nâng cao trình độ cho các cán bộ chuyên môn trong các lĩnh vực khác nhau của Y học dự phòng. Viện có một đơn vị chủng và tham gia vào chương trình chúng mở rộng và chương trình kiểm soát bệnh ỉa chảy.

INHE có một phòng thí nghiệm kính hiển vi điện tử và một đơn vị sản sinh động vật thí nghiệm.



Viện Pasteur Nha Trang

Trong khuôn khổ kiểm soát và nghiên cứu các bệnh do acbôvirút, các nhà nghiên cứu thuộc Viện Pasteur Nha Trang phát triển các công cụ để chẩn đoán những bệnh nhiễm khuẩn do virút (bệnh Deng gơ, bệnh viêm não Nhật Bản, bệnh Chikungunya) hợp tác với Viện Pasteur Paris và Viện Pasteur Campuchia.

Từ năm 2000 đã tiến hành một nghiên cứu về viêm gan do virút. Nghiên cứu này nhằm đánh giá

sự nổi trội của những triệu chứng chính của viêm gan virút nói chung và viêm gan C nói riêng trong các tầng lớp dân chúng khác nhau ở Nha Trang và ở Campuchia.

Những hoạt động này được hỗ trợ bởi một trợ lý kỹ thuật. Hoạt động của ba viện Pasteur là để đáp ứng yêu cầu đề ra bởi các cấp lãnh đạo chính quyền của ba viện trên. Những hoạt động này hiện hướng về sự củng cố các khả năng về dịch tễ học để kiểm soát được các bệnh truyền nhiễm được xem là ưu tiên trong y tế cộng đồng.

ĐIỂM LIÊN HỆ ANRS VÀ CÁC VIỆN PASTEUR

Điều phối cơ sở:

Gs. Trương Xuân Liên, người điều phối ở Việt Nam

Gs. Françoise Barré Sinoussi, người điều phối ở Pháp

Địa chỉ: Viện Pasteur, 167 đường Pasteur, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Liên hệ ở Việt Nam

Bs. Maryvonne Maynard, Trợ lý kỹ thuật

Địa chỉ: viện Pasteur

167 đường Pasteur

quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

H. NHỮNG TỔ CHỨC TRONG CÁC LĨNH VỰC TIN HỌC: CCSTVN, TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ MICA VÀ IFI

➤ ỦY BAN HỢP TÁC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT Ở VIỆT NAM (CCSTVN)

Khung cảnh phát triển các hoạt động trong tin học

Sự hợp tác của CCSTVN trong lĩnh vực tin học bắt đầu vào năm 1977, khi mới ra đời ngành vi tin học thế giới. Sự hợp tác này trong nhiều năm lại đây là cánh cửa duy nhất để Việt Nam mở ra với tin học phương Tây. Sau các bộ vi xử lý, đến vi tin học, tin học, các mạng, thiết bị và phần mềm, các phương pháp và ứng dụng. CCSTVN đã theo dõi sát sao những tiến triển công nghệ, đồng thời tránh cho Việt Nam đi vào các kỹ thuật chưa được thử thách hoặc quá tốn kém.

Sự tiến triển

Từ nhiều năm nay CCSTVN trong khuôn khổ sự hợp tác với Đại sứ quán Pháp và Bộ Ngoại giao đã góp phần vào việc thành lập một trung tâm kỹ năng (ISC) và một Trung tâm đào tạo kỹ thuật tin học (CFTI), hai cơ sở này bổ sung cho nhau. Cộng tác với các đối tác Việt Nam, CCSTVN tổ chức các lớp ngắn hạn, các cuộc hội nghị, các cuộc trao đổi ý kiến giữa các chuyên gia, các cuộc thảo luận để lựa chọn công nghệ, phương pháp và thiết bị. Các hoạt động đào tạo và giúp đỡ kỹ thuật dựa trên những thành tựu cụ thể sát với sự phát triển mới nhất. Nhờ vậy các đối tác Việt Nam tiếp thu được những kỹ năng và kinh nghiệm trên các dự án đang thực hiện.

Nhiều ứng dụng đã được thực hiện mà sau đây là một số ví dụ:

- Xây dựng các mạng lưới địa phương, từ việc nối các cấp tòa nhà (các bộ, các cơ quan, các xí nghiệp,...) cho đến hợp nhất các vị trí thông qua các mạng lưới quốc gia.
- Truyền bằng tin học các nhật báo giữa các thành phố lớn ở Việt Nam, đưa vào Việt Nam phương pháp xuất bản với sự hỗ trợ của máy

tính và các kỹ thuật mới in sách giáo khoa và giáo dục (cùng với UNESCO) cũng như tất cả các ấn phẩm khác.

- Một hệ thống đầu tiên về đào tạo từ xa (với UNESCO) được CFTI và IFI xây dựng.
- Mạng lưới tin học đầu tiên nối Văn phòng Thủ tướng Chính phủ với khoảng sáu chục tỉnh thành và ba chục bộ.
- Thành công của mạng lưới đầu tiên này đã cho phép chuẩn bị xây dựng một mạng lưới hành chính lớn hơn bao quát cả nước. Một hệ thống lớn đang được xây dựng ở Việt Nam (Dự án PM). CCSTVN không tham gia vào những cơ sở sơ đẳng của tin học nữa. Ủy ban này tập trung vào các NTIC, các mạng lưới, các nghi thức truyền thông, an ninh, sử dụng Internet, phần mềm tự do, đào tạo từ xa, ứng dụng.

Sự hợp tác của CCSTVN góp phần đưa các kỹ thuật mới vào Việt Nam bằng cách bảo đảm sự cảnh báo công nghệ, hỗ trợ thực hiện, giúp đỡ chọn kỹ thuật và thiết bị, tiếp cận nhà cung cấp.

Đào tạo

Những hoạt động hợp tác của CCSTVN bao gồm đào tạo thường xuyên và đào tạo chuyên môn cho kỹ sư và kỹ thuật viên, cũng như cho huấn luyện viên và nhà giáo cần theo dõi những tiến bộ công nghệ.

Những sự đào tạo ấy bổ sung cho những sự hợp tác khác trong tin học như:

- Đào tạo ban đầu ở trình độ kỹ thuật viên (giảng dạy chủ yếu bởi trường Lotus ở thành phố Hồ Chí Minh và ESTIH ở Hà Nội).
- Đào tạo ban đầu ở trình độ kỹ sư (được giảng dạy bởi các Trường Đại học Bách khoa ở Việt Nam).



- Đào tạo sau kỹ sư (giảng dạy chủ yếu do IFI để đào tạo những người chủ dự án, nhà giáo, nhà nghiên cứu)
- Nghiên cứu về tin học (ví dụ nghiên cứu của Trung tâm MICA)

Liên quan đến việc nghiên cứu, các đối tác Việt Nam quan hệ với CCSTVN chủ yếu tiến hành “nghiên cứu ứng dụng” hay “học tập và nghiên cứu” cần cho việc thực hành (nghiên cứu về mã hoá, tiêu chuẩn, quy phạm, hệ thống đa ngôn ngữ, mạng lưới, khai thác số liệu, học điện tử).

Việc đào tạo trên mạng và ứng dụng của nó do CFTI đảm nhiệm cho dự án PM đòi hỏi những thiết bị phức tạp và đắt tiền. Các mô đun đào tạo về NTIC do các cơ quan giảng dạy về tin học cung cấp cũng cần những thiết bị như vậy mà nếu chỉ dùng vào mục đích phụ thì lãng phí. Đề nghị các phòng thí nghiệm, xưởng thực tập, phòng làm bài tập thực hành cần cho CFTI hay dự án PM sẽ cho sinh viên và học sinh đào tạo ban đầu được sử dụng, theo những điều kiện cùng thoả thuận (như đã thực hiện giữa CFTI và IFI ở Hà Nội). Việc bổ sung như vậy làm cho sự hợp tác trong lĩnh vực các NTIC đỡ tốn kém hơn.

CCSTVN

Chủ tịch: Bà Annick SUZOR-WEINER
Tổng thư ký: Ông Alain TEISONNIERE
106 rue Olivier de Serres
75 015 PARIS
E-mail: at.ccstvn@wanadoo.fr

➤ TRUNG TÂM ĐA PHƯƠNG TIỆN, THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG VÀ ỨNG DỤNG (MICA)



Phạm vi hoạt động của trung tâm MICA

Những thách thức kinh tế gắn liền với kỹ thuật xử lý thông tin rất quan trọng, không chỉ trong viễn thông mà còn trong tất cả các lĩnh vực công nghiệp. Sự phát triển của các công nghệ ấy chắc chắn sẽ cho phép tăng tốc sự hiện đại hóa của Việt Nam. Việc thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc tế MICA (Multimédia, Informations, Communication et Applications) nằm đúng vào chủ trương ưu tiên được các nhà chức trách Việt Nam xác định để đáp ứng các yêu cầu liên quan đến sự phát triển của công nghệ thông tin và thông tin công nghiệp, ở mức độ nghiên cứu và đào tạo cũng như ở mức độ áp dụng trong công nghiệp.

Trong rất nhiều lĩnh vực áp dụng tin học, các hệ thống được phát triển từ nay sẽ là những hệ thống sáng tạo và hỗ trợ chứ không đơn giản là hệ thống thực hiện hay kiểm tra các nhiệm vụ đã xác định trước và lặp đi lặp lại. Sự tiến triển ấy đi theo sự thâm nhập của tin học vào hầu hết các lĩnh vực công nghiệp và đến với hầu khắp các tầng lớp công chúng. Chất lượng của một công cụ tin học (và/hay tự động hóa) từ nay cần phải được đánh giá một cách cổ điển theo số lượng các dịch vụ, tính hiệu quả và độ tin cậy, đồng thời phải xét đến những tiêu chuẩn khác xác định khả năng sử dụng: tương tác giữa máy và người, sự dễ dàng và nhanh chóng trong huấn luyện, an ninh của người dùng và an ninh của thông tin mật được xử lý. Việc sử dụng các thông tin đa phương tiện (văn bản, hình ảnh, âm thanh) khi tham gia vào các cải tiến ấy là không thể tránh khỏi.

Các đối tác và các hoạt động của trung tâm MICA

- * Trung tâm MICA là một kiểu mẫu về quan hệ đối tác: được đồng quản lý bởi Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (người bảo trợ chính), Trường Đại học Bách khoa Quốc gia Grenoble và CNRS. Trung tâm cũng được sự hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, Bộ Ngoại giao Pháp, Bộ Khoa học và công nghệ Việt Nam, Cơ quan đại học Pháp ngữ (AUF), vùng Rhône-Alpes và những nhà công nghiệp quốc tế. Trung tâm MICA hiện có khoảng bốn mươi nhà giáo và/hay nhà nghiên cứu Việt Nam, Pháp và Canada, những người làm luận án tiến sĩ, sinh viên cao học và kỹ sư thực tập Việt Nam và Pháp.
- * Trung tâm MICA có hai nhóm nghiên cứu. Nhóm TIM (Traitement de l'Information et Multimédia - xử lý thông tin và đa phương tiện) tiến hành nghiên cứu cơ bản trong các lĩnh vực xử lý tín hiệu phức tạp (lời nói, hình ảnh) và các đối tượng đa phương tiện. Nhóm SIA (Systèmes d'Instrumentation Avancée - Hệ thống thiết bị tiên tiến) có mục đích chủ yếu là phát triển các ứng dụng cùng với đối tác là các nhà công nghiệp Việt Nam, Pháp hay quốc tế về thiết bị và phân phối ở mức độ tiếp nhận của giao diện người và máy. Những dự án nghiên cứu quan trọng đầu tiên được đề xuất về xử lý lời nói bằng tiếng Việt Nam, về xử lý hình ảnh tự nhiên cho môi trường và về đa phương tiện, đối tác với các Phòng thí nghiệm INP Grenoble, LSR, CLIPS-IMAG và GRAVIR, nhưng cũng với các đối tác quốc tế khác.



Các mục tiêu của MICA

Trung tâm MICA mong muốn trở thành một kiểu mẫu cho các phòng thí nghiệm khác ở Việt Nam và một gương mặt đầu tiên cho tương lai nghiên cứu ở Việt Nam. MICA cũng mong muốn trở thành một tủ kính khoa học và công nghệ cho thấy trình độ của Pháp và Châu Âu. Muốn vậy phải đạt được bốn mục tiêu:

- * Triển khai những hoạt động nghiên cứu có chất lượng để góp phần vào sự tiến triển của tri thức và tăng cường tri thức trong các phương diện cơ bản cũng như trong các phương diện thực tế.
- * Ứng dụng các kết quả của hoạt động nghiên cứu ấy thành những sự thực hiện vật chất và phần mềm để các kết quả ấy góp phần thúc đẩy nghiên cứu và nhất là để cho những thí nghiệm thực tế ấy trở thành những tấm gương cho công nghiệp Việt Nam.
- * Trong những lĩnh vực mới và đang tiến triển không ngừng như vậy, điều chủ yếu là phải tổ chức nhanh chóng việc chuyển giao các kiến thức và kỹ năng từ các nhóm nghiên cứu của phòng thí nghiệm cho:

- Sinh viên: điều quan trọng là cần đưa vào chương trình đào tạo của các IPH những kiến thức lý thuyết và thực hành về các công nghệ mũi nhọn. Thực tế MICA là người ủng hộ chính cho các chương trình đào tạo PFIV, MASTERS TIC & ISC và ITP tiến hành phối hợp giữa INP Grenoble và IPH.
- Các thầy giáo: Phòng thí nghiệm góp phần càng nhiều càng hay cho việc đào tạo thầy giáo và/hay nhà nghiên cứu Việt Nam xuất sắc.
- Công nghiệp: các công nghệ thông tin và thiết bị thường còn rất ít được biết đến và không nắm vững trong lĩnh vực công nghiệp của Việt Nam. MICA mong muốn tổ chức mối quan hệ đối tác mạnh mẽ với các nhà công nghiệp Việt Nam để cùng với họ và tạo ra những công cụ vật chất hay phần mềm mà hiện nay họ còn thiếu và rất cần thiết đối với họ trong sự phát triển trong tương lai.
- * Đạt được uy tín quốc tế: MICA phát triển một mạng lưới các đối tác quốc tế để trở thành một cực khu vực xuất sắc có uy tín ở Việt Nam và cả với các nước láng giềng ở Đông Nam Á.



Trung tâm nghiên cứu quốc tế MICA
Đa phương tiện, Thông tin, Truyền thông
và ứng dụng

Ts. Eric Castelli, Pgs. Nguyễn Trọng Giang,
Gs. Phạm Thị Ngọc Yên.
Trường Đại học Bách khoa
1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng
Hà Nội - Việt Nam
ĐT: (84-4) 8683087
Fax: (84-4) 8683551
E-mail: Eric.Castelli@mica.edu.vn
Site web: <http://www.mica.edu.vn>

➤ VIỆN PHÁP NGỮ VỀ TIN HỌC (IFI)

IFI (Viện Pháp ngữ về tin học) là một Trường đào tạo sau đại học, đào tạo trong 2 năm trình độ tương đương thạc sĩ về tin học trong khuôn khổ cơ quan đại học Pháp ngữ. Song song với các hoạt động sư phạm, IFI cũng triển khai một số hoạt động nghiên cứu, hợp tác với các trường đại học Việt Nam, Châu Âu, Canada.

Trước hết, đối tác với tổ chức Châu Âu Burocontrol có trụ sở ở Bruxelles, IFI quan tâm đến các khả năng cung cấp bởi các mô hình đa tác nhân áp dụng cho kiểm soát không lưu. Hiện nay có 2 người làm luận văn tốt nghiệp ở IFI đồng thời thực tập ở Phòng thí nghiệm Eurocontrol ở Brétigny-sur-Orge, Đại học Paris 6 và Paris 8 và IFI để phát triển mô hình lý thuyết, làm cho nó có giá trị và sử dụng nó. Một dự án làm luận văn bổ sung với IRIT ở Toulouse cho phép áp dụng các kỹ thuật thực hành dựa trên logic mờ để tìm ra các kiến thức ẩn của các cơ sở dữ liệu ngầm.

IFI hiện đang tiếp nhận một nhà nghiên cứu Việt Nam sau tiến sĩ làm việc để phát triển và mở rộng công nghệ phần mềm, làm nó thích ứng với việc thực hiện các áp dụng phân phối. Công việc của nhà nghiên cứu này được tiến hành hợp tác với trường đại học Toulon (phòng thí nghiệm CESTI).

Đối tác với Trường Đại học Gia tô giáo ở Louvain, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Paris 8, IFI, với sự trợ giúp của Trường Đại học Québec ở Montréal (UQAM) cũng tham gia một đề án chuyển giao những công nghệ và phương pháp

luận về việc đào tạo từ xa ở trình độ sau đại học trong bối cảnh Châu Á. Hướng vào kỹ năng và phát triển nhiều hơn là nghiên cứu thuần túy lý thuyết, dự án ASIA+IT&C, được trợ giúp bởi Liên minh Châu Âu, có mục đích xác định một mặt bằng giảng dạy Đại học từ xa để thỏa mãn yêu cầu của các trường đại học Việt Nam và phát triển các nội dung sư phạm thích ứng dùng tiếng Việt.

Vào tháng hai năm 2004, hội nghị RIVF 2004 diễn ra ở IFI gắn kết việc nghiên cứu Pháp - Việt trong lĩnh vực tin học và là nơi gặp gỡ và trao đổi giữa các nhà nghiên cứu trẻ tuổi của Việt Nam. Chúng ta cũng không quên sự hợp tác tích cực với trung tâm MICA của CNRS đặt tại IPH, cùng với IPH, IFI tổ chức một cuộc hội thảo chung và những nhà nghiên cứu của hai bên cùng thực hiện các đề tài chung.

Theo đường lối của AUF, cùng với các đối tác của trường Đại học Bách khoa Hà Nội, IFI đã đề xuất sự ra đời của một dự án khuyến khích việc nghiên cứu môi trường mang tên LINUX và việc dùng các phần mềm tự do nhằm giúp Việt Nam trong một thời gian ngắn hoàn toàn tự chủ trong lĩnh vực phát triển phần mềm. IFI đã rất tích cực trong việc xúc tiến dự án này và phổ biến các kỹ thuật và công cụ của riêng mình.

IFI cũng tổ chức hàng năm một trường mùa hè nhằm cập nhật kiến thức cho các giáo sư đại học Việt Nam và trình bày tình hình nghiên cứu trên thế giới trong những chuyên môn khác nhau của ngành tin học.



Charles Durand
Giám đốc IFI
Cơ quan Đại học Pháp ngữ

Nhà D, ngõ 42, Tạ Quang Bửu
Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 8696017
E-mail: charles.durand@auf.org

IV - THỐNG KÊ CÁC HOẠT ĐỘNG

A. NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CIRAD

Đề tài hợp tác:	Động lực Phát triển Nông nghiệp	
Lĩnh vực khoa học:	Nông nghiệp – Phát triển nông nghiệp	
Ngày bắt đầu hợp tác	2003	Ngày kết thúc: cuối năm 2003
Mục tiêu chính	Nghiên cứu những động lực phát triển nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Mê Công	
Nguồn tài chính:	Đại sứ quán Pháp, CIRAD	
Ngân sách:	50.000 Euro/ 1 năm	
Đối tác Pháp:	CIRAD	
Đối tác Việt Nam:	Trường Đại học Cần Thơ	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là: 2002		
Điều phối viên	Họ và tên: Chức vụ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	Jean-François Le Coq Nhà Kinh tế Nông nghiệp của CIRAD BP53-38041 Grenoble cedex 09 (33) (0) 4 67 58 00 xin 45 39 Jflecoq@cirad.fr

Đề tài hợp tác:	SAM – Các hệ sinh thái nông nghiệp miền núi	
Lĩnh vực khoa học:	Nông nghiệp – Môi trường – Hệ thống sản xuất	
Ngày bắt đầu hợp tác	1999	Ngày kết thúc:
Mục tiêu chính	Các hệ thống cây trồng luân canh ở vùng nương rẫy khai hoang, gieo thẳng SCV	
Nguồn tài chính:	CIRAD (nguồn chủ yếu), VASI, MAE	
Ngân sách:	270.000 Euro/ 1 năm (bao gồm lương)	
Đối tác Pháp:	CIRAD	
Đối tác Việt Nam:	VASI, Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái	
Đối tác quốc tế:	IRRI	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là: Hiệp định khung CIRAD-MARD, tháng 5-2000		
Điều phối viên	Họ và tên: Chức vụ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	TS CHABANNE André Nhà khoa học của CIRAD CIRAD, 19 Hàn Thuyên, Hà Nội (84-4) 972 06 25 Andre.chabanne@cirad.fr

Đề tài hợp tác:	PCP MALICA, Trung tâm thẩm quyền đối tác	
Lĩnh vực khoa học:	Kinh tế – xã hội, xã hội học	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2012
Mục tiêu chính	Nghiên cứu mối liên hệ giữa nông nghiệp và thị trường cho trong việc cung cấp sản phẩm tươi sống cho thành phố, nghiên cứu thái độ của người tiêu dùng	
Nguồn tài chính:	CIRAD (nguồn chính), các bên tham gia	
Ngân sách:	250.000 Euro/ 1 năm (bao gồm lương)	
Đối tác Pháp:	CIRAD, INRA của Pháp, Trường ĐHTH London	
Đối tác Việt Nam:	Viện Xã hội học, VASI, RIFAV, Trường ĐHTH TP Hồ Chí Minh, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, ICARD	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là: Hiệp định liên kết tháng 4-2002		
Điều phối viên	Họ và tên: Chức vụ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	TS MOUSTIER Paule Nhà khoa học của CIRAD CIRAD, 19 Hàn Thuyên, Hà Nội (84-4) 972 06 25 Paule.moustier@cirad.fr

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CIRAD (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	PCP PRiE, Trung tâm thẩm quyền đối tác		
Lĩnh vực khoa học:	Chăn nuôi, di truyền, chất lượng / khả năng phát hiện, cung cấp thực phẩm, nuôi trồng thủy sản, bệnh học		
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2012	
Mục tiêu chính	Trung tâm nghiên cứu về việc tăng cường các hệ thống chăn nuôi (lấy sữa, lợn, tôm cua) và đa dạng sinh học động vật.		
Nguồn tài chính:	CIRAD (nguồn chính), các bên tham gia		
Ngân sách:	750.000 Euro/ 1 năm (bao gồm lương)		
Đối tác Pháp:	CIRAD, INRA, xí nghiệp LEDUN		
Đối tác Việt Nam:	NIAH, NIVR, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, VASI, các Trường Đại học Cần Thơ và TP Hồ Chí Minh, Agifish		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?		☒ Có	☐ Không
Nếu có, ngày ký là: Hiệp định khung CIRAD-MARD, tháng 5-2000			
Điều phối viên	Họ và tên:	TS MAILLARD Jean Charles	
	Chức vụ:	Nhà nghiên cứu của CIRAD	
	Địa chỉ:	CIRAD, 19 Hàn Thuyên, Hà Nội, Việt Nam	
	Điện thoại:	(84-4) 757 05 21	
	E-mail:	Jean-charles.maillard@cirad.fr	

Đề tài hợp tác:	BIODIVA		
Lĩnh vực khoa học:	Sinh học phân tử, di truyền học, sinh thái học, công nghệ sinh học		
Ngày bắt đầu hợp tác	2003	Ngày kết thúc: 2006	
Mục tiêu chính	Tìm đặc trưng và khai thác đa dạng sinh học của gia súc và động vật hoang dã ở Việt Nam		
Nguồn tài chính:	FSP		
Ngân sách:	1.700.000 Euro/ 1 năm (bao gồm lương)		
Đối tác Pháp:	CIRAD, INRA		
Đối tác Việt Nam:	NIAH, Viện Công nghệ Sinh học (CNSNT), CNIDST (MOST)		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?		☒	Có ☐ Không
Nếu có, ngày ký là: Hiệp định FSP Biodiva, 2003			
Điều phối viên	Họ và tên:	TS MAILLARD Jean Charles	
	Chức vụ:	Nhà nghiên cứu của CIRAD	
	Địa chỉ:	CIRAD, 19 Hàn Thuyên, Hà Nội, Việt Nam	
	Điện thoại:	(84-4) 757 05 21	
	E-mail:	Jean-charles.maillard@cirad.fr	

Đề tài hợp tác:	Bảo tồn các các loài thú hoang lớn thuộc họ trâu bò ở Việt Nam		
Lĩnh vực khoa học:	Sinh thái học		
Ngày bắt đầu hợp tác	2003	Ngày kết thúc: 2006	
Mục tiêu chính	Bảo tồn tính đa dạng của các loài thú hoang lớn thuộc họ trâu bò ở Việt Nam bằng cách tiếp cận kết hợp cả địa phương và quốc gia, sự hỗ trợ của thể chế và kỹ thuật		
Nguồn tài chính:	FFEM		
Ngân sách:	1.850.000 Euro trong 3 năm		
Đối tác Pháp:	CIRAD, INRA		
Đối tác Việt Nam:	NIAH, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	✓ Có ☐ Không		
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định FFEM đang chuẩn bị ký kết		
Điều phối viên	Họ và tên:	TS PEDRONO Miguel	
	Chức vụ:	Nhà nghiên cứu của CIRAD	
	Địa chỉ:	CIRAD, 19 Hàn Thuyên, Hà Nội, Việt Nam	
	Điện thoại:	(84-4) 757 05 21	
	E-mail:	Miguel.pedrono@cirad.fr	

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CIRAD (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	Phòng chống bệnh cho các giống cam quýt Huanglongbing	
Lĩnh vực khoa học:	Nông học, di truyền, sinh học phân tử, côn trùng học	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc:
Mục tiêu chính	Nghiên cứu các phương pháp phát hiện sớm và phòng chống bệnh cho các giống cam quýt Huanglongbing ở Đông Nam Á	
Nguồn tài chính:	CIRAD	
Ngân sách:	200.000 Euro/ 1 năm (bao gồm lương)	
Đối tác Pháp:	CIRAD, INRA	
Đối tác Việt Nam:	SOFRI	
Đối tác Ô-xtrây-li-a	ACIAR	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định CIRAD-MARD, tháng 5-2000	
Điều phối viên	Họ và tên:	TS GATINEAU Frédéric
	Chức vụ:	Nhà nghiên cứu của CIRAD
	Địa chỉ:	SOFRI, Long Định, Châu Thành, Tiền Giang, Việt Nam
	Điện thoại:	(84-7) 3 834 699
	E-mail:	Frederic.gatineau@cirad.fr

Đề tài hợp tác:	Trồng cây ăn quả	
Lĩnh vực khoa học:	Nông học, bệnh học thực vật, côn trùng học	
Ngày bắt đầu hợp tác	2001	Ngày kết thúc: 2003
Mục tiêu chính	Hỗ trợ về khoa học và kỹ thuật cho việc cải thiện sản lượng cây ăn quả ở Việt Nam (dứa, xoài)	
Nguồn tài chính:	CIRAD, INRA, MAE	
Ngân sách:	40.000 Euro/ 1 năm	
Đối tác Pháp:	CIRAD, INRA	
Đối tác Việt Nam:	SOFRI	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định CIRAD-MARD, tháng 5-2000	
Điều phối viên	Họ và tên:	TS CAO VAN Philippe
	Chức vụ:	Nhà nghiên cứu của CIRAD
	Địa chỉ:	CIRAD, 19 Hàn Thuyên, Hà Nội, Việt Nam
	Điện thoại:	(84-4) 972 06 25
	E-mail:	Philippe.caovan@cirad.fr

Đề tài hợp tác:	Gạo chất lượng cao và đất đai	
Lĩnh vực khoa học:	Nông nghiệp, sinh thái học, di truyền học	
Ngày bắt đầu hợp tác	2003	Ngày kết thúc:
Mục tiêu chính	Nghiên cứu các tiêu chuẩn môi trường để tạo ra chất lượng của hạt gạo, quản lý chất lượng, sản phẩm của đất trồng lúa	
Nguồn tài chính:	CIRAD, các bên tham gia	
Ngân sách:	150.000 Euro/ 1 năm (bao gồm lương)	
Đối tác Pháp:	CIRAD	
Đối tác Việt Nam:	CLRRRI, VASI	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định CIRAD-CLRRRI, tháng 7-2003	
Điều phối viên	Họ và tên:	Dr GAY Frédéric
	Chức vụ:	Nhà nghiên cứu của CIRAD
	Địa chỉ:	CIRAD, 19 Hàn Thuyên, Hà Nội, Việt Nam
	Điện thoại:	(84-4) 972 06 25
	E-mail:	Frederic.gay@cirad.fr

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CIRAD (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	SUSPER	
Lĩnh vực khoa học:	Nông học, chăn nuôi, kinh tế, phân tích không gian	
Ngày bắt đầu hợp tác	2001	Ngày kết thúc: 2004
Mục tiêu chính	Phát triển bền vững nông nghiệp ngoại thành ở Đông Nam Á	
Nguồn tài chính:	FSP MAE	
Ngân sách:	1.500.000 Euro trong 3 năm (bao gồm lương)	
Đối tác Pháp:	CIRAD, INRA	
Đối tác Việt Nam:	RIFAV, VASI, NIN, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh và Đại học Nông nghiệp Hà Nội	
Đối tác quốc tế:	Đài Loan: AVRDC	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định FSP, 2001	
Điều phối viên	Họ và tên:	TS DEBON Hubert
	Chức vụ:	Điều phối viên khu vực
	Địa chỉ:	Đại sứ quán Pháp, 57 Trần Hưng Đạo
	Điện thoại:	(84-4) 943 77 19
	E-mail:	

Đề tài hợp tác:	Bảo tồn và khai thác các nguồn gen để phát triển một nghề trồng cam quýt bền vững ở Việt Nam	
Lĩnh vực khoa học:	Nông học, di truyền, công nghệ sinh học	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2006
Mục tiêu chính	Chuyển giao công nghệ và nhập các giống mới để cải tạo giống cam quýt ở Việt Nam bằng các cách tạo giống cải tiến.	
Nguồn tài chính:	CIRAD, Vùng Corse, MAE (hợp tác phân cấp), các đối tác	
Ngân sách:	570.000 Euro trong 4 năm (bao gồm lương)	
Đối tác Pháp:	INRA Corse	
Đối tác Việt Nam:	NIPP, AGI., VASI, SOFRI	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định khung CIRAD-MARD, tháng 5-2000	
Điều phối viên	Họ và tên:	TS CAO VAN Philippe
	Chức vụ:	Nhà nghiên cứu của CIRAD
	Địa chỉ:	CIRAD, 19 Hàn Thuyên, Hà Nội, Việt Nam
	Điện thoại:	(84-4) 972 06 25
	E-mail:	Philippe.caovan@cirad.fr

B. NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA IRD

Đề tài hợp tác:	Dự án MSEC/IRD-IWWI-NISF/ Đơn vị nghiên cứu ECU-049	
Lĩnh vực khoa học:	Xói mòn – Môi trường – Nông nghiệp	
Ngày bắt đầu hợp tác	1999	Ngày kết thúc: 2007
Mục tiêu chính	Sự định lượng và những tác động của sự xói mòn đối với đất trồng có độ dốc	
Nguồn tài chính:	IRD, BAD, IWWI, NISF	
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	IRD, CNRS : UMR BiomCo, ĐHTH Paris VI	
Đối tác Việt Nam:	NISF, CNST : Viện Hoá học	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định IRD-IWWI-MDR, 1999	
Điều phối viên	Họ và tên:	Christian VALENTIN
	Chức vụ:	Giám đốc Đơn vị nghiên cứu
	Địa chỉ:	BP06, Vientiane, Laos
	Điện thoại:	(85) 6 20 50 26 80
	E-mail:	valentinird@laopdr.com

Đề tài hợp tác:	Hỗ trợ cho nghiên cứu vận toán nhằm cải thiện tình hình dinh dưỡng ở Việt Nam	
Lĩnh vực khoa học:	Dinh dưỡng – Ăn uống – Xã hội	
Ngày bắt đầu hợp tác	1995	Ngày kết thúc: Không xác định
Mục tiêu chính	Tiếp cận toàn bộ các vấn đề ăn uống và dinh dưỡng của xã hội, đặc biệt sự chuyển tiếp và kiểm soát thực phẩm và dinh dưỡng. Biên soạn các tài liệu thông tin về dinh dưỡng và ăn uống ở Việt Nam. Những cách ăn uống để cải thiện tình trạng dinh dưỡng trong các nhóm có nguy cơ: phòng chống thiếu các nguyên tố vi lượng; cung cấp thực phẩm bổ sung cho thiếu nhi	
Nguồn tài chính:	IRD, OMS, UNICEF, ILSI, Quỹ Nhật Bản, Ủy ban Pháp tại UNICEF, Hợp tác phi tập trung	
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	IRD UR 106, GRET, CIRAD	
Đối tác Việt Nam:	Viện Dinh dưỡng Quốc gia (INN), 48B Tầng Bạt Hổ, Hà Nội / Bộ Y tế	
Đối tác quốc tế	OMS; UNICEF; ILSI-CHP Hoa Kỳ, ILSI-CHP Nhật Bản, Viện Công nghệ Liên bang Zurich, Thụy Sĩ; Khoa Huyết học, UMKC, Thành phố Kansas, Hoa Kỳ; Đại học Y Đông Virginia, Hoa Kỳ	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định khung IRD-MOH, 1997 (+ các văn bản sửa đổi hàng năm IRD-NIN)	
Điều phối viên	Họ và tên:	Jacques BERGER
	Chức vụ:	Giám đốc nghiên cứu; Đại diện IRD tại Việt Nam
	Địa chỉ:	19 Hàn Thuyên, Hà Nội
	Địa chỉ nhận thư từ:	IRD, Đại sứ quán Pháp, 57 Trần Hưng Đạo, Hà Nội
	Điện thoại:	ĐT: (84-4) 971 48 26 / 972 06 29 Fax: (84-4) 972 06 30
	E-mail:	j.berger@fpt.vn / repird@fpt.vn

Đề tài hợp tác:	Động lực gây bệnh dịch HIV ở vùng Đồng bằng sông Hồng	
Lĩnh vực khoa học:	Dân số học – xã hội học	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	2005
Mục tiêu chính	Nghiên cứu các hành vi chứa đựng nguy cơ và chăm sóc người bị nhiễm VIH ở vùng đồng bằng sông Hồng	
Nguồn tài chính:	IRD	
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	IRD	
Đối tác Việt Nam:	Trung tâm Dân số của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, CSDS	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Tháng 11-2002	
Điều phối viên	Họ và tên:	Myriam de Loenzien
	Chức vụ:	Phụ trách nghiên cứu IRD
	Địa chỉ:	IRD bộ phận văn hoá, Đại sứ quán Pháp, 57 Trần Hưng Đạo, Hà Nội
	Điện thoại:	(84-4) 628 1094
	E-mail:	Loenzien@ird.fr

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA IRD (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	Lưu động dân số của nội thành ở TP Hồ Chí Minh và Hà Nội	
Lĩnh vực khoa học:	Dân số học - địa lý học – khoa học xã hội	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2004
Mục tiêu chính	Nghiên cứu sự lưu động dân số của nội thành tăng lên trong bối cảnh của sự phát triển đô thị sinh ra do quá trình tự do hoá kinh tế, cùng với những vấn đề về cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị có liên quan.	
Nguồn tài chính:	Chương trình Nghiên cứu Đô thị cho sự Phát triển (PRUD) (ISTED, GEMDEV) – Bộ Ngoại giao	
Ngân sách:	76.000 Euro trong ba năm	
Đối tác Pháp:	IRD : UR 013	
Đối tác Việt Nam:	Viện Nghiên cứu Kinh tế TP Hồ Chí Minh Trung tâm Dân số, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Các Hiệp định PRUD-IRD, IRD-IER và IRD-CP, 2002	
Điều phối viên	Họ và tên:	Patrick GUBRY
	Chức vụ:	Nhà dân số học
	Địa chỉ:	IRD, 32 avenue Henri Varagnat, 93143 Bondy Cedex
	Điện thoại:	(33) (0) 1 488 02 59 96
	E-mail:	gubry@ird.fr

Đề tài hợp tác:	MALVECASIA “Các vật chủ trung gian gây bệnh sốt rét ở Đông Nam Á”	
Lĩnh vực khoa học:	Y tế – Côn trùng học y tế – Môi trường	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2005
Mục tiêu chính	Nghiên cứu sự kháng thuốc trừ sâu của các vật chủ trung gian gây bệnh sốt rét ở Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào và lập bản đồ bởi SIG về phân bố và đề kháng của các vật chủ trung gian	
Nguồn tài chính:	Ủy ban châu Âu (dự án INCO-DEV số ICA4-2001-10122)	
Ngân sách:	1.433.000 Euro trong 40 tháng (8 bên tham gia)	
Đối tác Pháp:	IRD : UMR 022 CBGP (S.Manguin)	
Đối tác Việt Nam:	Viện Sốt rét-Ký sinh trùng- Côn trùng Trung ương (NIMPE) và Viện Địa lý (CNST)	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định IRD-CNST, 1999	
Điều phối viên	Họ và tên:	MANGUIN, Sylvie
	Chức vụ:	Nghiên cứu viên IRD
	Địa chỉ:	CBGP-IRD, Campus de Banillarguet, CS 30016 34 988 Montferrier sur Lez
	Điện thoại:	(33) (0) 4 99 62 33 27
	E-mail:	manguin@mpl.ird.fr

Đề tài hợp tác:	Dự án IRD-CNST “Dự án Rubi” Sự cất trút vỏ ốc tam kỷ của sông Hồng và vai trò sinh kim loại trong việc hình thành các mỏ kim loại ở miền Bắc Việt Nam.	
Lĩnh vực khoa học:	Khoa học địa chất – Tài nguyên thiên nhiên không thể tái tạo	
Ngày bắt đầu hợp tác	Tháng 1-2001	Ngày kết thúc: Tháng 12-2003
Mục tiêu chính	Nghiên cứu sự phát sinh các mỏ hồng ngọc ở miền Bắc Việt Nam	
Nguồn tài chính:	IRD	
Ngân sách:	60.000 Euro trong 3 năm	
Đối tác Pháp:	CNRS UPR 2300, UMR 7566	
Đối tác Việt Nam:	CNST : Viện Địa chất, Hà Nội	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định IRD-CNST – thỏa thuận chung	
Điều phối viên	Họ và tên:	Giuliani Gaston
	Chức vụ:	DR2-IRD
	Địa chỉ:	BP20 – 54501 Vandœuvre cedex 01, France
	Điện thoại:	(33) (0)3 83 59 42 38
	E-mail:	Giuliani@cprg.cnrs-nancy.fr

C. NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CNRS

Đề tài hợp tác:	Các peptit hoạt tính mới chiết xuất từ hệ động vật và hệ thực vật ở Đông Nam Á	
Lĩnh vực khoa học:	Hoá học – Sinh học cấu trúc – Y học	
Ngày bắt đầu hợp tác	1999	Ngày kết thúc:
Mục tiêu chính	Nghiên cứu cấu trúc và ứng dụng các peptit hoạt tính mới	
Nguồn tài chính:	CNRS, CNST	
Ngân sách:	1 đoàn Việt Nam sang Pháp, 1 đoàn Pháp sang Việt Nam mỗi năm	
Đối tác Pháp:	CNRS UMR 5048, UMR 5810, INSERM U376	
Đối tác Việt Nam:	CNST: Trung tâm Công nghệ Sinh học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định CNRS-CNST – 1983	
Điều phối viên	Họ và tên:	Lauren CHICHE
	Chức vụ:	Giám đốc Nghiên cứu tại CNRS
	Địa chỉ:	CBS, Faculté de Pharmacie, 15 av. Flahault, 34093 Montpellier
	Điện thoại:	(33) (0) 4 67 04 34 32
	E-mail:	chiche@cbs.cnrs.fr

Đề tài hợp tác:	Nghiên cứu quang phổ học và mô hình hoá các loại kính nhôm silic -Dự án 2003/13548	
Lĩnh vực khoa học:	Hoá học – Vật lý vật liệu	
Ngày bắt đầu hợp tác	2001	Ngày kết thúc: 2003
Mục tiêu chính	Chế biến và định tính các vật liệu quang tử	
Nguồn tài chính:	CNRS (DRI), CNST	
Ngân sách:	Các đoàn công tác	
Đối tác Pháp:	CNRS UMR 8516	
Đối tác Việt Nam:	CNST – Hà Nội: Phòng thí nghiệm quang phổ ứng dụng và Ngọc học	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	CNRS-CNST 1983	
Điều phối viên	Họ và tên:	Daniel BOUGEARD
	Chức vụ:	Giám đốc
	Địa chỉ:	LASIR Bât.C5 ĐHTH Lille 159655 Villeneuve d'Ascq Cedex
	Điện thoại:	(33) (0)3 20 43 49 89
	E-mail:	Daniel.Bougeard@univ-lille1.fr

Đề tài hợp tác:	"Các tế bào mặt trời dùng chất rắn nhạy cảm với các chất nhuộm" (chương trình nghiên cứu đang tiến hành)	
Lĩnh vực khoa học:	Hoá học, Vật liệu	
Ngày bắt đầu hợp tác	1993	Ngày kết thúc:
Mục tiêu chính	Mục tiêu chính đã tiến triển theo thời gian: nghiên cứu các vật liệu (ôxit, pôlime, chất nhuộm) để chế tạo các tế bào crôm điện, các tế bào quang điện hoá, để chống ăn mòn	
Nguồn tài chính:	CNRS, CNST	
Ngân sách:	4-6 tháng thực tập ở Việt Nam mỗi năm, khoá thực tập tổng cộng khoảng 2 năm ở Pháp	
Đối tác Pháp:	CNRS, phòng thí nghiệm LISE (UPR 15)	
Đối tác Việt Nam:	CNST, Viện Khoa học Vật liệu, Hà Nội	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:		
Điều phối viên	Họ và tên:	Anne HUGOT LE GOFF
	Chức vụ:	Giám đốc Nghiên cứu tại CNRS
	Địa chỉ:	UPR 15, UPMC, 4 place Jussieu, 75252 Paris Cedex 05
	Điện thoại:	(33) (0)1 44 27 40 51
	E-mail:	ramanrt@ccr.jussieu.fr

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CNRS (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	Vật liệu gốc pôlime hữu cơ và vật liệu lai tạp hoạt hoá, để chế tạo các linh kiện chủ động trong viễn thông quang học (nguồn, ampli, bộ điều biến)	
Lĩnh vực khoa học:	Vật lý, Hoá học	
Ngày bắt đầu hợp tác	1/1/2001	Ngày kết thúc: 31/12/2003
Mục tiêu chính	Nghiên cứu các đặc tính quang học của các vật liệu hữu cơ được tổng hợp tại Hà Nội để chế tạo các ống dẫn sóng chủ động cho viễn thông	
Nguồn tài chính:	CNRS, CNST	
Ngân sách:	Các đoàn qua lại	
Đối tác Pháp:	CNRS: UMR 8537 (Phòng Thí nghiệm Photon Lượng tử và Phân tử)	
Đối tác Việt Nam:	CNST: Viện Khoa học Vật liệu (IMS) Hà Nội	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định CNRS-CNST 2001	
Điều phối viên	Họ và tên: Chức vụ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	DUMONT Michel Giám đốc Nghiên cứu tại CNRS Phòng Thí nghiệm Photon Lượng tử và Phân tử ENS de Cachan 61 Avenue du Président Wilson, 94235 Cachan cedex (33) (0)1 47 40 55 59 michel.dumont@lpgm.ens-cachan.fr

Đề tài hợp tác:	FSP ESPOIR – Cánh cửa “Nước”	
Lĩnh vực khoa học:	Hoá học – Môi trường	
Ngày bắt đầu hợp tác	1997	Ngày kết thúc: 2004
Mục tiêu chính	Nghiên cứu chất lượng nước (sông Tô Lịch, sông Nhuệ) – Các nguyên mẫu xử lý	
Nguồn tài chính:	Đại sứ quán Pháp (FSP Espoir), CNRS, CNST, MOST	
Ngân sách:	600.000 Euro trong 6 năm	
Đối tác Pháp:	CNRS: UMR 5564, 6008, 5805, 5634	
Đối tác Việt Nam:	CNST: Viện Hoá học, Hà Nội và TP Hồ Chí Minh	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định CNRS-CNST – 1983	
Điều phối viên	Họ và tên: Chức vụ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	Georges VACHAUD Biệt phái của INSU-CNRS/SDU BP53-38041 Grenoble cedex 09 (33) (0)4 76 82 50 70 georges.vachau@cnrs-dir.fr

Đề tài hợp tác:	Tổng hợp và bán tổng hợp các chất tương tự các hợp chất thiên nhiên	
Lĩnh vực khoa học:	Hoá học điều trị	
Ngày bắt đầu hợp tác	Tháng 2 – 2003	Ngày kết thúc: 2004
Mục tiêu chính	Tăng giá trị các sản phẩm tự nhiên. Chuyển giao công nghệ hoá fluor	
Nguồn tài chính:	CNRS và Bộ PAL+	
Ngân sách:	CNRS: các chuyển công tác	
Đối tác Pháp:	BIOCIS UMR 8076	
Đối tác Việt Nam:	CNST Hà Nội	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	CNRS/CNST Dự án 2003 số 14090	
Điều phối viên	Họ và tên: Chức vụ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	BONNET-DELPON Danièle Giám đốc nghiên cứu CNRS Faculté de Pharmacie Chatenay-Malabry PHÁP (33) (0)1 46 83 57 39 daniele.bonnet-delpont@cep.u-psud.fr

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CNRS (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	Các hợp kim phụ cân bằng và kháng từ mạnh ở nền Sắt và Đất hiếm	
Lĩnh vực khoa học:	Vật liệu	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2003 (gia hạn theo yêu cầu)
Mục tiêu chính	So sánh các tính chất cấu trúc và từ tính của các hợp kim phụ cân bằng thu được bằng cách nung chảy và hút vào, rót khuôn lên trục lăn và nghiền tán ở năng lượng cao	
Nguồn tài chính:	CNRS-CNST	
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	CNRS: UPR 209	
Đối tác Việt Nam:	CNST: Viện Khoa học Vật liệu Hà Nội	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định CNRS-CNST 13544 2002	
Điều phối viên	Họ và tên:	Catherine DJEGA-MARIADASSOU
	Chức vụ:	Giáo sư
	Địa chỉ:	2-8 rue H.Dunant 94320 Thiais
	Điện thoại:	(33) (0)1 49 78 11 96
	E-mail:	Diega@glvt-cnrs.fr

Đề tài hợp tác:	Những lớp phủ bảo vệ mới từ các tài nguyên có thể tái tạo của Việt Nam và từ polysiloxane	
Lĩnh vực khoa học:	Hoá học	
Ngày bắt đầu hợp tác	1998	Ngày kết thúc:
Mục tiêu chính	Tạo ra các lớp phủ mới để bảo vệ chống ăn mòn vật liệu	
Nguồn tài chính:	DRI (Các công ước quốc tế của CNRS), MAE, MEN	
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	Phòng Thí nghiệm Hoá Hữu cơ và Hợp chất Cơ Kim, UMR5802 CNRS - ĐHTH Bordeaux I	
Đối tác Việt Nam:	Viện Kỹ thuật Nhiệt đới của CNST, Hà Nội	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	1998	
Điều phối viên	Họ và tên:	Jean-Paul PILLOT
	Chức vụ:	IR1
	Địa chỉ:	Université Bordeaux I, 351 Cours de Libération, 33 405 TALENCE Cedex
	Điện thoại:	(33) (0)5 40 00 62 84
	E-mail:	j-p.pillot@lcoo.u-bordeaux1.fr

Đề tài hợp tác:	Hợp tác quốc tế của CNRS	
Lĩnh vực khoa học:	Hoá học – Môi trường	
Ngày bắt đầu hợp tác	1999	Ngày kết thúc: 2004
Mục tiêu chính	Phát triển các loại máy dò sinh học để phát hiện thuốc trừ sâu	
Nguồn tài chính:	CNRS, CNST	
Ngân sách:	3 hoặc 4 tháng mỗi năm cho một nhà khoa học Việt Nam sang Pháp và một nhà khoa học Pháp sang Việt Nam trong 1 tuần	
Đối tác Pháp:	CNRS: UMR 5634	
Đối tác Việt Nam:	ITIMS (Viện Đào tạo Quốc tế Khoa học Vật liệu (Đại học Bách khoa Hà Nội))	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☐ Có ☒ Không	
Nếu có, ngày ký là:		
Điều phối viên	Họ và tên:	Jean-Marc CHOVELON
	Chức vụ:	Giáo sư
	Địa chỉ:	Université Claude Bernard Lyon 1, LACE, UMR 5634, 43 Bd du 11 novembre 1918, 69622 Villeurbanne
	Điện thoại:	(33) (0)4 72 43 26 38
	E-mail:	Chovelon@univ-lyon1.fr

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CNRS (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	Địa thời học và Kiến tạo học trên phần đất Đông Dương của Việt Nam	
Lĩnh vực khoa học:	Geocronit – Phân tích cấu trúc – Thạch học	
Ngày bắt đầu hợp tác	Tháng 10 –2000	Ngày kết thúc:
Mục tiêu chính	Lịch sử địa chất của Bán đảo Đông Dương	
Nguồn tài chính:	CNRS	
Ngân sách:	2.000.000 Euro/ 1 năm	
Đối tác Pháp:	CNRS : UMR 5573 – UMR 7072 - ĐHTH Montpellier II - ĐHTH Paris VI	
Đối tác Việt Nam:	Viện Khoa học - Đại học Quốc gia	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☐ Có ☒ Không	
Nếu có, ngày ký là:		
Điều phối viên	Họ và tên:	Henri MALUSKI
	Chức vụ:	Giám đốc Nghiên cứu
	Địa chỉ:	Université Montpellier 2 – Place Eugène Bataillon – 34095 Montpellier
	Điện thoại:	(33) (0)4 67 54 59 26
	E-mail:	Maluski@dstu.univ-montp2.fr

D. NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CEA

Đề tài hợp tác:	Hợp tác trong việc sử dụng công nghệ hạt nhân vào mục đích hoà bình		
Lĩnh vực khoa học:	Nghiên cứu và triển khai công nghệ hạt nhân		
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: Có thể gia hạn sau 5 năm	
Mục tiêu chính	Giúp đỡ Việt Nam phát triển ứng dụng năng lượng hạt nhân vào mục đích hoà bình		
Nguồn tài chính:	CEA		
Ngân sách:			
Đối tác Pháp:	CEA/INSTN/ Tập đoàn AREVA / Bộ Công nghiệp và Nghiên cứu		
Đối tác Việt Nam:	VAEC/MOST/PFIEV		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?		✓ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:		27/03/2002	
Điều phối viên	Họ và tên: Denis ACKER Chức vụ: Phó Giám đốc quan hệ quốc tế CEA/DEN Địa chỉ: CEA, Centre Saclay, DEN/DSNI, Bat 121, 99 191 Gif sur Yvette Điện thoại: (33) (0)1 69 08 54 79 E-mail: Denis.acker@cea.fr	Marc PONCHET Phụ trách các đoàn hợp tác quốc tế CEA/DRI, 31 rue de la Fédération, 75752 Paris cedex 15 (33) (0)1 69 08 40 11 Marc.ponchet@cea.fr	

Đề tài hợp tác:	Hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu công nghệ		
Lĩnh vực khoa học:	Công nghệ micro, công nghệ nano và các lĩnh vực liên quan		
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: Có thể gia hạn	
Mục tiêu chính	Phát triển hợp tác		
Nguồn tài chính:	CEA		
Ngân sách:			
Đối tác Pháp:	CEA/LETI, Minatec, INPG		
Đối tác Việt Nam:	CNST, VNUH, HUT, PFIEV, MICA		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không		
Nếu có, ngày ký là:	cuối năm 2003		
Điều phối viên	Họ và tên: Jean-Charles GUILBERT Chức vụ: Phó Giám đốc CEA/LETI Địa chỉ: CEA/LETI, 17 rue des Martyrs, 38054 Grenoble cedex 9 Điện thoại: (33) (0)4 38 78 35 81 E-mail: Guibert@chartreuse.cea.fr	Marc PONCHET Biệt phái về hợp tác quốc tế CEA/DRI, 31 rue de la Fédération, 75752 Paris cedex 15 (33) (0)1 69 08 40 11 Marc.ponchet@cea.fr	

E. NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA EFEO

Đề tài hợp tác:	Chương trình “Các làng xóm vùng châu thổ sông Hồng”		
Lĩnh vực khoa học:	Lịch sử, nhân loại học, nông học, xã hội học, kinh tế, địa lý		
Ngày bắt đầu hợp tác	1996	Ngày kết thúc: 2002	
Mục tiêu chính	Xuất bản bằng các tiếng Pháp, Việt và Anh những phân tích của các nhóm đa ngành làm nổi bật vai trò Nhà nước Khổng giáo trong việc xây dựng bản sắc và sự gắn bó của nông dân với cộng đồng gia đình và làng xóm.		
Nguồn tài chính:	Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam		
Ngân sách:			
Đối tác Pháp:	EFEO, CNRS, Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam		
Đối tác Việt Nam:	CNSSH, UNSH		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không		
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định thường xuyên, gia hạn 3 năm một lần		
Điều phối viên	Họ và tên:	Adrew HARDY	
	Chức vụ:	Giám đốc EFEO tại Hà Nội	
	Địa chỉ:	5A Ngõ Hạ Hối, Hà Nội	
	Điện thoại:	(84-4) 822 06 23	
	E-mail:	Hardy@efeo.org.vn	

Đề tài hợp tác:	Chương trình “Những cuộc hành quân của vương quốc Đại Việt, 1400-1850, các mối bang giao và cơ chế biến đổi xã hội và không gian”		
Lĩnh vực khoa học:	Lịch sử vùng và lịch sử theo chủ đề		
Ngày bắt đầu hợp tác	1997	Ngày kết thúc: 2003	
Mục tiêu chính	Xuất bản bằng các tiếng Pháp, Việt và Anh các bài phân tích niên đại và thể thức tiếp xúc giữa dân tộc Kinh và các dân tộc ở biên cương của Vương quốc Đại Việt, xây dựng lãnh thổ quốc gia.		
Nguồn tài chính:			
Ngân sách:			
Đối tác Pháp:	EFEO, CNRS		
Đối tác Việt Nam:	CNSSH, UNSSH		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không		
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định thường xuyên, gia hạn 3 năm một lần		
Điều phối viên	Họ và tên:	Adrew HARDY	Philippe LE FAILLER
	Chức vụ:	Giám đốc EFEO tại Hà Nội	Phó Giáo sư
	Địa chỉ:	5A Ngõ Hạ Hối, Hà Nội	5A Ngõ Hạ Hối, Hà Nội
	Điện thoại:	(84-4) 822 06 23	(84-4) 822 06 23
	E-mail:	Hardy@efeo.org.vn	Lefailleur@efeo.org.vn

Đề tài hợp tác:	Chương trình “Địa lý mô tả về nước Việt Nam thời vua Đồng Khánh”		
Lĩnh vực khoa học:	Lịch sử, địa lý, ngôn ngữ		
Ngày bắt đầu hợp tác	1997	Ngày kết thúc: 2003	
Mục tiêu chính	Xuất bản bằng các tiếng Pháp, Việt và Anh các bài phân tích thành 3 tập và 300 bản đồ		
Nguồn tài chính:	Quỹ Ford		
Ngân sách:	100.000 USD		
Đối tác Pháp:	EFEO, EPHE		
Đối tác Việt Nam:	CNSSH (Viện Hán Nôm)		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không		
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định thường xuyên, gia hạn 3 năm một lần		
Điều phối viên	Họ và tên:	Adrew HARDY	
	Chức vụ:	Giám đốc EFEO tại Hà Nội	
	Địa chỉ:	5A Ngõ Hạ Hối, Hà Nội	
	Điện thoại:	(84-4) 822 06 23	
	E-mail:	Hardy@efeo.org.vn	

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA EFEO (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	Chương trình “Hiện tượng di cư ở Việt Nam trong bối cảnh khu vực: lịch sử và nhân loại học của sườn phía đông của bán đảo Đông Nam Á, từ thế kỷ XV đến thế kỷ XX”	
Lĩnh vực khoa học:	Lịch sử, nhân loại học, xã hội học, địa lý, ngôn ngữ	
Ngày bắt đầu hợp tác	2003	Ngày kết thúc: 2007
Mục tiêu chính	Xuất bản các phân tích, các thể thức và điều kiện xã hội để tạo động lực “Nam tiến”	
Nguồn tài chính:		
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	EFEO	
Đối tác Việt Nam:	CNSSH, UNSSH	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định thường xuyên, gia hạn 3 năm một lần	
Điều phối viên	Họ và tên:	Adrew HARDY
	Chức vụ:	Giám đốc EFEO tại Hà Nội
	Địa chỉ:	5A Ngõ Hạ Hối, Hà Nội
	Điện thoại:	(84-4) 822 06 23
	E-mail:	Hardy@efeo.org.vn

Đề tài hợp tác:	Chương trình “Các văn khắc cổ của Việt Nam”	
Lĩnh vực khoa học:	Lịch sử, nhân loại học, xã hội học, địa lý, ngôn ngữ	
Ngày bắt đầu hợp tác	1999	Ngày kết thúc: 2003
Mục tiêu chính	Thành lập và xuất bản các tập tư liệu về các văn bia của các làng xã (khoảng 40.000) bằng cách sử dụng các phương pháp phân tích định lượng và định tính	
Nguồn tài chính:		
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	EFEO	
Đối tác Việt Nam:	CNSSH (Viện Hán Nôm)	
Đối tác quốc tế:	Đại học Tổng hợp Chong Cheng (Đài Loan)	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định thường xuyên, gia hạn 3 năm một lần	
Điều phối viên	Họ và tên:	Adrew HARDY
	Chức vụ:	Giám đốc EFEO tại Hà Nội
	Địa chỉ:	5A Ngõ Hạ Hối, Hà Nội
	Điện thoại:	(84-4) 822 06 23
	E-mail:	Hardy@efeo.org.vn

F. NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

Đề tài hợp tác:	Chống bệnh sốt rét – Hợp tác trong quân y	
Lĩnh vực khoa học:	Y tế – y học	
Ngày bắt đầu hợp tác	Tháng 6-2002	Ngày kết thúc: Tháng 10-2005
Mục tiêu chính	Nghiên cứu kiểm soát gene của sức đề kháng bệnh sốt rét	
Nguồn tài chính:	IMTSSA; ĐHTH Địa Trung Hải, EA 864, IFR 48; AUF	
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	Viện Y học Nhiệt đới của Cục Quân y (IMTSSA); Đại học Tổng hợp Địa Trung Hải, EA 864, IFR 48	
Đối tác Việt Nam:	Đại học Tổng hợp Huế, GS. Huỳnh Đình Chiến	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	1998	
Điều phối viên	Họ và tên:	Pr. Francis FUMOUX
	Chức vụ:	Giám đốc Đơn vị nghiên cứu miễn dịch di truyền và dược lí
	Địa chỉ:	27 Bv. Jean Moulin 13385 Marseille Cedex
	Điện thoại:	(33) (0)4 91 83 55 61
	E-mail:	Fumoux@luminv.univ-mrs.fr

Đề tài hợp tác:	ANRS 1210 – Nghiên cứu tính công hiệu và tính chịu thuốc của phương pháp điều trị bệnh do phần rônôvirút (3TC/DDI/Efavirenz, dùng duy nhất hàng ngày) ở bệnh nhân nhiễm HIV trong đó CD4 nhỏ hơn 200/mm ³ tại TP Hồ Chí Minh.	
Lĩnh vực khoa học:	Y tế, nghiên cứu Sida, thử nghiệm điều trị	
Ngày bắt đầu hợp tác	2003	Ngày kết thúc: 2006
Mục tiêu chính	Đánh giá tính công hiệu và tính chịu thuốc và nguyên nhân thất bại của việc kết hợp 3CT/DDI/Efavirenz ở bệnh nhân nhiễm HIV.	
Nguồn tài chính:	Cơ quan Nghiên cứu Sida Quốc gia	
Ngân sách:	500.000 Euro	
Đối tác Pháp:	INSERM, Bệnh viện Pitié Salpêtrière Paris, CHU de Bordeaux	
Đối tác Việt Nam:	Bệnh viện Y học Nhiệt đới, Viện Pasteur, Trung tâm Y tế Dự phòng, Trung tâm Bình Triệu TP Hồ Chí Minh	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định khung liên bộ ngày 06/01/2000	
Điều phối viên	Họ và tên:	Follezou Jean Yves
	Chức vụ:	Phụ trách khoa học
	Địa chỉ:	Hôpital de la Pitié Salpêtrière, Paris
	Điện thoại:	(33) (0)6 07 48 64 00
	E-mail:	follezou@vjf.inserm.fr
		Nguyễn Hữu Chi Phụ trách khoa học Bệnh viện Y học Nhiệt đới TP Hồ Chí Minh (84 9) 0 374 21 30 chi@hcm.vnn.vn

Đề tài hợp tác:	ANRS 1268 – Các cơ chế bảo vệ chống HIV-1 tại nhà các cá nhân bị phơi nhưng không nhiễm.	
Lĩnh vực khoa học:	Y học, nghiên cứu Sida, các nhân tố virus, miễn dịch học	
Ngày bắt đầu hợp tác	2000	Ngày kết thúc: 2003
Mục tiêu chính	Nhận biết các nhân tố miễn dịch và di truyền có thể liên quan đến sự phòng vệ tự nhiên chống lại việc nhiễm HIV ở các đối tượng phơi nhưng không nhiễm.	
Nguồn tài chính:	Cơ quan Nghiên cứu Sida Quốc gia	
Ngân sách:	120.000 Euro	
Đối tác Pháp:	Viện Pasteur Paris, Bệnh viện Pitié Salpêtrière	
Đối tác Việt Nam:	Viện Pasteur TP Hồ Chí Minh, Trung tâm Bình Triệu	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định khung liên bộ ngày 06/01/2000	
Điều phối viên	Họ và tên:	Pancino Gianfranco
	Chức vụ:	Phụ trách khoa học
	Địa chỉ:	Institut Pasteur Paris
	Điện thoại:	(33) (0)1 45 68 87 38
	E-mail:	gpancino@pasteur.fr
		Trương Thị Xuân Liên Phụ trách khoa học Viện Pasteur TP Hồ Chí Minh (84 8) 822 28 83 xuanlien@hcm.vnn.vn

NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	ANRS 1251 – Cách ứng xử giới, sự thể hiện của bệnh và quản lý nguy cơ sida ở những người sống ở đô thị Việt Nam.	
Lĩnh vực khoa học:	Y tế, nghiên cứu Sida, khoa học nhân văn / y tế cộng đồng	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2003
Mục tiêu chính	Nghiên cứu cách ứng xử giới và việc bị các nguy cơ dẫn đến nhiễm HIV	
Nguồn tài chính:	Cơ quan Nghiên cứu Sida Quốc gia	
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, CNRS	
Đối tác Việt Nam:	Tư vấn Nghiên cứu Dân số (POPCON), Hà Nội	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định khung liên bộ ngày 06/01/2000	
Điều phối viên	Họ và tên: Blanc Marie Eve Chức vụ: Phụ trách khoa học Địa chỉ: CNRS, Marseille Điện thoại: (33) (0)4 91 10 61 46 E-mail: meblanc@yahoo.com	Nguyễn Minh Thắng Phụ trách Khoa học POPCON, Hà Nội

Đề tài hợp tác:	ANRS 1257 – Quan sát tính kháng và các phản rêtrovirút trong các nước đang phát triển ở châu Phi và châu Á	
Lĩnh vực khoa học:	Y tế, nghiên cứu Sida, các nhân tố virút miễn dịch	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2004
Mục tiêu chính	Đánh giá ưu thế của các gốc HIV-1 mang các đột biến đối kháng với phản rêtrovirút	
Nguồn tài chính:	Cơ quan Nghiên cứu Sida Quốc gia	
Ngân sách:	10.000 Euro cho Việt Nam	
Đối tác Pháp:	Đại học Tổng hợp Bordeaux II, IRD Montpellier, Đại học Cơ đốc Louvain Bỉ	
Đối tác Việt Nam:	Trung tâm Y tế Dự phòng TP Hồ Chí Minh, Viện Pasteur TP Hồ Chí Minh, Bệnh viện Y học Nhiệt đới TP Hồ Chí Minh	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định khung liên bộ ngày 06/01/2000	
Điều phối viên	Họ và tên: FleuryHervé Chức vụ: Phụ trách khoa học Địa chỉ: Laboratoire de virologie, Université de Bordeaux II Điện thoại: (33) (0)5 56 79 55 10 E-mail: herve.fleury@chu-bordeaux.fr	Nguyễn Thị Hoàng Lan Phụ trách khoa học Trung tâm Y tế dự phòng, TP Hồ Chí Minh (84 8) 835 61 55 hnb-hl@bdvn.vnd.net

Đề tài hợp tác:	ANRS 1260 – Cải thiện sự chăm sóc các bệnh nhiễm trùng phổi ở người lớn trong quá trình nhiễm HIV/SIDA trong các nước châu Phi và Đông Nam Á	
Lĩnh vực khoa học:	Y tế, nghiên cứu Sida, thử nghiệm lâm sàng	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2004
Mục tiêu chính	Làm thích ứng các chiến lược chẩn đoán và điều trị các bệnh nhiễm trùng phổi ở bệnh nhân nhiễm HIV trong các nước đang phát triển	
Nguồn tài chính:	Cơ quan Nghiên cứu Sida Quốc gia	
Ngân sách:	150.000 Euro cho Việt Nam	
Đối tác Pháp:	Viện Pasteur Paris, Bệnh viện Huấn luyện Quân đội Clamart	
Đối tác Việt Nam:	Viện Pasteur TP Hồ Chí Minh, Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch TP Hồ Chí Minh	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định khung liên bộ ngày 06/01/2000	
Điều phối viên	Họ và tên: Germani Yves Chức vụ: Phụ trách khoa học Địa chỉ: Viện Pasteur Paris Điện thoại: E-mail: ygermani@pasteur.fr	Trương Thị Xuân Liên Phụ trách khoa học Viện Pasteur TP Hồ Chí Minh (84 8) 822 28 83 xuanlien@hcm.vnn.vn

NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	VLP : Vắc-xin Chống các loại phản virút quay	
Lĩnh vực khoa học:	Vắc-xin học	
Ngày bắt đầu hợp tác	Ngày kết thúc:	
Mục tiêu chính	Triển khai một loại kháng nguyên vắc-xin	
Nguồn tài chính:		
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	INRA Vi-rút học phân tử và cấu trúc	
Đối tác Việt Nam:	Poliovac Dr Man	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☐ Có ☒ Không	
Nếu có, ngày ký là:		
Điều phối viên	Họ và tên:	Jean Cohen
	Chức vụ:	Giám đốc Nghiên cứu
	Địa chỉ:	1 Av de la Terrasse 91 Gif-sur-Yvette
	Điện thoại:	(33) (0)1 69 82 38 54
	E-mail:	cohen@gv.cnrs-gif.fr

G. NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI

C. **NIHON KOKU DOKU TOSHO KENSHU K**

Đề tài hợp tác:	Đào tạo giáo viên, huấn luyện viên đào tạo, hướng dẫn viên nghiên cứu		
Lĩnh vực khoa học:	Khoa học ngôn ngữ và tiếng Pháp, tiếng nước ngoài		
Ngày bắt đầu hợp tác	1989	Ngày kết thúc: 2004	
Mục tiêu chính	Giảng dạy và nghiên cứu		
Nguồn tài chính:	Bộ Ngoại giao		
Ngân sách:	448.780 Euro		
Đối tác Pháp:	Đại học Tổng hợp Rouen		
Đối tác Việt Nam:	E.N.S. Huế, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, E.N.S Huế, Hà Nội, Đà Nẵng		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?		☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:		1989, hiệp định hàng năm được xem xét tiếp tục	
Điều phối viên	Họ và tên:	LAROUSSI Fouad	
	Chức vụ:	Giáo sư	
	Địa chỉ:	Université de Rouen, UFR Lettres et Sciences Humaines	
	Điện thoại:	(33) (0)2 35 14 80 74	
	E-mail:	Foued.Larroussi@univ-rouen.fr	

Đề tài hợp tác:	PACTE (Chiến dịch nhận thức cộng đồng về giao thông và môi trường), hoạt động của chương trình ETAP-3 của ADEME. Đối tác Việt Nam: Sở Giao thông Công chính cộng tác với DOSTE TP Hồ Chí Minh.		
Lĩnh vực khoa học:	Giao thông – Môi trường		
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2004	
Mục tiêu chính	Sự chuyển động hàng ngày, hình ảnh các cách thức và khả năng chấp nhận các biện pháp về chính sách giao thông tại TP Hồ Chí Minh (điều tra 1000 gia đình)		
Nguồn tài chính:	ADEME		
Ngân sách:	12.300 Euro (chi phí điều tra và thu thập số liệu)		
Đối tác Pháp:	Phòng Thí nghiệm Kinh tế Giao thông, Explicit		
Đối tác Việt Nam:	TEPC Nam, ENERTEAM (TP Hồ Chí Minh)		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?		☐ Có	☐ Không
Nếu có, ngày ký là:			
Điều phối viên	Họ và tên:	CUSSET Jean Michel	
	Chức vụ:	Giám đốc Nghiên cứu của CNRS	
	Địa chỉ:	LET-ISH, 14 avenue Berthelot, 69363 Lyon Cedex 07	
	Điện thoại:	(33) (0)4 72 72 64 49	
	E-mail:	Jean-michel.cusset@let-ish-lyon.cnrs.fr	

NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	Quản lý tài sản công và đấu tranh chống đói nghèo ở tỉnh Lao Cai	
Lĩnh vực khoa học:	Khoa học nhân văn và xã hội / Phát triển địa phương	
Ngày bắt đầu hợp tác	2003	Ngày kết thúc: 2006
Mục tiêu chính	Theo dõi, nghiên cứu, giám định các hoạt động phát triển địa phương trong khuôn khổ hợp tác phân cấp Aquitaine – Lao Cai	
Nguồn tài chính:	Đại sứ quán Pháp, Vùng Aquitaine, Tỉnh Lao Cai, CNRS	
Ngân sách:	82.000 Euro cho năm 2003	
Đối tác Pháp:	Đại học Tổng hợp Bordeaux 3, UMR CNRS-IRD REGARDS, Vùng Aquitaine	
Đối tác Việt Nam:	Tỉnh Lào Cai, Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	2000 / 2002	
Điều phối viên	Họ và tên:	Georges ROSSI
	Chức vụ:	Giáo sư của Bordeaux 3
	Địa chỉ:	Maison des Suds – 12, Esplanade des Antilles – 33607 – PESSAC Cedex
	Điện thoại:	(33) (0)5 56 84 68 52 hoặc (33) (0)5 56 84 82 12
	E-mail:	rossi@regards.cnrs.fr

Đề tài hợp tác:	Hội thảo 1954-2004	
Lĩnh vực khoa học:	Lịch sử hiện đại	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2004
Mục tiêu chính	Tổ chức các cuộc hội thảo khoa học (2, nếu có thể là 3) với xuất bản các tài liệu hội thảo nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến dịch Điện Biên Phủ và Hiệp định Genève.	
Nguồn tài chính:	Đại sứ quán Pháp, Bộ Ngoại giao (DGCID), Bộ Quốc phòng (CEHD, DMPA), AUF, CNRS	
Ngân sách:	90.000 Euro	
Đối tác Pháp:	Đại học Tổng hợp Paris I, CNRS (UMR IRICE), CEHD	
Đối tác Việt Nam:	Đại học Khoa học Xã hội Hà Nội (USSH)	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☐ Có ☒ Không	
Nếu có, ngày ký là:		
Điều phối viên	Họ và tên:	Hugues TERTRAIS
	Chức vụ:	Phó Giáo sư ĐHTH Paris I Panthéon- Sorbone
	Địa chỉ:	110, rue des Grands Champs – 75020 Paris
	Điện thoại:	(33) (0)1 43 67 38 66
	E-mail:	Hugues.Tertrais@univ-paris1.fr

H. NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Đề tài hợp tác:	Khả năng bền vững về môi trường của việc nuôi trồng thủy sản nước lợ ở châu thổ sông Mêkông.	
Lĩnh vực khoa học:	Nuôi trồng thủy sản – Môi trường – Kinh tế - xã hội	
Ngày bắt đầu hợp tác	Tháng 5/2000	Ngày kết thúc: Tháng 12/2003
Mục tiêu chính	Các mối quan hệ giữa môi trường, hoạt động thực tiễn và khả năng ổn định kinh tế – xã hội.	
Nguồn tài chính:	Cộng đồng Châu Âu – Văn phòng Viện trợ Châu Âu	
Ngân sách:	1. 000.000 Euro trong 3 năm rưỡi	
Đối tác Pháp:	IFREMER, IRD, CNRS/UPS CESBIO, ĐHTH Bretagne – CEDEM	
Đối tác Việt Nam:	Viện Hải dương học Nha trang, Viện Nuôi trồng Thủy sản số 1 và số 2	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:		
Điều phối viên	Họ và tên: Chức vụ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	Jacques POPULUS Kỹ sư nghiên cứu IFREMER Centre de Brest; BP 70 ; 29280 Plouzané (33) (0)2 98 22 43 10 jacques.populus@ifremer.fr

Đề tài hợp tác:	Dự án RURBASIE – Phần “Việt Nam”	
Lĩnh vực khoa học:	Nông nghiệp - Đô thị hoá	
Ngày bắt đầu hợp tác	2002	Ngày kết thúc: 2006
Mục tiêu chính	Phân tích tác động của sự phát triển đô thị đối với nông nghiệp	
Nguồn tài chính:	Cộng đồng Châu Âu (DG12, ligne INCO-Dev), GRET	
Ngân sách:	945.000 Euro trong 4 năm	
Đối tác Pháp:	GRET, INRA	
Đối tác Việt Nam:	DSA-VASI	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Thoả thuận GRET-VASI – 30/5/2002	
Điều phối viên	Họ và tên: Chức vụ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	Jean-Philippe Fontenelle Phụ trách Chương trình 213 rue Lafayette 75010 Paris (33) (0)1 40 05 61 45 Fontenelle@gret.org

Đề tài hợp tác:	Thoả thuận giúp đỡ khoa học và tài chính	
Lĩnh vực khoa học:	Công nghệ sinh học trong việc sinh sản của động vật ở Việt Nam	
Ngày bắt đầu hợp tác	2001 – hoãn 1/1/2003	Ngày kết thúc: 31/12/2004
Mục tiêu chính	1/ Giúp đỡ phát triển một hệ thống sản xuất <i>in vitro</i> và ghép phôi ở quy mô lớn. 2/ Nghiên cứu sự tái lập chương trình ở các phôi thai phát triển sau khi chuyển dời nhân. 3/ Xác lập công nghệ sản sinh các tế bào gốc từ sinh sản vô tính thể hệ.	
Nguồn tài chính:	AIRE DEVELOPMENT	
Ngân sách:	75.000 Euro	
Đối tác Pháp:	UMR INRA/ENVA Sinh học Phát triển và Sinh sản	
Đối tác Việt Nam:	Phòng Thí nghiệm Sinh học Sinh sản và Phát triển (LBRD) thuộc Viện Công nghệ Sinh học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, Hà Nội TS Bùi Xuân Nguyên	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định INRA-IRD-CNSNT 11/12/2002	
Điều phối viên	Họ và tên: Chức vụ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	RENARD Jean Paul Giám đốc UMR Centre INRA de Jouy en Josas (33) (0)1 34 65 25 95 renard@jouy.inra.fr

NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC
(tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	Thoả thuận cung cấp dịch vụ số 2003/BIODIVA/01/INRA	
Lĩnh vực khoa học:	Làm rõ đặc tính và khai thác sự đa dạng sinh học động vật nuôi và hoang dã ở Việt Nam	
Ngày bắt đầu hợp tác	1/7/2003	Ngày kết thúc:
Mục tiêu chính	1/ Thiết lập một ngân hàng đông lạnh để nuôi cấy tế bào thể hệ từ các mô khác nhau của loài Saola. 2/ Xác lập kỹ thuật phối nhân tế bào bảo quản đông lạnh của Saola vào chất tế bào noãn loài bò hoặc loài dê. 3/ Nghiên cứu in vitro việc phát triển các phôi của Saola sinh sản vô tính. 4/ Nghiên cứu cấy phôi sinh sản vô tính vào con mẹ thuộc họ bò (loài bò hoặc loài dê)	
Nguồn tài chính:	Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam	
Ngân sách:	30.000 Euro	
Đối tác Pháp:	UMR INRA/ENVA Sinh học Phát triển và Sinh sản	
Đối tác Việt Nam:	- Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam - Phòng Thí nghiệm Sinh học Sinh sản và Phát triển (LBRD) thuộc Viện Công nghệ Sinh học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, Hà Nội TS Bùi Xuân Nguyên	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam? ☐ Có ☐ Không		
Nếu có, ngày ký là:		
Điều phối viên	Họ và tên: Chức vụ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	RENARD Jean Paul Giám đốc UMR Centre INRA de Jouy en Josas (33) (0)1 34 65 25 95 renard@jouy.inra.fr

I. NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC TIN HỌC

Đề tài hợp tác:	Các công nghệ mới về thông tin và truyền thông (NTIC)		
Lĩnh vực khoa học:	Tin học		
Ngày bắt đầu hợp tác	1977	Ngày kết thúc: đang tiếp tục	
Mục tiêu chính	Đào tạo thường xuyên, cảnh báo công nghệ, kỹ thuật mạng, các ứng dụng		
Nguồn tài chính:	MAE, Đại sứ quán Pháp và trước kia là PII Unesco		
Ngân sách:	Có thể thay đổi theo năm		
Đối tác Pháp:	CCSTVN		
Đối tác Việt Nam:	CFTI, Dự án PM		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?		☐ Có ☒ Không	
Nếu có, ngày ký là:			
Điều phối viên	Họ và tên: Chức vụ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	TEISSONNIERE Alain Tổng thư ký CCSTVN, 103 rue Olivier de Serres, 75015 Paris (33) (0)1 42 50 72 76 at.ccstvn@wanadoo.fr	

Đề tài hợp tác:	ASIA IT&C		
Lĩnh vực khoa học:	Tin học – học tập qua mạng		
Ngày bắt đầu hợp tác	01/6/2002	Ngày kết thúc: 01/6/2005	
Mục tiêu chính	Giám định mặt bằng của việc học tập qua mạng và áp dụng phù hợp bối cảnh Việt Nam		
Nguồn tài chính:	Quỹ của Châu Âu ASIA IT&C, Cộng đồng Châu Âu		
Ngân sách:	400.000 Euro (200.000 Euro của CE, 200.000 Euro cho mỗi đối tác)		
Đối tác Pháp:	Đại học Paris 8		
Đối tác Việt Nam:	IFI, Đại học Cần Thơ, Đại học Khoa học tự nhiên TP Hồ Chí Minh		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?		☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Tháng 10 - 2001		
Điều phối viên	Họ và tên:	Hồ Tường Vinh	
	Chức vụ:	Giáo sư tại IFI	
	Địa chỉ:	Ngõ 42, Tạ Quang Bửu, Hà Nội (Việt Nam)	
	Điện thoại:	(84-4) 869 6019 máy lẻ 329	
	E-mail:	htvinh@ifi.edu.vn	

Đề tài hợp tác:	Kiểm soát không lưu kết hợp với các hệ thống đa tác nhân		
Lĩnh vực khoa học:	Tin học – các hệ thống đa tác nhân		
Ngày bắt đầu hợp tác	15/9/2001	Ngày kết thúc:	
Mục tiêu chính	Thử nghiệm độ tin cậy của một mô hình đa tác nhân cho kiểm soát không lưu.		
Nguồn tài chính:	Eurocontrol (www.eurocontrol.org)		
Ngân sách:	118.000 Euro		
Đối tác Pháp:	Trung tâm Nghiên cứu Eurocontrol, Đại học Paris 6		
Đối tác Việt Nam:	IFI		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?		☐ Có	☒ Không
Nếu có, ngày ký là:			
Điều phối viên	Họ và tên:	Charles Durand	
	Chức vụ:	Giám đốc IFI	
	Địa chỉ:	Ngõ 42, Tạ Quang Bửu, Hà Nội (Việt Nam)	
	Điện thoại:	(84-4) 869 6017	
	E-mail:	Charles.durand@auf.org	

NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC TIN HỌC (tiếp theo)

Đề tài hợp tác:	Phương pháp thiết kế cơ cấu điều khiển bởi người máy lai định hướng theo đối tượng		
Lĩnh vực khoa học:	Công nghệ phần mềm định hướng đối tượng		
Ngày bắt đầu hợp tác	Tháng 10-2002	Ngày kết thúc: 1-2004	
Mục tiêu chính	Phát triển và mở rộng phương pháp MICCHADO nổi tiếng để áp dụng nó vào các hệ thống đã được phân phối.		
Nguồn tài chính:	AUF		
Ngân sách:	13.000 Euro		
Đối tác Pháp:	LIISIM-ISMCM-CESTI, Toulon		
Đối tác Việt Nam:	IFI, IPH		
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?		☐ Có	☒ Không
Nếu có, ngày ký là:			
Điều phối viên	Họ và tên:	Charles Durand	
	Chức vụ:	Giám đốc IFI	
	Địa chỉ:	Ngõ 42, Tạ Quang Bửu, Hà Nội (Việt Nam)	
	Điện thoại:	(84-4) 869 6017	
	E-mail:	Charles.durand@auf.org	

J. NHỮNG HOẠT ĐỘNG ĐÃ HOÀN THÀNH

Đề tài hợp tác:	Chương trình Hợp tác Khoa học Quốc tế (PICS) số 160 CNRS : Giao thông đô thị Hà Nội trong một triển vọng phát triển bền vững.	
Lĩnh vực khoa học:	Kinh tế xã hội giao thông	
Ngày bắt đầu hợp tác	1999	Ngày kết thúc: 2001
Mục tiêu chính	Chẩn đoán và phác thảo triển vọng giao thông bền vững ở Hà Nội.	
Nguồn tài chính:	CNRS, MOC (Hà Nội)	
Ngân sách:	35.880 Euro trong 3 năm	
Đối tác Pháp:	CNRS : Phòng Thí nghiệm Kinh tế Giao thông – Viện Khoa học Nhân văn UMR 5593, Xã hội Phát triển trong Không gian và Thời gian (SEDET, Đại học Paris 7)	
Đối tác Việt Nam:	Trung tâm Nghiên cứu và Quy hoạch Môi trường Đô thị và Nông thôn (Bộ Xây dựng), Viện Xã hội học, Hà Nội.	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	15/12/1998	
Điều phối viên	Họ và tên:	CUSSET Jean Michel
	Chức vụ:	Giám đốc nghiên cứu tại CNRS
	Địa chỉ:	LET-ISH, 14 avenue Berthelot, 69363 Lyon Cedex 07
	Điện thoại:	(33) (0)4 72 72 64 49
	E-mail:	Jean-michel.cusset@let.ish-lyon.cnrs.fr

Đề tài hợp tác:	Sự thay đổi và việc sử dụng các loại hình giao thông ở Hà Nội	
Lĩnh vực khoa học:	Kinh tế giao thông	
Ngày bắt đầu hợp tác	1995	Ngày kết thúc: 1995
Mục tiêu chính	Nghiên cứu sự thay đổi hàng ngày ở Hà Nội từ cuộc điều tra tại gia đình.	
Nguồn tài chính:	CODATU	
Ngân sách:	Khoảng 20.000 Euro các chi tiêu trực tiếp (không tính thời gian chuyên gia Pháp)	
Đối tác Pháp:	CNRS : Phòng Thí nghiệm Kinh tế Giao thông – Viện Khoa học Nhân văn, UMR 5593, INRETS (Arcueil)	
Đối tác Việt Nam:	Bộ Giao thông Vận tải: Viện Nghiên cứu Kinh tế (Hà Nội)	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☐ Có ☒ Không	
Nếu có, ngày ký là:		
Điều phối viên	Họ và tên:	CODARD Xavier
	Chức vụ:	Giám đốc Nghiên cứu tại INRETS
	Địa chỉ:	
	Điện thoại:	
	E-mail:	Godard@inrets.fr

Đề tài hợp tác:	Dân số và phát triển ở Việt Nam	
Lĩnh vực khoa học:	Dân số học – Khoa học xã hội	
Ngày bắt đầu hợp tác	1991	Ngày kết thúc: 2000
Mục tiêu chính	Thực hiện một công trình tập thể tổng hợp về dân số và phát triển ở Việt Nam để điểm lại tình hình về vấn đề đang tiến triển này, để giới thiệu tại Pháp các công trình của các nhà khoa học Việt Nam và giới thiệu tại Việt Nam các công trình của các nhà khoa học Pháp.	
Nguồn tài chính:	Bộ Ngoại giao Pháp (qua CEPED và Đại sứ quán Pháp), Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá Gia đình (Việt Nam)	
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	CEPED	
Đối tác Việt Nam:	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	☒ Có ☐ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định CEPED – Bộ Lao động, 1991	
Điều phối viên	Họ và tên:	Patrick GUBRY
	Chức vụ:	Nhà dân số học
	Địa chỉ:	IRD, 32 avenue Henri Varagnat, 93143 Bondy Cedex
	Điện thoại:	(33) (0)1 48 02 59 69
	E-mail:	gubry@ird.fr

Những Hoạt động đã hoàn thành

Đề tài hợp tác:	Hỗ trợ nghiên cứu về dân số và phát triển tại Việt Nam	
Lĩnh vực khoa học:	Dân số – kinh tế – khoa học xã hội	
Ngày bắt đầu hợp tác	1993	Ngày kết thúc: 1997
Mục tiêu chính	Làm sáng tỏ các vấn đề lớn hiện tại liên quan đến dân số và phát triển ở Việt Nam, với bốn cuộc điều tra dân số-xã hội: - Điều tra việc di dân tự phát ở thành phố Vũng Tàu và tỉnh Đồng Nai; - Điều tra tác động của thay đổi kinh tế xã hội ở gia đình trong vùng châu thổ sông Hồng; - Điều tra “Di cư, nguồn nhân lực, việc làm và đô thị hoá” tại TP Hồ Chí Minh; - Điều tra “Dân số, phát triển đô thị và môi trường tại Hà Nội”	
Nguồn tài chính:	Quỹ Dân số Liên hợp quốc (FNUAP), Bộ Ngoại giao Pháp	
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	CEPED (ORSTOM, INED)	
Đối tác Việt Nam:	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Hà Nội Viện Xã hội học, Hà Nội Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn, Hà Nội Viện Nghiên cứu Kinh tế TP Hồ Chí Minh	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	✓ Có □ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định IRD-IER, 1998	
Điều phối viên	Họ và tên: Patrick GUBRY (IRD) và Magali BARBIERI (INED) Chức vụ: Nhà dân số học Địa chỉ: IRD, 32 avenue Henri Varagnat, 93143 Bondy Cedex Điện thoại: (33) (0)1 48 02 59 69 E-mail: gubry@ird.fr	

Đề tài hợp tác:	Sự di dân nông thôn - thành thị đến TP Hồ Chí Minh	
Lĩnh vực khoa học:	Dân số – Địa lý – Khoa học xã hội	
Ngày bắt đầu hợp tác	1998	Ngày kết thúc: 2003
Mục tiêu chính	Nghiên cứu sự di dân nông thôn - thành thị đến thành phố lớn nhất nước, kể từ khi có dòng người di cư liên tục từ nông thôn ra thành phố, trong bối cảnh tự do hoá kinh tế và đô thị hoá yếu, ở đó kiểu nhập cư này ngày càng có quy mô lớn.	
Nguồn tài chính:	Bộ Ngoại giao Pháp	
Ngân sách:		
Đối tác Pháp:	CEPED, IRD : UR 013	
Đối tác Việt Nam:	Viện Nghiên cứu kinh tế TP Hồ Chí Minh	
Có hay không hiệp định hợp tác giữa các bên Pháp và Việt Nam?	✓ Có □ Không	
Nếu có, ngày ký là:	Hiệp định IRD-IER, 1998	
Điều phối viên	Họ và tên: Patrick GUBRY Chức vụ: Nhà dân số học Địa chỉ: IRD, 32 avenue Henri Varagnat, 93143 Bondy Cedex Điện thoại: (33) (0)1 48 02 59 69 E-mail: gubry@ird.fr	

PHỤ LỤC I: CÁC VIỆN TRỰC THUỘC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM (ASSV)

VIỆN TRIẾT HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1962, tổ chức lại năm 1993		
Địa chỉ : 59 Láng Hạ, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: GSTS Nguyễn Trọng Chuẩn	E-mail:	
Họ tên người liên hệ: GSTS Nguyễn Trọng Chuẩn	E-mail:	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 514 05 23/ 30	Số fax: (84 4) 541 19 35	
Lĩnh vực nghiên cứu: Triết học “xã hội” tại Việt Nam, các nền triết học phương Tây và phương Đông, triết học ứng dụng vào khoa học tự nhiên và vào môi trường, lô-gíc học, phương pháp học ứng dụng trong các khoa học xã hội, văn hoá và văn minh, đạo đức học, lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam.		
Số cán bộ khoa học: 53	Trong đó số dùng được tiếng Pháp:	
Số giáo sư: 9	Số tiến sĩ: 8	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Triết học" bằng tiếng Việt, ra hai tháng / một kỳ		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp:		
Hợp tác quốc tế: - Hội thảo quốc tế, trao đổi khoa học với Ấn Độ, Ca-na-đa, Đài Loan, Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga, Ô-xtrây-li-a, Xinh-ga-po, Thái Lan, Trung Quốc.		
Lời bình:		

VIỆN XÃ HỘI HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1977		
Địa chỉ : 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS.TS Trịnh Duy Luân	E-mail: luan@iso.ac.vn	
Họ tên người liên hệ: PGS.TS Trịnh Duy Luân	E-mail: luan@iso.ac.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	✓ Dành tiếng Pháp ✓ Dành tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 972 79 70	Số fax: (84 4) 978 46 31	
Lĩnh vực nghiên cứu: Xã hội học trong lĩnh vực lao động việc làm, chính sách xã hội, chuyển đổi xã hội trong môi trường nông thôn và đô thị, dân số học, xã hội học trong lĩnh vực gia đình, xã hội học môi trường và các vấn đề xã hội trong y tế cộng đồng.		
Số cán bộ khoa học: 64	Trong đó số dành được tiếng Pháp: 5	
Số giáo sư: 7	Số tiến sĩ: 12	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Xã hội học" bằng tiếng Việt, ra hàng quý		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp: - Chương trình trao đổi nghiên cứu khoa học với Học viện Khoa học Xã hội (EHESS); - Các dự án nghiên cứu đang thảo luận: sự bất bình đẳng xã hội theo vùng, điều kiện lao động, sự thay đổi lối sống và cách ứng xử, đào tạo và giáo dục; - Hợp tác với CNRS trong nghiên cứu Trung Quốc học: trao đổi các nhà nghiên cứu, thông tin và đào tạo cán bộ.		
Hợp tác quốc tế: - Trao đổi khoa học với các trường Đại học Tổng hợp Canberra (Ô-xtrây-li-a), Louvain (Bỉ), Washington, Brorn, Michigan (Hoa Kỳ), York, Nottingham (Anh), Gothenburg (Thụy Sĩ), Tier (Đức), Columbia (Ca-na-đa), với Liên bang Nga và Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á của Bắc Âu.		
Lời bình:		

VIỆN KHẢO CỔ HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Năm thành lập: 1968

Địa chỉ: 61 Phan Chu Trinh, Hà Nội

Họ tên viện trưởng: GS Hà Văn Tấn

E-mail:

Họ tên người liên hệ: GS Hà Văn Phụng

E-mail:

Chức vụ người liên hệ: Viện phó

✓ Dành tiếng Pháp ✓ Dành tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 933 32 01 hoặc 933 38 58

Số fax: (84 4) 933 16 07

Lĩnh vực nghiên cứu:

Các thời kỳ đồ đá và kim loại ở Việt Nam, sự hình thành và phát triển các tộc người ở Việt Nam, khảo cổ sinh vật học, khảo cổ học địa lý, địa chất học, khảo cổ học khai quật.

Số cán bộ khoa học: 61

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 3

Số giáo sư: 8

Số tiến sĩ: 12

Số nghiên cứu sinh:

Xuất bản phẩm: Tạp chí "Khảo cổ học" ra ba tháng / một kỳ và niên giám "Phát hiện mới về khảo cổ"

Ngân sách hàng năm:

Hợp tác với Pháp:

- Hợp tác với CNRS, trao đổi thông tin khoa học, các dự án nghiên cứu chung, hội thảo, tập huấn cho các nhà khoa học trẻ và kỹ thuật viên trẻ.
- Hợp tác khoa học với Viện Bảo tồn Di sản Khảo cổ (IPPA).

Hợp tác quốc tế:

- Hợp tác khoa học với các tổ chức khảo cổ như Trung tâm Khảo cổ và Nghệ thuật Đông Nam Á (SEAMO-SPAFA), Hội đồng Quốc tế về Khảo cổ Động vật (ICAZ), Liên minh Nghiên cứu Kỷ thứ tư Quốc tế (INQUA);
- Trao đổi khoa học với các cơ sở nghiên cứu, bảo tàng, viện nghiên cứu ở Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Công, Nga, Ba Lan, Đức, Hung-ga-ry, Bun-ga-ri, Hà Lan, Na Uy, Anh, Ai-len, Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân.

Lời bình:

VIỆN DÂN TỘC HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Năm thành lập: 1968, tổ chức lại năm 1993

Địa chỉ : 27 Trần Xuân Soạn

Họ tên viện trưởng: PGS.TS Khổng Diên

E-mail: khongdienv@hn.vnn.vn

Họ tên người liên hệ: PGS.TS Khổng Diên

E-mail: khongdienv@hn.vnn.vn

Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng

✓ Dành tiếng Pháp ✓ Dành tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 978 47 84

Số fax: (84 4) 971 14 35

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Sự phát triển văn hoá của các nhóm tộc người trong quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá, các mối quan hệ giữa các tộc người với môi trường, y học cổ truyền, y tế cộng đồng, du lịch và giữ gìn bản sắc dân tộc, các vấn đề gắn với cơ cấu lại dân cư và di cư.

Số cán bộ khoa học: 53

Trong đó số dùng được tiếng Pháp:

Số giáo sư: 4

Số tiến sĩ: 20

Số nghiên cứu sinh:

Xuất bản phẩm: Tạp chí "Dân tộc học" bằng tiếng Việt, ra ba tháng / một kỳ

Ngân sách hàng năm:

Hợp tác với Pháp:

- Từ năm 1992, CNSSH và Bảo tàng Con người (Pa-ri) hợp tác giúp đỡ Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam để thực hiện các dự án về việc xây dựng lại các mô hình nhà ở của các dân tộc thiểu số Việt Nam. Chương trình này đã và đang được thực hiện với sự tham gia của nhiều tổ chức nhà nước và tư nhân.

Hợp tác quốc tế:

- Trao đổi khoa học với các trường đại học Tổng hợp Chiang Mai (Thái Lan), Gothenburg (Thụy Sĩ), Trent (Đức), Laval (Ca-na-đa), Seattle (Hoa Kỳ), Hull (Anh), Washington (Hoa Kỳ);
- Các thoả thuận hợp tác về khoa học xã hội đã được ký kết với các tổ chức phi chính phủ: Quỹ Ford (Hội đồng Nghiên cứu Khoa học Xã hội), Quỹ Toyota, Cơ quan Phát triển Quốc tế Ca-na-đa (CIDA), Hiệp hội Nghiên cứu Phát triển Giao lưu Văn hoá (IDRA)

Lời bình:

Viện Dân tộc học của CNSSH mong muốn phát triển hợp tác khoa học với các trung tâm nghiên cứu, đại học ở Đông Nam Á, đặc biệt là với Trung Quốc và Nhật Bản.

VIỆN SỬ HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Năm thành lập: 1968

Địa chỉ : 38 Hàng Chuối, Hà Nội

Họ tên viện trưởng: PGS.TS Trần Đức Cường

E-mail:

Họ tên người liên hệ: PGS.TS Trần Đức Cường

E-mail:

Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng

✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 971 64 18

Số fax: (84 4) 971 16 15

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Lịch sử Việt Nam: các thời kỳ Cổ đại, Trung đại, Hiện đại, Đương đại, lịch sử kinh tế, lịch sử pháp lý;
- Lịch sử thế giới.

Số cán bộ khoa học: 58

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 2

Số giáo sư: 8

Số tiến sĩ: 11

Số nghiên cứu sinh:

Xuất bản phẩm: Tạp chí "Nghiên cứu Lịch sử" bằng tiếng Việt, ra hai tháng / một kỳ

Ngân sách hàng năm:

Hợp tác với Pháp:

- Hợp tác khoa học với Đại học Tổng hợp Aix en Provence;

Hợp tác quốc tế:

- Được Quỹ Toyota giúp đỡ tài chính.
- Hợp tác khoa học với Đại học Tổng hợp Tokyo và Viện Hàn lâm Khoa học Nga.

Lời bình:

VIỆN KINH TẾ VIỆT NAM

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1960		
Địa chỉ : 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: GSTS Đỗ Hoài Nam		E-mail: hua@ie.ncss.ac.vn
Họ tên người liên hệ: Ông Hà Huy Thanh		E-mail: hua@ie.ncss.ac.vn
Chức vụ người liên hệ: Viện phó		✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh
Số điện thoại: (84 4) 552 28 08 gọi 309 hoặc 339		Số fax: (84 4) 552 28 12
Lĩnh vực nghiên cứu: - Các học thuyết và mô hình kinh tế, chính sách kinh tế vĩ mô, vi mô, quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam, sự phát triển kinh tế ở Việt Nam. - Phát triển nguồn nhân lực, công nghiệp hoá và hiện đại hoá trong bối cảnh quốc tế, kinh tế vùng, phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.		
Số cán bộ khoa học: 51		Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 2
Số giáo sư: 4	Số tiến sĩ: 20	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Nghiên cứu Kinh tế" bằng tiếng Việt ra hàng tháng và tạp chí "Phát triển Kinh tế xã hội Việt Nam" ra hàng quý bằng tiếng Anh.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp: - Hợp tác khoa học với CNRS.		
Hợp tác quốc tế: - Các dự án nghiên cứu đối tác với Quỹ Toyota về: 1) Tác động của yếu tố truyền thống đối với các mô hình sản xuất nông nghiệp ở vùng đồng bằng Bắc Bộ từ giữa thế kỷ XXI, 2) những ảnh hưởng kinh tế xã hội và môi trường của nhà máy thủy điện Hoà Bình; - Các dự án nghiên cứu Hà Lan – Việt Nam: 1) Công cuộc Đổi Mới và sự phát triển kinh tế – xã hội tại vùng chiêm trũng Thái Bình, 2) Đẩy mạnh PME ở nông thôn trong tiến trình công nghiệp hoá và phát triển kinh tế thị trường; - Hợp tác khoa học với các Viện Hàn lâm Khoa học Nga và Trung Quốc, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á ở Xinh-ga-po, Viện Phát triển Kinh tế Nhật Bản; - Các dự án nghiên cứu với Cơ quan Phát triển Quốc tế Ca-na-đa và Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Quốc tế (IDRC) về tái cơ cấu nền kinh tế Quốc gia.		
Lời bình:		

VIỆN KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1983		
Địa chỉ : 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS.TS Nguyễn Xuân Thắng	E-mail: iwevn@netnam.org.vn	
Họ tên người liên hệ: PGS.TS Nguyễn Xuân Thắng	E-mail: iwevn@netnam.org.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 857 43 02	Số fax: (84 4) 857 43 16	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Đặc điểm và nội dung của kinh tế quốc tế, các nền kinh tế tư bản hiện đại và chính sách của chúng, quan hệ và trao đổi quốc tế, các chiến lược kinh tế của Việt Nam, lạm phát, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, những cuộc khủng hoảng tài chính.		
Số cán bộ khoa học: 59		Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 2
Số giáo sư: 8	Số tiến sĩ: 12	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Kinh tế thế giới" bằng tiếng Việt, ra hai tháng / một kỳ và "Tạp chí Kinh tế Việt Nam" ra hàng tháng bằng tiếng Anh.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp: - Trao đổi sinh viên, thành lập xưởng thực tập với Đại học Tổng hợp Grenoble.		
Hợp tác quốc tế: - Hợp tác khoa học dưới hình thức trao đổi sinh viên, hội nghị quốc tế, các dự án nghiên cứu chung với các trường đại học và trung tâm nghiên cứu ở Nga, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Ô-xtrây-li-a, Thụy Điển, Trung Quốc. - Giúp đỡ tài chính của Quỹ Toyota và Quỹ Ford		
Lời bình:		

VIỆN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1967		
Địa chỉ : 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS.TS Đào Trú Úc	E-mail:	
Họ tên người liên hệ: PGS.TS Đào Trú Úc	E-mail:	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 978 46 36	Số fax: (84 4) 971 31 36	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Hoàn thiện khung luật pháp, nghiên cứu ý thức hệ và lối sống ở Việt Nam, quyền lực Nhà nước, các chính sách hợp tác và hội nhập khu vực/quốc gia, hệ thống chính trị Việt Nam, Quyền Con người ở Việt Nam, các luật dân sự, bộ luật hình sự; - Cơ cấu lại tổ chức Nhà nước để đáp ứng nhu cầu phát triển của Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hoá. - Lý thuyết về tội phạm học, lịch sử pháp luật, xây dựng Nhà nước, luật quốc tế.		
Số cán bộ khoa học: 40	Trong đó số dùng được tiếng Pháp:	
Số giáo sư: 10	Số tiến sĩ: 4	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Nhà nước và pháp luật" ra hàng tháng bằng tiếng Việt.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp: - Các dự án hợp tác đang thảo luận với các tổ chức của Pháp: vai trò Nhà nước trong nền kinh tế thị trường, hiện đại hoá tổ chức bộ máy Nhà nước, cơ cấu lại nền hành chính, Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.		
Hợp tác quốc tế: - Trao đổi khoa học với các viện nghiên cứu của Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Nga, Ô-xtrây-li-a và Trung Quốc.		
Lời bình:		

VIỆN NGHIÊN CỨU CON NGƯỜI

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1998		
Địa chỉ : E1, Ngõ 29 Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: GSVS Phạm Minh Hạc	E-mail:	
Họ tên người liên hệ: GSVS Phạm Minh Hạc	E-mail:	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 843 93 31	Số fax: (84 4) 868 23 60	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Phát triển con người, sự phân hoá xã hội, nguồn nhân lực địa phương và quốc gia, đặc điểm sinh lí của người Việt Nam, sự phát triển văn hoá, hoà nhập với các nền văn hoá khác, các nền văn hoá xuyên quốc gia và đa dạng ở Việt Nam, tiềm năng con người, quan hệ con người với môi trường.		
Số cán bộ khoa học:		Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 1
Số giáo sư: 3	Số tiến sĩ: 4	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm:		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp:		
Hợp tác quốc tế: - Hợp tác khoa học với Viện Hàn lâm Khoa học Nga		
Lời bình:		

VIỆN VĂN HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1959		
Địa chỉ : 20 Lý Thái Tổ, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS Phan Trọng Thưởng	E-mail:	
Họ tên người liên hệ: PGS Phan Trọng Thưởng	E-mail:	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 825 90 07	Số fax: (84 4) 825 03 85	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Tìm hiểu các nền văn học thế kỷ XX, lập cơ sở dữ liệu về văn học từ thế kỷ X đến thế kỷ XX.		
Số cán bộ khoa học: 67	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 3	
Số giáo sư: 12	Số tiến sĩ: 20	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Văn học" ra hàng tháng bằng tiếng Việt.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp:		
Hợp tác quốc tế: - Hợp tác khoa học với các Trường đại học của Nga, Đông Âu, I-ta-li-a và Tây Ban Nha.		
Lời bình:		

VIỆN NGÔN NGỮ HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1968		
Địa chỉ : 20 Lý Thái Tổ, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS.TSKH Lý Toàn Thắng	E-mail: litha@netnam.org.vn	
Họ tên người liên hệ: PGS.TSKH Lý Toàn Thắng	E-mail: litha@netnam.org.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 825 41 27	Số fax: (84 4) 824 16 62	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Các ngôn ngữ sử dụng ở Việt Nam, ngôn ngữ của các dân tộc ít người, tiêu chuẩn hoá tiếng Việt, soạn thảo các từ điển tiếng nước ngoài và tiếng các dân tộc ít người.		
Số cán bộ khoa học: 62	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 2	
Số giáo sư: 5	Số tiến sĩ: 23	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Ngôn ngữ" ra hàng tháng bằng tiếng Việt.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp:		
Hợp tác quốc tế: - Đào tạo giáo viên Việt Nam tại các trung tâm nghiên cứu và trường đại học tại Lào, Trung Quốc, Thái Lan, Nga, Đức, I-ta-li-a, Hoa Kỳ, Ca-na-đa.		
Lời bình:		

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1979		
Địa chỉ : 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS.TS Ngô Đức Thịnh	E-mail:	
Họ tên người liên hệ: PGS.TS Ngô Đức Thịnh	E-mail:	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 978 48 71	Số fax: (84 4) 972 59 03	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Nghiên cứu văn hoá dân gian và truyền thống của các dân tộc ít người: văn học, ca khúc, âm nhạc, tục ngữ, múa, nghề thủ công, tín ngưỡng dân gian, bản sắc văn hoá, trao đổi văn hoá giữa các dân tộc ít người ở các quốc gia Đông Nam Á; - Nghiên cứu vai trò của văn hoá dân gian trong sự phát triển văn hoá và xã hội Việt Nam.		
Số cán bộ khoa học: 40		Trong đó số dùng được tiếng Pháp:
Số giáo sư: 4	Số tiến sĩ: 5	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí “Văn hoá dân gian” ra hàng quý bằng tiếng Việt.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp:		
Hợp tác quốc tế: - Nghiên cứu khoa học chung với Bun-ga-ri, Nga, Thái Lan, Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và In-đô-nê-xi-a; - Viện trợ tài chính từ Quỹ Toyota và Quỹ Ford.		
Lời bình:		

VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN-NÔM

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1970		
Địa chỉ : 183 Đặng Tiến Đông, quận Đống Đa, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS.TS Trịnh Khắc Mạnh	E-mail: manh@netnam.org.vn	
Họ tên người liên hệ: PGS.TS Trịnh Khắc Mạnh	E-mail: manh@netnam.org.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 851 68 09	Số fax: (84 4) 857 09 40	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Bảo tồn các văn tự có nguồn gốc Hán-Nôm, dịch và xuất bản các tư liệu tiếng Hán-Nôm. - Nghiên cứu văn học Hán-Nôm.		
Số cán bộ khoa học: 66		Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 12
Số giáo sư: 6	Số tiến sĩ: 12	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí “Hán Nôm” ra hàng quý bằng tiếng Việt.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp: - Trao đổi khoa học với Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp.		
Hợp tác quốc tế: - Trao đổi khoa học với các trung tâm nghiên cứu phương Đông của Trung Quốc, Đài Loan và Nga.		
Lời bình:		

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1983		
Địa chỉ : 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: TS Phạm Đức Thành	E-mail: pdthanh@isea01.ac.vn	
Họ tên người liên hệ: TS Phạm Đức Thành	E-mail: pdthanh@isea01.ac.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 971 78 17	Số fax: (84 4) 978 17 40	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Nghiên cứu các vấn đề lịch sử, văn hoá, kinh tế, chính trị và xã hội ở Đông Nam Á; - Quan hệ trong vùng Đông Nam Á và hội nhập quốc tế và các chính sách phát triển.		
Số cán bộ khoa học: 60	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 2	
Số giáo sư: 2	Số tiến sĩ: 20	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Nghiên cứu Đông Nam Á" ra hai tháng / một kỳ bằng tiếng Việt và tạp chí "Việt Nam và Đông Nam Á ngày nay" ra hàng tháng bằng tiếng Anh.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp:		
Hợp tác quốc tế: - Hợp đồng khoa học với đa số các trung tâm nghiên cứu về Đông Nam Á trên thế giới.		
Lời bình:		

VIỆN TÂM LÝ HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Năm thành lập: 1993

Địa chỉ : H1 Kim Mã Thượng, quận Ba Đình, Hà Nội

Họ tên viện trưởng: GS.TS. Đỗ Long

E-mail:

Họ tên người liên hệ: GS.TS. Đỗ Long

E-mail:

Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng

✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 832 51 82

Số fax: (84 4) 832 88 93

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Tâm lý xã hội, tâm lý học và nghiên cứu cá tính, tâm lý học ứng dụng trong kinh tế;
- Nghiên cứu tổ chức xã hội.

Số cán bộ khoa học: 30

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 1

Số giáo sư: 1

Số tiến sĩ: 4

Số nghiên cứu sinh:

Xuất bản phẩm: Tạp chí "Tâm lý học" ra hai tháng/một kỳ.

Ngân sách hàng năm:

Hợp tác với Pháp:

- Hợp tác khoa học với Đại học Montpellier và AUF.

Hợp tác quốc tế:

- Hợp tác khoa học với các trung tâm nghiên cứu, các trường đại học và hiệp hội ở Nga, Hung-ga-ri, Hoa Kỳ, Ô-xtrây-li-a và Nhật Bản.

Lời bình:

VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1993		
Địa chỉ : 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: GS.TS. Đỗ Quang Hưng	E-mail:	
Họ tên người liên hệ: GS.TS. Đỗ Quang Hưng	E-mail:	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 978 49 65	Số fax: (84 4) 971 90 71	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Các nghi lễ tôn giáo ở Việt Nam; - Phật giáo, Thiên chúa giáo, các tôn giáo truyền thống.		
Số cán bộ khoa học: 32	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 3	
Số giáo sư: 1	Số tiến sĩ: 4	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Nghiên cứu Tôn giáo" ra hàng quý bằng tiếng Việt.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp: - Trao đổi nghiên cứu viên và thông tin khoa học, hội nghị, hội thảo với khoa nghiên cứu tôn giáo của Trường Thực hành Nghiên cứu Cao cấp (EPHE) .		
Hợp tác quốc tế: - Xúc tiến hợp tác khoa học với các viện nghiên cứu ở Ba Lan, Nga, Đài Loan và Trung Quốc..		
Lời bình:		

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI Ở TP HỒ CHÍ MINH

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1975, tổ chức lại năm 1993		
Địa chỉ : 49 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP Hồ Chí Minh		
Họ tên viện trưởng: TS. Nguyễn Thế Nghĩa	E-mail:	
Họ tên người liên hệ: TS. Nguyễn Thế Nghĩa	E-mail:	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 8) 825 76 01 hoặc 822 45 68	Số fax: (84 4) 822 37 35	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Điều kiện phát triển xã hội tại TP Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam Bộ; chiến lược hiện đại hoá và công nghiệp hoá vùng, nghiên cứu văn hoá truyền thống. - Quá trình phát triển của khu vực Đông Nam Á.		
Số cán bộ khoa học: 150	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 2	
Số giáo sư: 2	Số tiến sĩ: 19	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Khoa học Xã hội" ra hàng quý bằng tiếng Việt.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp:		
Hợp tác quốc tế: - Trao đổi thực tập sinh, tài liệu, đào tạo nghiên cứu viên và tiến hành các nghiên cứu chung với nhiều trường đại học và viện nghiên cứu ở Ô-xtrây-li-a, Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Anh, Đức, các nước ASEAN.		
Lời bình:		

VIỆN NGHIÊN CỨU TRUNG QUỐC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1993		
Địa chỉ : 37 Kim Mã Thượng, Quận Ba Đình, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: TS. Đỗ Tiến Sâm	E-mail:	
Họ tên người liên hệ: TS. Đỗ Tiến Sâm	E-mail:	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 832 51 84	Số fax: (84 4) 832 63 80	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Sự hình thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nền dân chủ, nghiên cứu so sánh giữa Trung Quốc và Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc, cải cách hệ thống tư pháp; - Quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam, quan hệ quốc tế của Trung Quốc; - Dịch thuật tài liệu Trung Quốc ra tiếng Việt.		
Số cán bộ khoa học: 35	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 1	
Số giáo sư: 0	Số tiến sĩ: 2	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Nghiên cứu Trung Quốc" ra hai tháng/một kỳ bằng tiếng Việt.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp: - Đào tạo sau đại học các cán bộ Trung tâm Trung Quốc học tại Học viện Thực hành Nghiên cứu Cao cấp (EPHE) ở Paris. - Trao đổi các nhà khoa học và thông tin với EPHE, hội thảo và hội nghị Pháp – Việt, tham quan giữa các nhà Trung Quốc học hai nước; - Học tiếng Pháp với sự giúp đỡ của EPHE.		
Hợp tác quốc tế: - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội của Trung Quốc, Đài Loan và Nhật Bản.		
Lời bình:		

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG BẮC Á

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Năm thành lập: 1993

Địa chỉ : 37 Kim Mã Thượng, Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Họ tên viện trưởng: TS. Ngô Xuân Bình

E-mail: cjs@fpt.vn

Họ tên người liên hệ: TS. Ngô Xuân Bình

E-mail: cjs@fpt.vn

Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng

✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 762 57 40

Số fax: (84 4) 832 66 53

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Nghiên cứu tổ chức kinh tế Nhật Bản, sự phát triển kinh tế từ thời kỳ Minh Trị;
- Chính sách xã hội, hệ thống tư pháp, lập pháp và hành pháp, văn hoá, lịch sử của Nhật Bản;
- Quan hệ quốc tế, quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Số cán bộ khoa học: 36

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 1

Số giáo sư: 0

Số tiến sĩ: 10

Số nghiên cứu sinh:

Xuất bản phẩm: Tạp chí "Nghiên cứu Nhật Bản" ra hai tháng/một kỳ bằng tiếng Việt.

Ngân sách hàng năm:

Hợp tác với Pháp:

Hợp tác quốc tế:

- Viện trợ của Quỹ Toyota.

Lời bình:

-

VIỆN NGHIÊN CỨU CHÂU ÂU

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Năm thành lập: 1993

Địa chỉ : 176 Thái Hà, Hà Nội

Họ tên viện trưởng: GS.TS. Bùi Huy Khoát

E-mail: bhkhoat@hn.vnn.vn

Họ tên người liên hệ: GS.TS. Bùi Huy Khoát

E-mail: bhkhoat@hn.vnn.vn

Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng

✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 857 31 21

Số fax: (84 4) 857 49 11

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Nghiên cứu chính sách phát triển của các nước châu Âu, nền kinh tế thị trường;
- Quan hệ giữa Việt Nam và châu Âu: làm thế nào để phát triển quan hệ ấy.

Số cán bộ khoa học: 30

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 1

Số giáo sư: 1

Số tiến sĩ: 9

Số nghiên cứu sinh:

Xuất bản phẩm: Tạp chí "Nghiên cứu châu Âu" ra hai tháng/một kỳ bằng tiếng Việt và tạp chí "Việt Nam và châu Âu" ra hàng quý bằng tiếng Anh.

Ngân sách hàng năm:

Hợp tác với Pháp:

Hợp tác quốc tế:

- Hợp tác với các trung tâm nghiên cứu châu Âu của các nước ASEAN, I-ta-li-a, Đan Mạch, Nga, Ba Lan và Hoa Kỳ.

Lời bình:

VIỆN NGHIÊN CỨU CHÂU MỸ

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1993		
Địa chỉ : 176 Thái Hà, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS. Nguyễn Thiết Sơn	E-mail:	
Họ tên người liên hệ: PGS. Nguyễn Thiết Sơn	E-mail:	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 857 42 92	Số fax: (84 4) 570 08 66	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Nghiên cứu lịch sử, kinh tế, văn hoá, xã hội, chính trị và quan hệ quốc tế; - Nghiên cứu sự phát triển của Bắc Mỹ và các chính sách đối ngoại của các nước; - Quan hệ giữa Việt Nam và Bắc Mỹ.		
Số cán bộ khoa học: 25		Trong đó số dùng được tiếng Pháp:
Số giáo sư: 1	Số tiến sĩ: 2	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Bắc Mỹ ngày nay" ra hai tháng / một kỳ bằng tiếng Việt.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp:		
Hợp tác quốc tế: - Hợp tác và cộng tác khoa học với các hội và trung tâm nghiên cứu về Bắc Mỹ - Sự tham gia của sinh viên nước ngoài vào việc nghiên cứu và hoạt động đào tạo.		
Lời bình:		

VIỆN NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Năm thành lập: 1988

Địa chỉ : 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội

Họ tên viện trưởng: TS. Nguyễn Ngọc Tuấn

E-mail: hgrc@hn.vnn.vn

Họ tên người liên hệ: TS. Nguyễn Ngọc Tuấn

E-mail: hgrc@hn.vnn.vn

Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng

☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 971 16 48

Số fax: (84 4) 972 59 57

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Chính sách quy hoạch lãnh thổ, địa kinh tế, địa chính trị, quản lý tài nguyên, hệ sinh thái;
- Phát triển kinh tế – xã hội và phát triển nguồn nhân lực.

Số cán bộ khoa học: 30

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 1

Số giáo sư: 0

Số tiến sĩ: 8

Số nghiên cứu sinh:

Xuất bản phẩm:

Ngân sách hàng năm:

Hợp tác với Pháp:

Hợp tác quốc tế:

- Trung tâm cung cấp sự hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án nghiên cứu kinh tế xã hội: văn hoá và cư dân cư Vùng Châu thổ Sông Hồng (1989), át-lát kinh tế xã hội (1993), nghiên cứu địa lí 40 tỉnh thành Việt Nam (1989), phân vùng nông nghiệp (1989), địa lí kinh tế xã hội ASEAN (1997), kinh tế - xã hội 11 tỉnh miền núi phía Bắc, nghiên cứu tính khả thi của xa lộ số 1 (1995-2000);
- Trao đổi nghiên cứu sinh với các Trường đại học ở Ô-xtrây-li-a, Đức, Nga, Ca-na-đa, Thái Lan, Nhật Bản, Thụy Sĩ, Hà Lan, Hàn Quốc.

Lời bình:

VIỆN GIA ĐÌNH VÀ GIỚI

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1987		
Địa chỉ : 6 Đình Công Tráng, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: Trần Hán Giang	E-mail: thgiang@fpt.vn	
Họ tên người liên hệ: Trần Hán Giang	E-mail: thgiang@fpt.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 933 04 35	Số fax: (84 4) 933 28 90	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Nghiên cứu cơ cấu và sự sung túc gia đình, sự đói nghèo của phụ nữ và kinh tế thị trường, tiềm năng kinh tế và kinh doanh của phụ nữ từ khi đổi mới kinh tế; - Phụ nữ ở các vùng nông thôn và sự phát triển, sự ly dị ở Hà Nội, các vấn đề xã hội, vai trò của phụ nữ trong quá trình hiện đại hoá và công nghiệp hoá ở Việt Nam.		
Số cán bộ khoa học: 29		Trong đó số dùng được tiếng Pháp:
Số giáo sư:	Số tiến sĩ: 6	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Nghiên cứu phụ nữ" ra hàng quý và tạp chí "Gia đình ngày nay" ra hàng tháng bằng tiếng Việt.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp:		
Hợp tác quốc tế: - Cộng tác khoa học với các tổ chức quốc tế như Quỹ Ford, Cơ quan Phát triển Ca-na-đa, Đại sứ quán Đức tại Việt Nam, UNICEF, UNESCO, Bánh mì cho Thế giới, Hội đồng Dân số Thế giới.		
Lời bình:		

BẢO TÀNG DÂN TỘC HỌC VIỆT NAM

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1995, mở cửa cho nhân dân năm 1997		
Địa chỉ : Nguyễn Văn Huyền, Quận Cầu Giấy, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS.TS. Nguyễn Văn Huy	E-mail: vme@hn.vnn.vn	
Họ tên người liên hệ: PGS.TS. Nguyễn Văn Huy	E-mail: vme@hn.vnn.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	✓ Dành tiếng Pháp ✓ Dành tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 836 03 50	Số fax: (84 4) 836 03 51	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Khảo cứu văn hoá các dân tộc ít người, sưu tập hiện vật của các tộc người khác nhau; - Bảo tồn các di vật, tài liệu viết, nghe nhìn, phim ảnh về các hoạt động trong đời sống hàng ngày của các nhóm tộc người.		
Số cán bộ khoa học: 35		Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 6
Số giáo sư: 1	Số tiến sĩ: 5	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm:		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp: - Hợp tác Pháp – Việt từ năm 1992 để thực hiện và sắp đặt các gian trưng bày trong Bảo tàng cũng như không gian tiếp đón. - Dự án cộng tác với Bảo tàng Nhân chủng học Pa-ri từ năm 1992.		
Hợp tác quốc tế: - Hợp tác khoa học và tài chính với Đại sứ quán Đức tại Việt Nam, Đại sứ quán Thụy Điển và các tổ chức quốc tế khác để thực hiện một bảo tàng ngoài trời giới thiệu nhà cửa của các dân tộc ít người.		
Lời bình:		

VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam		
Năm thành lập: 1975		
Địa chỉ : 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: GS.TS. Lại Văn Toàn	E-mail:	
Họ tên người liên hệ: GS.TS. Lại Văn Toàn	E-mail:	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 825 30 74	Số fax: (84 4) 825 30 74	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Trung tâm thông tin và tư liệu cho các viện của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam; - Cơ sở dữ liệu khoa học xã hội được hoà mạng; - Danh mục tin học về các tài liệu có thể sử dụng.		
Số cán bộ khoa học: 87	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 2	
Số giáo sư: 3	Số tiến sĩ: 6	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm: Tạp chí "Thông tin khoa học xã hội" ra hàng tháng, 150 kỷ yếu hàng năm về dịch vụ nghiên cứu.		
Ngân sách hàng năm:		
Hợp tác với Pháp:		
Hợp tác quốc tế: - 50 đối tác nước ngoài tại Hà Nội: các tổ chức quốc tế, trung tâm thông tin, thư viện, quỹ quốc gia và quốc tế; - Hợp tác thực hiện trong khuôn khổ trao đổi sách báo, tạp chí, phát triển nguồn tư liệu, đào tạo nhân viên tư liệu và trợ giúp kỹ thuật .		
Lời bình:		

PHỤ LỤC II: CÁC VIỆN TRỰC THUỘC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (ASTV)

VIỆN ĐỊA CHẤT

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1976		
Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: TS Trần Trọng Huệ	E-mail: geoins@ncst.ac.vn	
Họ tên người liên hệ: TS Trần Trọng Huệ	E-mail: geoins@ncst.ac.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 756 41 60	Số fax: (84 4) 836 28 86	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Địa chất, địa hoá, khoáng sản, magma và sinh khoáng, trầm tích học, viển thám, địa vật lý, kỹ thuật địa chất, môi trường và thảm hoạ tự nhiên, địa chất học ứng dụng, thảm hoạ địa chất.		
Số cán bộ khoa học: 110	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 20	
Số giáo sư: 4	Số tiến sĩ: 46	Số nghiên cứu sinh:
Xuất bản phẩm:		
Ngân sách hàng năm: khoảng 8 tỷ đồng		
Hợp tác với Pháp: - Hợp tác khoa học với trung tâm địa hoá và thạch học của CNRS, nghiên cứu cơ chế hình thành hồng ngọc.		
Hợp tác quốc tế: - Hợp tác khoa học với Nga, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a, Thái Lan trong các lĩnh vực địa chất ứng dụng, sinh khoáng, thảm hoạ địa chất, môi trường, ứng dụng công nghệ. - Hợp tác đào tạo các nhà khoa học.		
Lời bình: -		

VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1990		
Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: GS Vũ Quang Côn	E-mail: vucon@ncst.ac.vn	
Họ tên người liên hệ: Trần Minh Hợi	E-mail: tranhoi@iebr.ncst.ac.vn	
Chức vụ người liên hệ: Phó Viện trưởng	✓ Dùng tiếng Pháp ☐ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 756 59 42	Số fax: (84 4) 836 11 96	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Sinh thái và môi trường - Tài nguyên sinh vật – Hệ thực vật và hệ động vật		
Số cán bộ khoa học: 115	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 10	
Số giáo sư: 14	Số tiến sĩ: 45	Số nghiên cứu sinh: 65
Xuất bản phẩm:		
Ngân sách hàng năm: 2,7 tỷ đồng		
Hợp tác với Pháp: - Chương trình nghiên cứu các tài nguyên thực vật; - Chương trình FSP ESPOIR.		
Hợp tác quốc tế: - Hợp tác khoa học với Anh, Hoa Kỳ, Nga, Nhật Bản, Đức, Hà Lan và Trung Quốc.		
Lời bình:		

VIỆN ĐỊA LÝ

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1993		
Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS Nguyễn Văn Cư	E-mail: nvcu@netnam.vn	
Họ tên người liên hệ: PGS Nguyễn Văn Cư	E-mail: nvcu@netnam.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	☐ Dừng tiếng Pháp ☒ Dừng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 836 12 01	Số fax: (84 4) 836 11 92	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Địa lý – Môi trường tự nhiên và con người.		
Số cán bộ khoa học: 136	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 11	
Số giáo sư: 3	Số tiến sĩ: 23	Số nghiên cứu sinh: 6
Xuất bản phẩm:		
Ngân sách hàng năm: 8,41 tỷ đồng		
Hợp tác với Pháp: - Dự án STD3-CT940310 (1995-2000) với IRD: thiết lập và sử dụng cơ sở dữ liệu để quản lý tốt hơn đất đai và môi trường. Các ứng dụng ở cao nguyên Việt Nam, Thái Nguyên, Bắc Kạn và Lâm Đồng.		
Hợp tác quốc tế: - Dự án khai thác năng lực quản lý môi trường với Bỉ. - Dự án Môi trường với Đức. - Dự án Viễn thám với Nhật Bản.		
Lời bình:		

VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Năm thành lập: 1976

Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Họ tên viện trưởng: Lê Hải Khôi

E-mail: lhkhai@ioit.ac.vn

Họ tên người liên hệ: Lương Chi Mai

E-mail: lcmai@ioit.ac.vn

Chức vụ người liên hệ: Phó Viện trưởng

☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 756 35 59

Số fax: (84 4) 756 42 17

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Công nghệ tin học
- Điều khiển học
- Nghiên cứu hệ thống quản lí thông tin

Số cán bộ khoa học: 139

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 7

Số giáo sư: 02

Số tiến sĩ: 49

Số nghiên cứu sinh: 23

Xuất bản phẩm: Tạp chí “Tin học và Điều khiển học”

Ngân sách hàng năm: 5 tỷ đồng

Hợp tác với Pháp:

Hợp tác quốc tế:

- Viện Khoa học và Công nghệ cao Nhật Bản.
- CRDI- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Quốc tế, Ca-na-đa.
- Internew- châu Âu
- Tập đoàn Nghiên cứu Quốc tế Al3 (Sáng kiến Hợp nhất Internet châu Á)

Lời bình:

VIỆN KỸ THUẬT NHIỆT ĐỚI

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1980		
Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: Lê Xuân Hiền	E-mail: hien-vktn@hn.vnn.vn	
Họ tên người liên hệ: Đông Văn Thu	E-mail: dvthu@vnd.ncst.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện phó	✓ Dành tiếng Pháp ✓ Dành tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 836 37 35	Số fax: (84 4) 756 46 96	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Nghiên cứu ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên nhiệt đới nóng ẩm của Việt Nam lên vật liệu và máy móc thiết bị kỹ thuật; - Nghiên cứu các kỹ thuật bảo vệ và các vật liệu chịu được các điều kiện môi trường.		
Số cán bộ khoa học: 67		Trong đó số dành được tiếng Pháp: 25
Số giáo sư: 2	Số tiến sĩ: 20	Số nghiên cứu sinh: 3
Xuất bản phẩm:		
Ngân sách hàng năm: 4,6 tỷ đồng (Ngân sách Nhà nước) và 5 tỷ đồng (Các hợp đồng công nghiệp)		
Hợp tác với Pháp: - Hợp tác khoa học Pháp – Việt được thiết lập từ năm 1983 và được phát triển (Khởi đầu với 2 phòng thí nghiệm và hiện nay với 12 phòng thí nghiệm ở Pháp, Dự án liên chính phủ ICPM 1998-2000, ESPOIR “Ăn mòn” 2001-2003, cho phép hợp tác với 8 phòng thí nghiệm Pháp khác) để đào tạo các nhà khoa học trẻ Việt Nam và tiến hành các chương trình nghiên cứu về chất lượng nước và chống ăn mòn; - Viện có hợp tác với nhiều phòng thí nghiệm Pháp và tổ chức một hội nghị quốc tế “Ăn mòn và bảo vệ vật liệu”. 23 nhà khoa học đã được nhận vào các phòng thí nghiệm ở Pháp, trong đó 11 người được đào tạo tiến sĩ.		
Hợp tác quốc tế: - Hợp tác khoa học với các phòng thí nghiệm của Viện Hàn lâm Khoa học Nga, các phòng thí nghiệm nghiên cứu của Nhật Bản, các phòng thí nghiệm của U-crai-na và các nước ASEAN.		
Lời bình:		

VIỆN HÓA HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Năm thành lập: 1978

Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Họ tên viện trưởng: Trần Văn Sung

E-mail: tvsv@ich.ncst.ac.vn

Họ tên người liên hệ: Trần Văn Sung

E-mail: tvsv@ich.ncst.ac.vn

Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng

✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 756 47 94

Số fax: (84 4) 836 12 83

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Hoá học

Số cán bộ khoa học: 135

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 20

Số giáo sư: 17

Số tiến sĩ: 45

Số nghiên cứu sinh: 25

Xuất bản phẩm: Tạp chí Hoá học.

Ngân sách hàng năm: 10 tỷ đồng.

Hợp tác với Pháp:

Hợp tác khoa học trong khuôn khổ các dự án sau:

- Nghiên cứu đặc tính sinh học trong các hợp chất có nguồn gốc thực vật;
- Nghiên cứu môi trường sông ngòi ở Hà Nội;
- Nghiên cứu xúc tác hoá dầu và các vấn đề liên quan đến môi trường (xử lý chất thải...);
- Trường Đồ Sơn về hoá học các hợp chất thiên nhiên.

Hợp tác quốc tế:

- Nghiên cứu nguồn tài nguyên sinh vật với Bỉ;
- Nghiên cứu các hợp chất thiên nhiên với Đức;
- Nghiên cứu tính đa dạng sinh học với Hoa Kỳ;
- Nghiên cứu vật liệu pô-li-me với Hàn Quốc.

Lời bình:

- Viện mong muốn phát triển chủ yếu việc nghiên cứu các đặc tính sinh học của thực vật, vật liệu pô-li-me, phân tích các vấn đề liên quan đến môi trường.

VIỆN KHOA HỌC VẬT LIỆU

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1993		
Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội		
Họ tên Viện trưởng: Nguyễn Xuân Phúc	E-mail: Phucnx@fpt.vn	
Họ tên người liên hệ: Phạm Xuân Tường	E-mail: Pxtuong@im.ncst.ac.vn	
Chức vụ người liên hệ: Phó phòng Tổng hợp	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 756 41 29	Số fax: (84 4) 836 07 05	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Khoa học vật liệu		
Số cán bộ khoa học: 206	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 12	
Số giáo sư: 26	Số tiến sĩ: 66	Số nghiên cứu sinh: 26
Xuất bản phẩm: Tạp chí Hoá học		
Ngân sách hàng năm: 15 tỷ đồng		
Hợp tác với Pháp: - 6 dự án hợp tác với CNRS: 14849, 13543, 13541, 13544, 13542, 1548. - Dự án hợp tác PICS - Hợp tác với Trung tâm Minatech-LETI (Grenoble)		
Hợp tác quốc tế: - Hợp tác với Phòng Nghiên cứu Khoa học châu Á của Không lực Hoa Kỳ về Công nghệ nano; - Hợp tác với Viện Nghiên cứu Khoáng vật của Đức trong lĩnh vực ngọc học; - Hợp tác với Nga về công nghệ xử lý nước; - Hợp tác với Đại học Tổng hợp Osaka (Nhật Bản); - Hợp tác với KAIST, POSTECH của Hàn Quốc.		
Lời bình:		

VIỆN TOÁN HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Năm thành lập: 1970

Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Họ tên viện trưởng: Hà Huy Khoái

E-mail: hhkhoai@math.ac.vn

Họ tên người liên hệ: Hà Huy Khoái

E-mail: hhkhoai@math.ac.vn

Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng

☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 756 44 28

Số fax: (84 4) 756 43 03

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Toán học.

Số cán bộ khoa học: 90

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 20

Số giáo sư: 39

Số tiến sĩ: 67

Số nghiên cứu sinh: 40

Xuất bản phẩm: Tạp chí Acta Mathematica Vietnamica.

Ngân sách hàng năm: 1,9 tỷ đồng

Hợp tác với Pháp:

Các thoả thuận hợp tác khoa học đã được kí kết với:

- Viện Toán học Toulouse;
- Viện Khoa học ứng dụng quốc gia Rouen.

Hợp tác quốc tế:

- Thành viên của Trung tâm Nghiên cứu Toán học Quốc tế Stefan Banach (Varsovie, Ba Lan);
- Thành viên liên kết của Trung tâm Vật lý Lý thuyết Quốc tế (Trieste, I-ta-li-a)
- Thỏa thuận hợp tác với Đại học Tổng hợp Thủ đô Tokyo.

Lời bình:

VIỆN CƠ HỌC ỨNG DỤNG

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1984		
Địa chỉ : 291 Điện Biên Phủ, Quận 3, TP Hồ Chí Minh		
Họ tên viện trưởng: Nguyễn Cao Mệnh	E-mail: ncmenh@yahoo.com	
Họ tên người liên hệ: Nguyễn Cao Mệnh	E-mail: ncmenh@yahoo.com	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 8) 930 24 94	Số fax: (84 4) 930 83 00	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Cơ khí máy và tự động hoá, cơ học chất lỏng, khí và môi trường, cơ học số và chẩn đoán kỹ thuật.		
Số cán bộ khoa học: 60	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 2	
Số giáo sư: 2	Số tiến sĩ: 12	Số nghiên cứu sinh: 7
Xuất bản phẩm:		
Ngân sách hàng năm: 1,5 tỷ đồng		
Hợp tác với Pháp: - Tham gia các hội nghị Pháp – Việt về cơ học kỹ thuật hiện đại ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh; - Tham gia các dự án đào tạo tiến sĩ với Viện Cơ học (Hà Nội).		
Hợp tác quốc tế: - Viện hợp tác khoa học với Viện Cơ điện Chemnitz (Đức), Đại học Kỹ thuật Karlsruhe (Đức), Đại học Bochum (Đức); - Một số nhà khoa học của Viện đã được cử sang Đức để làm nghiên cứu sinh tiến sĩ hoặc tham gia một số dự án.		
Lời bình: - Hiện nay, việc đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài là hoạt động hợp tác quốc tế chính. Viện chưa có các dự án chung ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.		

VIỆN CƠ HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1979		
Địa chỉ : 264 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: Nguyễn Tiến Khiêm	E-mail: ntkhiem@im01.ac.vn	
Họ tên người liên hệ: Dương Ngọc Hải	E-mail: dnhai@im01.av.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện phó	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 832 97 06	Số fax: (84 4) 833 30 39	
Lĩnh vực nghiên cứu: Cơ học chất lỏng, thuỷ động học, khí động học, cơ học chất rắn, cơ học máy, lí thuyết dao động.		
Số cán bộ khoa học: 140	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 12	
Số giáo sư: 6	Số tiến sĩ: 37	Số nghiên cứu sinh: 8
Xuất bản phẩm: Tạp chí Cơ học.		
Ngân sách hàng năm: 8 tỷ đồng.		
Hợp tác với Pháp: - Hợp tác khoa học với Viện Cơ học Chất lỏng Toulouse (IMFT), Đại học Tổng hợp Cean và Đại học bách khoa Paris; - Viện tham gia đồng phụ trách chương trình PICS về cơ học, hợp tác với CNTS và CNRS.		
Hợp tác quốc tế: - Viện hợp tác khoa học với các viện nghiên cứu và các trường đại học ở Đức, Nhật Bản, Hà Lan và Anh.		
Lời bình: - Hợp tác khoa học đóng một vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng; - Hợp tác quốc tế, trao đổi quan điểm và kết quả nghiên cứu rất cần thiết đối với việc nghiên cứu khoa học của Viện.		

VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1993		
Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội		
Họ tên Viện trưởng: Lê Trần Bình	E-mail: binh@ibt.ac.vn	
Họ tên người liên hệ: Lê Trần Bình	E-mail: binh@ibt.ac.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 756 46 91	Số fax: (84 4) 836 31 44	
Lĩnh vực nghiên cứu: Sinh học phân tử, công nghệ tế bào, công nghệ en-zym, công nghệ vi sinh, công nghệ môi trường, y tế và dược học.		
Số cán bộ khoa học: 320 trong đó 190 toàn thời gian		Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 5
Số giáo sư: 13	Số tiến sĩ: 63	Số nghiên cứu sinh: 25
Xuất bản phẩm: Tạp chí Công nghệ Sinh học.		
Ngân sách hàng năm: 18-19 tỷ đồng		
Hợp tác với Pháp: - Từ năm 1990, Viện đã có 4 dự án hợp tác ở mức độ khiêm tốn với Pháp và đã cử 9 đoàn cán bộ khoa học Việt Nam sang Pháp.		
Hợp tác quốc tế: - Viện có hợp tác khoa học với nhiều tổ chức ở Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản, Bỉ, và trong khuôn khổ ASEAN. Viện cũng hợp tác với các hiệp hội Montato và Rockefeller (Hoa Kỳ).		
Lời bình:		

VIỆN CÔNG NGHỆ HÓA HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Năm thành lập: 1993

Địa chỉ: 01 Mạc Đĩnh Chi, quận 1, TP Hồ Chí Minh

Họ tên viện trưởng: GS TS Lưu Cẩm Lộc

E-mail: chemtech@hcm.fpt.vn

Họ tên người liên hệ: TS Nguyễn Thị Dung

E-mail: dungkha@hcm.vnn.vn

Chức vụ người liên hệ: Trưởng Phòng Thí nghiệm

☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 824 51 95 hoặc 825 63 94

Số fax: (84 4) 829 38 89

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Công nghệ hoá học, xúc tác môi trường và hoá dầu. Vật liệu hữu cơ và vô cơ, hoá lý và phân tích, phương pháp và thiết bị hoá học.

Số cán bộ khoa học: 52

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 3

Số giáo sư: 2

Số tiến sĩ: 10

Số nghiên cứu sinh: 11

Xuất bản phẩm: Tạp chí Hoá học, Kỷ yếu hàng năm.

Hợp tác với Pháp:

- Dự án PICS từ năm 1990 đến năm 1998, hợp tác với CNST và với CNRS về xúc tác hỗn hống;
- Hợp tác với các viện của Pháp: Viện Nghiên cứu Xúc tác Villeurbanne (CNRS), Đại học Tổng hợp Pierre và Mari Curie (Phòng Thí nghiệm Phản ứng và Bề mặt UMR 7069, Jussieu, Pa-ri V), Phòng thí nghiệm các chất xúc tác và xúc tác trong hóa hữu cơ CNRS UMR 5618;
- Dự án FSP ESPOIR (2001-2004), Hợp tác với Phòng Thí nghiệm Hoá học Nước và Môi trường (LCEE), Đại học Bách khoa Poitier, phòng thí nghiệm quang xúc tác URM 5621 ở Lyon, Trường Mỏ ở Nantes.

Hợp tác quốc tế:

- Hợp tác với Đức, 1996-2000: Dự án về "Chất xúc tác khử hiđrô từ paraffin";
- Hợp tác với Nga, 1980-1990 với Viện Hoá học Hữu cơ Zelinski (Mát-xcơ-va);
- Cộng tác giữa Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam về nghiên cứu các Hợp chất Tự nhiên.

Lời bình:

- Viện Công nghệ Hoá học coi trọng việc phát triển hợp tác quốc tế. Thông qua hoạt động này đội ngũ cán bộ khoa học liên tục được nâng cao trình độ và đóng một vai trò then chốt trong Viện. Mặt khác, các chương trình hợp tác tài trợ một số thiết bị phục vụ cho việc nghiên cứu của Viện.

VIỆN SINH HỌC NHIỆT ĐỚI

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1993		
Địa chỉ: 1 Mạc Đĩnh Chi, TP Hồ Chí Minh		
Họ tên viện trưởng: Nguyễn Tiến Thắng	E-mail: iotb@hcmc.netnam.vn	
Họ tên người liên hệ: Nguyễn Thị Quỳnh	E-mail: qtnghuyen@hcmc.netnam.vn	
Chức vụ người liên hệ: Viện phó	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 8) 824 14 01	Số fax: (84 4) 824 13 46	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng trong các lĩnh vực công nghệ sinh học thực vật và động vật, vi sinh và sinh thái.		
Số cán bộ khoa học: 124	Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 6	
Số giáo sư: 6	Số tiến sĩ: 20	Số nghiên cứu sinh: 9
Xuất bản phẩm:		
Ngân sách hàng năm: 3,5 tỷ đồng		
Hợp tác với Pháp: - Chương trình nghiên cứu giữa TS. Trịnh Thị Lâm (phòng thí nghiệm sinh thái học) và TS. Bùi Thị Mai (phòng thí nghiệm sinh lý học thuộc CNRS/UNSA/CEPAM), dự án 2002-2003.		
Hợp tác quốc tế: - Hợp tác khoa học với Viện Nghiên cứu Thực vật Quốc gia (Ấn Độ) trong việc nghiên cứu trồng trọt và chọn những giống chịu được khô hạn (<i>azudiarchta indica</i> A.Juss). - Hợp tác với Đại học Tổng hợp Kiev (U-crai-na) trong việc nghiên cứu xác định các loại vi-rút gây bệnh cho cây hồ tiêu; - Viện trợ của IABA (Nhật Bản) cho các dự án nghiên cứu công nghệ sinh học thực vật.		
Lời bình:		

VIỆN HÓA HỌC CÁC HỢP CHẤT THIÊN NHIÊN

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1990		
Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS.TS. Hoàng Thanh Hương	E-mail: thuynn@igp.ncst.ac.vn	
Họ tên người liên hệ: Hà Huy Tạo	E-mail: chau@igp.ncst.ac.vn	
Chức vụ người liên hệ: Cán bộ	☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 4) 756 43 33	Số fax: (84 4) 756 43 90	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Cô lập, xác định cấu tạo và sự chuyển hoá của các chất tự nhiên được tách ra từ cây trồng, sản phẩm tự nhiên ở biển và vi sinh vật. Sàng lọc thí nghiệm sinh học. - Phát triển các sản phẩm có giá trị cao từ tài nguyên thiên nhiên để sử dụng trong y tế, hoá mỹ phẩm và công nghiệp thực phẩm; - Dự kiến và phát triển công nghệ để sản xuất trên quy mô lớn; - Tổng hợp các loại dược phẩm; - Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về môi trường; - Đào tạo sau đại học về hoá học các sản phẩm thiên nhiên.		
Số cán bộ khoa học: 320 trong đó 190 toàn thời gian		Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 5
Số giáo sư: 13	Số tiến sĩ: 63	Số nghiên cứu sinh: 25
Xuất bản phẩm: Tạp chí Công nghệ Sinh học.		
Ngân sách hàng năm: 18-19 tỷ đồng		
Hợp tác với Pháp:		
Hợp tác quốc tế: - Viện có hợp tác khoa học với các viện nghiên cứu của Hàn Quốc, I-ta-li-a, Nga, Trung Quốc và Đức.		
Lời bình:		

VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Năm thành lập: 30/10/2002

Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Họ tên viện trưởng: Nguyễn Thế Đông

E-mail: nthedong@iet.ncst.ac.vn

Họ tên người liên hệ: Nguyễn Thế Đông và
Nguyễn Hồng Khanh

E-mail: hongkhanh@vnn.vn

Chức vụ người liên hệ: Viện trưởng và Viện phó

☐ Dùng tiếng Pháp ☒ Dùng tiếng Anh

Số điện thoại: (84 4) 756 91 35/33

Số fax: (84 4) 756 91 36

hoặc 09 13 22 90 41 hoặc 09 13 20 00 05

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Khoa học và công nghệ môi trường: nghiên cứu, thực hiện, tư vấn và đào tạo.

Số cán bộ khoa học: 66

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 5

Số giáo sư: 2

Số tiến sĩ: 10

Số nghiên cứu sinh:

Xuất bản phẩm:

Ngân sách hàng năm: 4 tỷ đồng

Hợp tác với Pháp:

- Dự án PICS về chất lượng nước, giám đốc dự án là GS. Đặng Vũ Minh và giám đốc điều hành là TS. Nguyễn Thế Đông.

Hợp tác quốc tế:

- Viện có hợp tác khoa học và các dự án đang được triển khai với các viện nghiên cứu JICA của Nhật Bản, KOICA của Hàn Quốc.
- Các dự án hợp tác khoa học với các viện ở Nga và ở Hoa Kỳ.

Lời bình:

- Mới được thành lập, Viện có nhiều tiềm năng trong việc nghiên cứu khoa học về công nghệ môi trường. Dự án PICS với Pháp có nhiều kết quả tốt, hơn 20 nhà khoa học trẻ đã được dự các khóa đào tạo. Hiện nay, một số nhà khoa học đang thực tập tại Pháp và cũng có một số thực tập sinh tại Pháp ở Viện.
- Viện mong muốn hợp tác tiếp tục phát triển để đóng góp vào sự phát triển nền khoa học Việt Nam.

VIỆN VẬT LÝ VÀ ĐIỆN TỬ

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Năm thành lập: 1969

Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Ngọc, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội

Họ tên viện trưởng: Nguyễn Ai Việt

E-mail: vieta@iop.ncst.ac.vn

Họ tên người liên hệ: Nguyễn Đại Hưng

E-mail: daihung@ims.ncst.ac.vn

Chức vụ người liên hệ: Cán bộ

☒ **Dùng tiếng Pháp** ☐ **Dùng tiếng Anh**

Số điện thoại: (84 4) 756 43 33 hoặc 836 08 30

Số fax: (84 4) 756 43 90

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Vật lý lý thuyết: chất rắn, năng lượng cao, hạt cơ bản, phân tử, vật lý thiên văn;
- Điện tử học lượng tử: la-de, quang học, quang phổ học, các phương pháp phân tích quang phổ;
- Ứng dụng la-de trong y học, sinh học, điện tử học, thông tin và viễn thông;
- Vật lý hạt nhân;
- Vật lý thực nghiệm và ứng dụng trong môi trường, viễn thám, năng lượng và vật liệu.

Số cán bộ khoa học: 216

Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 17

Số giáo sư: 35

Số tiến sĩ: 95

Số nghiên cứu sinh: 25

Xuất bản phẩm: Thông tin Vật lý học.

Ngân sách hàng năm:

Hợp tác với Pháp:

- Từ năm 1982, Viện đã hợp tác khoa học về đào tạo với các phòng thí nghiệm của CNRS, các trường đại học trong lĩnh vực vật lý lý thuyết, vật lý thiên văn, vật lý thực nghiệm và ứng dụng. Hợp tác này cũng bao gồm việc trao đổi các nhà khoa học, thông tin và đào tạo tiến sĩ, tổ chức hội nghị, hội thảo.

Hợp tác quốc tế:

- Viện hợp tác khoa học với các phòng thí nghiệm và trường đại học ở Bỉ, Ca-na-đa, Đức, I-ta-li-a, Nga, Hoa Kỳ;
- Viện có mối quan hệ về khoa học với các viện khoa học của các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Lời bình:

- Mục tiêu là tăng cường đào tạo khoa học ở trình độ cao.

VIỆN HẢI DƯƠNG HỌC

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1922		
Địa chỉ : 1 Cầu Đá, Nha Trang, Khánh Hoà		
Họ tên viện trưởng: TS Nguyễn Tắc An	E-mail: haiduong@dng.vnn.vn	
Họ tên người liên hệ: Nguyễn Thanh Vân	E-mail: bibion@dng.vnn.vn	
Chức vụ người liên hệ: Trưởng phòng Thông tin Tư liệu	✓ Dành tiếng Pháp ✓ Dành tiếng Anh	
Số điện thoại: (84 5) 859 00 35 hoặc 859 03 72	Số fax: (84 5) 859 00 34	
Lĩnh vực nghiên cứu: - Các khoa học về biển		
Số cán bộ khoa học: 115		Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 8
Số giáo sư: 4	Số tiến sĩ: 15	Số nghiên cứu sinh: 4
Xuất bản phẩm: Bộ sách “Nghiên cứu biển”, tạp chí khoa học và công nghệ biển.		
Ngân sách hàng năm: Hoạt động bộ máy: 167,2 triệu đồng và nghiên cứu khoa học: 935,7 triệu đồng		
Hợp tác với Pháp: - Dự án với IFREMER “GAMBAS” (1993 đến 2003) về đánh giá toàn bộ những tác động của việc nuôi tôm đối với môi trường ở vùng Châu thổ sông Mê-công. - Hợp tác với Hội Những Người Bạn của Viện Hải dương học Nha Trang; - Hợp tác với Hội Cousteau “Calypso” từ năm 1992.		
Hợp tác quốc tế: - Viện hợp tác khoa học với hơn 80 nước và viện nghiên cứu hải dương học.		
Lời bình: -Sau 80 năm hoạt động, Viện đã đóng góp vào nghiên cứu việc khai thác, an ninh và bảo vệ Biển Đông. Viện đã tập hợp được thông tin và dữ liệu về Biển Đông và đã lập được các bản đồ, các atlas đáp ứng cho các nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội.		

VIỆN VẬT LÝ ĐỊA CẦU

Trực thuộc cơ quan: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
Năm thành lập: 1986		
Địa chỉ : 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội		
Họ tên viện trưởng: PGS Nguyễn Ngọc Thuy		E-mail: thuynn@igp.ncst.ac.vn
Họ tên người liên hệ: PGS Hà Duyên Châu		E-mail: chau@igp.ncst.ac.vn
Chức vụ người liên hệ: Viện phó		✓ Dùng tiếng Pháp ✓ Dùng tiếng Anh
Số điện thoại: (84 4) 756 68 93		Số fax: (84 4) 836 46 96
Lĩnh vực nghiên cứu: - Vật lí học về địa cầu		
Số cán bộ khoa học: 96		Trong đó số dùng được tiếng Pháp: 10
Số giáo sư: 9	Số tiến sĩ: 16	Số nghiên cứu sinh: 8
Xuất bản phẩm: Tạp chí “Khoa học Địa cầu”.		
Ngân sách hàng năm: 290 000 đô-la Mỹ hoặc 4,46 tỷ đồng		
Hợp tác với Pháp: 5 dự án hợp tác đã được thực hiện về: - 1992-1995: nghiên cứu sự biến đổi của địa từ trường với việc thành lập Phòng Thí nghiệm Từ trường Trái đất tại Việt Nam, hợp tác với Viện Vật lý Địa cầu Paris; - 1992-1995: hiện đại hoá mạng lưới các trạm địa chấn của Việt Nam, hợp tác với Viện Địa cầu Strasbourg; - 1992-1995: nghiên cứu các tầng nước ngầm ở Việt Nam, hợp tác với Viện Địa cầu Paris; - dự án PICS số 13531, 2003: nghiên cứu sự biến đổi không gian – thời gian của trường địa từ, hợp tác với Viện Địa cầu Paris; - dự án PICS số 12744, 2004: nghiên cứu sự biến đổi của trường địa từ, hợp tác với Viện Địa cầu Paris.		
Hợp tác quốc tế: - Viện hợp tác khoa học với các viện nghiên cứu của Nhật Bản, Nga, Đài Loan, Hoa Kỳ, Đức, I-ta-li-a, Ba Lan, Ấn Độ.		
Lời bình:		

TỪ VỰNG

ACIAR	Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Ô-xơ-rây-li-a
ADEME	Cơ quan Môi trường và Quản lí Năng lượng
AGI	Viện Di truyền Nông nghiệp, Việt Nam
AGIFISH	Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang
ANRS	Cơ quan Nghiên cứu Si-đa và Viêm gan C Quốc gia
AREVA	Tập đoàn các công ty Pháp đứng đầu thế giới về năng lượng
ASSV	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
ASTV	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
AUF	Tổ chức Đại học Pháp ngữ
AVRDC	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Thực vật châu Á, Đài Loan
BAD	Ngân hàng Phát triển châu Á
CBGP	Trung tâm Sinh học và Quản lý Dân số, Montpellier
CCSTVN	Ủy ban Hợp tác Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
CEA	Ủy hội Năng lượng Nguyên tử Pháp
CEPED	Trung tâm Dân số và Phát triển Pháp
CESBIO	Trung tâm Nghiên cứu Không gian và Sinh quyển, Toulouse
CFTI	Trung tâm Đào tạo Kỹ thuật Tin học Việt Nam
CIRAD	Trung tâm Hợp tác Quốc tế trong Nghiên cứu Phát triển Nông học
CLIPS	Thông tin Ngôn ngữ và Tác động qua lại Con người Hệ thống, Phòng Thí nghiệm Grenoble.
CLRRI	Viện Nghiên cứu Lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam
CNIDST	Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia
CNRS	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia
CNRS UPR 2300	Trung tâm Nghiên cứu Thạch học và Địa hoá, Nancy
CNRS UMR 7566	Địa chất học và Quản lý Tài nguyên Khoáng sản và Năng lượng, Nancy, Đại học Tổng hợp Poincaré
CNSSH	Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia
CNSNT	Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia
CODATU	Hợp tác Phát triển và Cải thiện Giao thông Đô thị và Vành đai Đô thị, Hiệp hội Quốc tế
CRURE	Trung tâm Nghiên cứu và Quy hoạch Môi trường Đô thị và Nông thôn, trực thuộc Bộ Xây dựng Việt Nam
CSDS	Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Xã hội, Trung tâm Dân số của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
DOSTE	Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường
DSA-VASI	Phát triển các Hệ thống Ruộng đất – Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
EFE0	Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp
ENERTEAM	Bảo tồn Năng lượng, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển, TP HCM, Việt Nam
ENVA	Trường Thú y Quốc gia Alfort, đối tác của INRA
ENS	Trường Sư phạm Cao cấp
ESPOIR	Các trường Khoa học và Chương trình Định hướng và Thông tin Nghiên cứu.
FSP	Quỹ Đoàn kết Ưu tiên, Bộ Ngoại giao, Pháp

GEMDEV	Nhóm lợi ích khoa học về Nghiên cứu Toàn cầu hoá và Phát triển, Paris 1
GRAVIR	Phòng Thí nghiệm Nghiên cứu trong lĩnh vực tổng hợp hình, ảnh và rô-bốt, INP Grenoble, CNRS và INRIA
GRET	Nhóm Nghiên cứu và Trao đổi Công nghệ
HCMV	Thành phố Hồ Chí Minh
HUT	Đại học Bách khoa Hà Nội
IABA	Hội Công nghệ Sinh học Nông nghiệp, Nhật Bản
ICAR	Trung tâm Thông tin Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
ICRAF	Trung tâm Nghiên cứu Nông lâm Quốc tế
IFI	Viện Tin học khối Pháp ngữ, Việt Nam
IFREMER	Viện Nghiên cứu và Khai thác Biển Pháp
IMTSSA	Viện Y học Nhiệt đới, Cục Quân y
IMV	Viện Nghề nghiệp Thành phố, Hà Nội, Việt Nam
INN	Viện Dinh dưỡng Quốc gia, Bộ Y tế, Việt Nam
INP	Viện Kỹ thuật Bách khoa Quốc gia
INPG	Viện Kỹ thuật Bách khoa Quốc gia Grenoble
INPP	Viện Bảo vệ Cây trồng Quốc gia
INRETS	Viện Nghiên cứu Giao thông và An toàn Giao thông Quốc gia
INRA	Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc gia
INRIA	Viện Nghiên cứu Tin học và Tự động Quốc gia
INSERM	Viện Sức khỏe và Nghiên cứu y học Quốc gia
INSTN	Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân Quốc gia, Pháp
IOS	Viện Xã hội học, Việt Nam
IPH	Trường Đại học Bách khoa, Hà Nội
IRASEC	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á Hiện đại, Băng-cốc
IRD	Viện Nghiên cứu Phát triển
IRICE	Bản sắc, Quan hệ Quốc tế và Các nền Văn minh châu Âu, Paris 1
IRRI	Viện Nghiên cứu Lúa Quốc tế
IRSEA	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Đại học Tổng hợp Provence
ISM	Viện Quản lý Khoa học
ISTED	Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường để Phát triển
IWMI	Viện Nghiên cứu Nước Quốc tế
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
KAIST	Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Hàn Quốc
KOICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc
LETI	Phòng Thí nghiệm Điện tử và Công nghệ Thông tin, CEA
LSR	Phần mềm Hệ thống Mạng, Phòng Thí nghiệm Grenoble
MEF	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam
MICA	Trung tâm Thông tin đại chúng, Thông tin, Truyền thông và Ứng dụng
MINATEC	Trung tâm Kiểm định và Đổi mới Công nghệ Micro và Nano, CEA-LETI Grenoble
MOC	Bộ Xây dựng, Việt Nam
MOST	Bộ Khoa học và Công nghệ, Việt Nam
NAFOSTED	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia
NIAH	Viện Chăn nuôi Quốc gia
NIMPE	Viện Sốt rét - Kí sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Bộ Y tế, Việt Nam

NIN	Viện Dinh dưỡng, Bộ Y tế, Việt Nam
NIPP	Viện Bảo vệ Thực vật, Việt Nam
NISF	Viện Thổ nhưỡng Nông hoá, Việt Nam
NISTFASS	Viện Khoa học và Kỹ thuật Dự báo và Nghiên cứu Chiến lược Quốc gia
NTIC	Công nghệ Thông tin và Truyền thông Mới
PACTE	Chiến dịch Vận động Nhận thức Cộng đồng về Giao thông và Môi trường
PCP	Trung tâm Khả năng và Cộng tác, CIRAD, Pháp
PFIEV	Chương trình Đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt Nam
PICS	Chương trình Hợp tác Khoa học Quốc tế
POPCON	Tư vấn Nghiên cứu Dân số, Việt Nam
POSTECH	Đại học Khoa học và Công nghệ Pô-hang, Hàn Quốc
RIFAV	Viện Nghiên cứu Rau Quả, Việt Nam
RRIV	Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam
RSDT	Nghiên cứu Khoa học phục vụ Phát triển Công nghệ, Việt Nam
SEDET	Hội Phát triển Không gian và Thời gian, Pa-ri VII
SOFRI	Viện Nghiên cứu cây ăn quả Miền nam, Việt Nam
REGARDS	Nghiên cứu Kinh tế, Địa lý, Nhân chủng và Tái tạo phương Nam, IRD, Pháp
TEPC SOUTH	Trung tâm Quy hoạch Giao thông và Môi trường, TP Hồ Chí Minh
UAF	Đại học Nông Lâm Thủ Đức
UCT	Đại học Cần Thơ
UNICEF	Quỹ Cứu trợ Trẻ em Quốc tế của Liên Hợp Quốc
VAEC	Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ
VASI	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
VASS	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
VI	Tình nguyện Quốc tế
VNUH	Đại học Quốc gia Hà Nội
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC CỦA PHÁP Ở VIỆT NAM

Đã ấn hành

Năm 2002

- Số 1 : Hợp tác của Pháp ở Việt Nam
- Số 2 : Giáo dục và đào tạo đại học tại Việt Nam
- Số 3 : Báo cáo hoạt động năm 2001 của Trung tâm Văn hoá và hợp tác
- Số 4 : Hợp tác của Pháp trong lĩnh vực đào tạo ở Việt Nam
- Số 5 : Phát triển vùng ngoại vi Hà Nội, những thách thức mới
- Số 6 : Hà Nội, thành phố của hai nền văn hoá Việt Nam và Trung Hoa
- Số 7 : Việt Nam cần xây dựng chính sách công nghệ theo hướng nào ?
- Số 8 : Hợp tác của Pháp trong lĩnh vực y tế ở Việt Nam
- Số 9 : Hoạt động của Pháp trong lĩnh vực phát triển đô thị ở Việt Nam
- Số 10 : Danh bạ các sinh viên và thực tập viên tại TP Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Nam được nhận học bổng của chính phủ Pháp năm học 2002-2003

Năm 2003

- Số 1 : Hoạt động của Pháp trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực
- Số 2 : Báo cáo hoạt động năm 2002 của Trung tâm Văn hoá và hợp tác
- Số 3 : Nước Pháp và tiếng Pháp ở Việt Nam
- Số 4 : Hợp tác Pháp - Việt : sự kiện và con số
- Số 5 : Hoạt động của các đơn vị hành chính địa phương của Pháp tại Việt Nam
- Số 6 : Nông nghiệp và phát triển nông thôn
- Số 10 : Nhà ở có chi phí thấp tại Thành phố Hồ Chí Minh

Kỷ yếu hội thảo:

Hội thảo PAOPA : Các phương thức tiếp cận mới phục vụ nông nghiệp

Năm 2004

- Số 1 : FASEVIE - Một giải pháp độc đáo cho vấn đề suy dinh dưỡng trẻ em ở Việt Nam
 - Số 2 : Tăng trưởng kinh tế và xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam : cỗ máy bị chặn lại ?
 - Số 3 : Hoạt động của Pháp trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học kỹ thuật
- Báo cáo hoạt động năm 2003 của Trung tâm Văn hoá và hợp tác
Các dự án hợp tác về nước của Pháp ở Việt Nam

Năm 2005

- Số 1 : Báo cáo về hoạt động du lịch
- Báo cáo hoạt động năm 2004 của Trung tâm Văn hoá và hợp tác

Sắp ấn hành

- Hợp tác Pháp - Việt : sự kiện và con số (số liệu năm 2004)
- Hợp tác của Pháp trong lĩnh vực môi trường, nước và năng lượng
- Hoạt động hỗ trợ của Pháp trong quá trình chuyển đổi kinh tế và chính sách
- Hợp tác của Pháp trong lĩnh vực văn hoá



Liberté • Egalité • Fraternité
RÉPUBLIQUE FRANÇAISE

Ambassade de France en République Socialiste du Vietnam
57, Tran Hung Dao - Hanoi - Tél.: 943 77 19 - www.ambafrance-vn.org
